

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

CHU THANH THỦY

**ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN
TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU,
TỈNH QUẢNG NINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ NHÂN LỰC

HÀ NỘI – 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

CHU THANH THỦY

**ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN
TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU,
TỈNH QUẢNG NINH**

Chuyên ngành: Quản trị nhân lực

Mã ngành: 8340404

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ NHÂN LỰC

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS NGUYỄN QUANG HỒNG

HÀ NỘI – 2019

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn này là công trình nghiên cứu thực sự của cá nhân tôi, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào. Các số liệu, nội dung được trình bày trong luận văn này là hoàn toàn hợp lệ và đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Tôi xin chịu trách nhiệm về đề tài nghiên cứu của mình.

Tác giả

Chu Thanh Thủy

LỜI CẢM ƠN

Trong cả quá trình học tập, chọn đề tài cũng như triển khai thực hiện hoàn thành Luận văn Thạc sỹ Quản trị nhân lực tại trường Đại học Lao động và Xã hội, tác giả đề án luôn nhận được sự quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện về nhiều mặt; sự hướng dẫn chỉ bảo, tư vấn nhiệt tình của giảng viên trường Đại học Lao động và Xã hội, khoa Sau Đại học; của các đơn vị, phòng ban thuộc thị xã Đông Triều.

Tác giả xin trân trọng cảm ơn các thầy, cô giáo đã giảng dạy và cung cấp những kiến thức cơ bản, sâu sắc, tạo điều kiện giúp đỡ tác giả trong quá trình học tập, nghiên cứu rèn luyện tại trường Đại học Lao động và Xã hội. Đặc biệt tác giả xin trân trọng cảm ơn PGS.TS Nguyễn Quang Hồng-Viện trưởng - Viện NCCS&PT-Học viện Chính trị khu vực I đã luôn động viên, giúp đỡ và tạo mọi điều kiện tốt nhất trong quá trình nghiên cứu để tác giả thực hiện và hoàn thành Luận văn Thạc sỹ Quản trị nhân lực.

Tác giả cũng xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới gia đình, bạn bè, đồng nghiệp đã luôn quan tâm, động viên và tạo mọi điều kiện thuận lợi để tác giả yên tâm học tập và viết Luận văn.

Em xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, tháng 11 năm 2019

Tác giả

Chu Thanh Thủy

MỤC LỤC

DANH MỤC TÊN VIẾT TẮT	V
DANH MỤC BẢNG BIỂU, HÌNH VẼ, SƠ ĐỒ	VI
MỞ ĐẦU.....	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài	3
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	4
5. Phương pháp nghiên cứu.....	4
6. Những đóng góp mới của luận văn	6
7. Kết cấu của luận văn.....	6
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN.....	7
1.1. Một số khái niệm cơ bản	7
1.1.1. Lao động	7
1.1.2. Việc làm.....	8
1.1.3. Lao động nông thôn	9
1.1.4. Đào tạo nghề cho Lao động nông thôn.....	12
1.2. Nội dung đào tạo nghề cho Lao động nông thôn	15
1.2.1. Tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm cho Lao động nông thôn.....	15
1.2.2. Xác định nhu cầu học nghề của người lao động	16
1.2.3. Lập kế hoạch đào tạo nghề	19
1.2.4. Tuyển sinh học nghề	28
1.2.5. Tổ chức thực hiện.....	29
1.2.6. Đánh giá kết quả đào tạo	36
1.2.7. Việc làm sau đào tạo nghề.....	37
1.3. Một số yếu tố tác động đến đào tạo nghề cho Lao động nông thôn.....	38

1.3.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội ở địa phương.....	38
1.3.2. Mạng lưới cơ sở nghề	40
1.3.3. Quản lý nhà nước về đào tạo nghề.....	40
1.3.4. Chính sách của nhà nước và địa phương về đào tạo nghề cho LĐNT.....	41
1.4. Kinh nghiệm một số địa phương về đào tạo nghề cho Lao động nông thôn và bài học rút ra cho thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.....	42
1.4.1. Kinh nghiệm một số địa phương.....	42
1.4.2. Bài học rút ra cho thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	45
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH ...	48
2.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên, tình hình kinh tế-xã hội thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.....	48
2.1.1. Điều kiện tự nhiên.....	48
2.1.2. Đặc điểm kinh tế - Xã hội.....	51
2.1.3. Dân số, lao động việc làm	53
2.2. Phân tích thực trạng đào tạo nghề cho Lao động nông thôn thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.....	57
2.2.1. Thực trạng việc tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm cho Lao động nông thôn.....	57
2.2.2. Thực trạng việc xác định nhu cầu đào tạo nghề.....	58
2.2.3. Thực trạng việc lập kế hoạch đào tạo nghề	61
2.2.4. Thực trạng việc tuyển sinh học nghề	71
2.2.5. Tổ chức thực hiện.....	72
2.2.6. Thực trạng việc đánh giá kết quả đào tạo	78
2.2.7. Tiêu chí việc làm sau đào tạo nghề	80
2.3. Kết quả đào tạo nghề cho Lao động nông thôn trên địa bàn thị xã Đông Triều	80

2.4. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn thị xã Đông Triều.....	85
2.4.1. Ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội ở địa phương.....	85
2.4.2. Ảnh hưởng của mạng lưới cơ sở dạy nghề (cơ sở vật chất đào tạo nghề).....	86
2.4.3. Ảnh hưởng của quản lý nhà nước về đào tạo nghề.....	87
2.4.4. Ảnh hưởng của chính sách của nhà nước và địa phương về đào tạo nghề cho lao động nông thôn.....	88
2.5. Đánh giá thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn thị xã Đông Triều	89
2.5.1. Kết quả đạt được	89
2.5.2. Những Hạn chế	93
2.5.3. Nguyên nhân của những hạn chế.....	92
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH TRONG THỜI GIAN TỚI.....	94
3.1. Quan điểm và mục tiêu đào tạo nghề cho Lao động nông thôn trên địa bàn thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	94
3.1.1. Quan điểm	94
3.1.2. Mục tiêu	96
3.2. Một số giải pháp tăng cường đào tạo nghề cho Lao động nông thôn trên địa bàn thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.....	97
3.2.1. Giải pháp tuyên truyền chính sách đào tạo nghề cho LĐNT	97
3.2.2. Tổ chức thực hiện kế hoạch.....	98
3.2.3. Hoàn thiện nội dung, chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, đổi mới phương pháp đào tạo, nâng cao trình độ năng lực đội ngũ cán bộ, giáo viên	98
3.2.4. Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị:.....	100
3.2.5. Giải pháp đối với từng nhóm đối tượng LĐNT.....	100

3.2.6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn.....	101
3.3. Một số khuyến nghị, đề xuất	102
3.3.1. Đối với Chính phủ.....	102
3.3.2.Đối với Tổng cục Dạy nghề- Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.....	103
3.3.3. Đối với tỉnh Quảng Ninh	103
KẾT LUẬN	105
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	107

DANH MỤC TÊN VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Nội dung viết tắt
CNH-HĐH	Công nghiệp hoá – Hiện đại hoá
ĐTN	Đào tạo nghề
ILO	Tổ chức Lao động Thế giới
LĐNT	Lao động nông thôn
LLLĐ	Lực lượng lao động
UBND	Ủy ban nhân dân
QLNN	Quản lý nhà nước
KTXH	Kinh tế xã hội

DANH MỤC BẢNG BIỂU, HÌNH VẼ, SƠ ĐỒ

Biểu đồ 2.1: Tỷ lệ lao động qua đào tạo các năm	56
Bảng 2.1: Hiện trạng sử dụng đất đai thị xã Đông Triều năm 2019	50
Bảng 2.2: Số liệu dân số thị xã Đông Triều tính đến ngày 31/12/2018	53
Bảng 2.3: Số lượng lao động qua đào tạo từ năm 2016 đến 2018	55
Bảng 2.4: Cơ cấu lao động trong các ngành kinh tế	56
Bảng 2.5: Nhu cầu đào tạo nghề của người lao động thị xã Đông Triều	59
Bảng 2.6: Nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp năm 2018	60
Bảng 2.7: Nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp năm 2019	61
Bảng 2.8: Đánh giá về người học của giáo viên dạy nghề.....	66
Bảng 2.9: Tổng hợp kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề thị xã Đông Triều	69
Bảng 2.10: Đánh giá của người học nghề đối với chương trình đào tạo nghề ..	79
Bảng 2.11: Thống kê số liệu về đào tạo nghề cho LĐNT	80
Hình 2.1: Bản đồ hành chính Thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.....	48

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Đại hội lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra Chiến lược Phát triển Kinh tế Xã hội Việt Nam thời kỳ 2011-2020, theo đó, đến năm 2020 Việt Nam về cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Thực hiện mục tiêu này, một trong ba giải pháp có tính đột phá là nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng XI, Hội nghị Ban chấp hành TW lần thứ 8 (khoá XI) đã ban hành Nghị quyết về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá và Hội nhập quốc tế”. Nghị quyết một mặt khẳng định tính đúng đắn về quan điểm xuyên suốt của Đảng và Nhà nước Việt Nam là “Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu”, đồng thời nhấn mạnh “đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội”. Nghị quyết cũng đã chỉ rõ, đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo là đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết, từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung phương pháp, cơ chế, chính sách, điều kiện đảm bảo thực hiện. Đào tạo nghề là một bộ phận trong hệ thống giáo dục quốc dân ở Việt Nam, do vậy hệ thống dạy nghề Việt Nam cũng phải đổi mới căn bản và toàn diện. Tuy nhiên, dạy nghề có những nét đặc thù như dạy nghề gắn với doanh nghiệp, dạy nghề cho lao động nông thôn... Để giải quyết thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn nước ta, ngày 27-11-2009, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1956/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” (gọi tắt là Đề án 1956).

Đông Triều là thị xã miền núi, nằm ở phía Tây của tỉnh, có tốc độ phát triển kinh tế nhanh của tỉnh Quảng Ninh, tổng diện tích tự nhiên 39.721,55 ha, dân số 182,245 nghìn người; với 11 dân tộc cùng sinh sống, về

cơ cấu dân tộc thị xã Đông Triều: người Kinh chiếm đa số (97,6% dân số); còn lại là các dân tộc Tày, Sán Dìu, Hoa, Nùng, Dao, Mường, Thái và Sán Cháy (*UBND thị xã Đông Triều, 2018*), có 21 đơn vị hành chính gồm (06 phường và 15 xã); trong đó có 14 xã, phường miền núi, 07 xã phường đồng bằng với 173 thôn, khu. Tổng số người trong độ tuổi lao động là trên 80 nghìn người.

Trong những năm qua, các cấp uỷ Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các Tổ chức Chính trị - Xã hội thị xã đã luôn dành sự quan tâm đặc biệt đến công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Đại đa số người lao động được tham gia học nghề đều có môi trường học tập thuận lợi, có ý thức phấn đấu trong học tập để áp dụng vào công việc sau khi được tuyển vào làm việc tại các doanh nghiệp. Vì vậy, công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn từng bước nâng cao về nhận thức cho người dân và tăng cường ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành về lĩnh vực đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động. Ủy ban nhân dân thị xã đã chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện tốt các chỉ tiêu về lao động, đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lực lượng lao động trên địa bàn thị xã; thông qua đó đã đáp ứng được cơ bản về nguồn Cung - Cầu lao động cho các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thị xã và trong Tỉnh, góp phần quan trọng cho việc đẩy mạnh và phát triển các lĩnh vực kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội của thị xã. Tuy nhiên công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn thị xã vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập trong khi thực hiện.

Những tồn tại đó cần phải nghiên cứu, tìm ra giải pháp khắc phục, do vậy tôi chọn đề tài “*Đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh*” làm nội dung nghiên cứu luận văn thạc sỹ, chuyên ngành Quản trị nhân lực.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Một số công trình nghiên cứu tiêu biểu có liên quan đến đề tài nghiên cứu như sau:

Luận án Tiến sĩ: “*Đào tạo nghề cho lao động nông thôn vùng Đồng bằng Sông Hồng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*” của tác giả Nguyễn Văn Đại, trường đại học Kinh tế Quốc dân 2012. Tác giả đã đánh giá khách quan thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn vùng Đồng bằng Sông Hồng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đồng thời chỉ ra những giải pháp để giải quyết khó khăn và đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn khu vực này [3].

Tác giả Nguyễn Tiến Dũng, bài viết “*Đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong thời kỳ hội nhập quốc tế*” đăng lên website của Bộ lao động – Thương binh và Xã hội. Tác giả đã nêu ra một số kết quả bước đầu trong công tác đào tạo nghề cho lao động ở nước ta và đề cập đến một số hướng giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho lao động .[4]

- Tác giả Tăng Minh lộc, Phó cục trưởng cục kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn, Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, với bài viết: “*Thực hiện đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn: điều chỉnh lại cơ cấu lao động, cách dạy nghề*” đăng trên báo nông nghiệp Việt Nam. Tác giả đã đưa ra những mặt đạt được, thành công của đề án khi đưa vào triển khai thực hiện, tuy nhiên việc thực hiện Đề án ở khắp các tỉnh, thành phố vẫn còn nhiều khó khăn, bất cập cần được khắc phục, chấn chỉnh và đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện Đề án trong giai đoạn tiếp theo [14].

- *Dạy nghề cho lao động nông thôn – Mục tiêu và Chính sách*” của tác giả Phạm Văn Luyện, Tổng cục dạy nghề - Bộ Lao động Thương binh và xã hội. Tác giả nhấn mạnh một số kết quả đạt được và những bất cập trong công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn hiện nay và đưa ra mục tiêu tổng

quát, mục tiêu cụ thể và việc thực hiện các chính sách đưa ra trong Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn của Chính phủ [7].

Ngoài ra, trên các trang Web, tạp chí, các bài báo và thông tin đào tạo nghề nói chung, đào tạo nghề cho lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đã được đăng tải với các kết quả cũng như hạn chế, những đề xuất và cách khắc phục.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở trên địa bàn thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hóa các vấn đề lý luận và thực tiễn về đào tạo nghề cho lao động nông thôn;
- Đánh giá, phân tích thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;
- Đề xuất một số giải pháp tăng cường đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở trên địa bàn thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu:

Đào tạo nghề cho lao động nông thôn

4.2. Phạm vi nghiên cứu:

- Phạm vi nội dung: Đào tạo nghề cho lao động nông thôn
- Phạm vi không gian: Đề tài nghiên cứu trên địa bàn thị xã Đông Triều
- Phạm vi thời gian: Đánh giá thực trạng giai đoạn từ khi triển khai Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn 2009 đến nay, giải pháp đề xuất cho giai đoạn đến 2023.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp thu thập số liệu

- *Thông tin thứ cấp*

Để phục vụ cho quá trình triển khai đề tài tiến hành thu thập các thông tin thứ cấp như sau:

Bảng thu thập thông tin thứ cấp:

TT	Thông tin thu thập	Nguồn thu thập	Phương pháp thu thập
1	Phần tổng quan tài liệu nghiên cứu (Cơ sở lý luận, thực tiễn của đề tài).	Thu thập qua sách báo, tạp chí và các ấn phẩm đã xuất bản khác, các kết quả nghiên cứu có liên quan, luận án, luận văn, báo cáo, các website có liên quan đến đào tạo nghề cho lao động nông thôn .	Tra cứu và chọn lọc thông tin.
2	Số liệu về đặc điểm địa bàn nghiên cứu; về đào tạo nghề cho lao động nông thôn	Phòng Kinh tế; Phòng Tài chính-Kế hoạch; Phòng Lao động - Thương binh & Xã hội; Chi cục Thống kê thị xã Đông Triều; Phòng Tài nguyên và Môi trường ...	Tổng hợp từ các Nghị quyết, báo cáo, hồ sơ lưu trữ...

- *Thu thập thông tin sơ cấp*

Bên cạnh quá trình thu thập số liệu bằng số liệu thứ cấp trong đề tài có sử dụng phương pháp thu thập thông tin sơ cấp thông qua phương pháp phỏng vấn bằng bảng hỏi để làm rõ vấn đề nghiên cứu và đánh giá một cách khách quan về vấn đề.

Phương pháp điều tra xã hội học: Tổng số lượng mẫu điều tra là 125 mẫu thuộc đối tượng là người lao động nông thôn.

Mục tiêu khảo sát của nhóm đối tượng:

+ Biết được nhu cầu, mong muốn trong thời gian tới của họ sau khi đã được đào tạo và ở lại cơ sở đào tạo làm việc.

5.2. Phương pháp xử lý số liệu:

Được sử dụng gồm: Phương pháp phân tích thống kê, so sánh tổng hợp: Luận văn sử dụng phương pháp phân tích thống kê (phân tổ, phân nhóm); phương pháp so sánh (so sánh hệ số, so sánh tương đối, số tuyệt đối, so sánh giữa các thời kỳ, so sánh với các tỉnh) được sử dụng thường xuyên nhằm phân tích thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn thị xã Đông Triều. Các phương pháp dự đoán, dự báo trong việc tăng cường đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

6. Những đóng góp mới của Luận văn:

Nghiên cứu cơ sở lý thuyết về thực thi chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn để thấy được vai trò của việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội;

Phân tích thực trạng thực thi chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn thị xã Đông Triều, phân tích những hạn chế cần khắc phục, tìm ra nguyên nhân của những hạn chế đó;

Đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm đẩy mạnh thực thi chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn thị xã Đông Triều.

7. Kết cấu của luận văn

Chương 1: Cơ sở lý luận về đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Chương 2: Thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

Chương 3: Giải pháp tăng cường đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh trong thời gian tới.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN

1.1. Một số khái niệm cơ bản

1.1.1. Lao động

Cơ sở vật chất của bất kỳ xã hội nào đều được tạo nên bởi sức lao động của con người. Tất cả mọi phát minh vĩ đại nhất, toàn bộ quá trình phát triển của khoa học kỹ thuật của xã hội loài người đều là kết quả của hoạt động lao động của nhiều thế hệ. Như vậy có thể khẳng định rằng lao động chính là hoạt động có định hướng, được hoạt động thông qua hoạt động thể lực và trí óc của con người để nhận được những lợi ích vật chất và tinh thần-đó là sản phẩm của lao động, sản xuất.[13, Tr 10]

Theo khái niệm của Liên hợp quốc thì: “Lao động là tổng thể sức dự trữ, những tiềm năng, những lực lượng thể hiện sức mạnh và sự tác động của con người vào cải tạo tự nhiên và cải tạo xã hội.

Theo Tổ chức Lao động Thế giới (ILO) thì: “Lực lượng lao động là một bộ phận dân số trong độ tuổi quy định, thực tế có tham gia lao động và những người không có việc làm đang tích cực tìm kiếm việc làm”.

Lao động: là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người nhằm thay đổi những vật thể tự nhiên cho phù hợp với mục đích của con người. Đặc điểm của hoạt động lao động: Hoạt động lao động phải có mục đích của con người; Hoạt động đó phải tạo ra sản phẩm nhằm thỏa mãn những nhu cầu nào đó của con người; hoạt động của con người phải là sự tác động vào tự nhiên làm biến đổi tự nhiên và xã hội nhằm tạo ra của cải vật chất và tinh thần phục vụ lợi ích của con người (Nguyễn Tiệp, 2007) [3].

Thực tế trong từng thời kỳ và ở mỗi một nước trên thế giới quy định độ tuổi lao động khác nhau.

Tựu chung lại lao động là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người nhằm thay đổi các vật thể tự nhiên phù hợp với nhu cầu của con người.

Thực chất là sự vận động của sức lao động trong quá trình tạo ra của cải vật chất cho xã hội, lao động cũng chính là quá trình kết hợp của sức lao động và tư liệu sản xuất để sản xuất ra sản phẩm phục vụ nhu cầu con người.

1.1.2. Việc làm

Hoạt động kiếm sống là hoạt động quan trọng nhất của thế giới nói chung và con người nói riêng. Tuy nhiên đối với con người, kiếm sống không chỉ là hoạt động sinh vật đơn thuần mà qua đó còn cải tạo con người, biến con người thành sinh vật xã hội có ý thức, tham gia quan hệ xã hội, hình thành xã hội. Hoạt động kiếm sống của con người được gọi chung là việc làm. Việc làm trước hết là vấn đề của mỗi cá nhân, xuất phát từ nhu cầu mưu sinh của cá nhân. Con người vì muốn thỏa mãn các nhu cầu của bản thân nên tiến hành các hoạt động lao động nhất định. Họ có thể tham gia công việc nào đó để được trả công hoặc tham gia vào các hoạt động mang tính chất tự tạo việc làm như dùng các ty liệu sản xuất thuộc quyền sở hữu của mình để tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm thu lợi nhuận hoặc tự làm những công việc cho hộ gia đình mình. Do vậy người có việc làm là khái niệm dùng để chỉ những người hiện đang tham gia các hoạt động nói trên.

Như vậy xét về phương diện kinh tế-xã hội, có thể hiểu việc làm là các hoạt động tạo ra, đem lại lợi ích, thu nhập cho người lao động được xã hội thừa nhận

Xét về góc độ pháp lý, ILO cũng coi việc khuyến nghị và xúc tiến việc làm là một trong những mục tiêu quan trọng trong tôn chỉ hoạt động của mình.

Theo ILO người có việc làm là những người làm việc gì đó được trả tiền công, lợi nhuận hoặc được thanh toán bằng hiện vật hoặc những người tham gia vào các hoạt động mang tính chất tự tạo việc làm vì lợi ích vì thu nhập gia đình không được nhận tiền công hoặc hiện vật.

Từ những cơ sở trên chúng ta có thể kết luận: người có việc làm là những người trong độ tuổi lao động và đang làm việc trong các cơ sở kinh tế, văn hóa xã hội... việc làm là một hoạt động có ích, không bị pháp luật ngăn

cấm có thu nhập hoặc tạo điều kiện tăng thêm thu nhập cho những người trong cùng một hộ gia đình.

Việc làm bao gồm ba dạng: Thứ nhất là việc làm nhằm nhận tiền công, tiền lương dưới dạng tiền hoặc hiện vật, thứ hai là những công việc nhằm thu lại lợi nhuận, thứ ba là những công việc cho hộ gia đình nhưng không được trả công.

Tuy nhiên việc làm là vấn đề rộng, đa dạng và phong phú người ta có thể căn cứ vào nhiều tiêu thức khác nhau và kết hợp giữa các tiêu thức để tính hiệu quả toàn diện về xã hội, kinh tế để đánh giá phân loại chính xác việc làm, như việc làm đầy đủ, việc làm hợp lý, việc làm tự do.

Việc làm là một phạm trù tổng hợp liên kết các quá trình kinh tế, xã hội và nhân khẩu, nó thuộc những vấn đề chủ yếu của toàn bộ đời sống xã hội. Tùy theo cách tiếp cận mà người ta có những quan niệm khác nhau về việc làm.

Ở Việt Nam, trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, người lao động được coi là có việc làm và được xã hội thừa nhận, trân trọng là người làm việc trong các đơn vị kinh tế quốc doanh và tập thể. Do đó trong xã hội không thừa nhận hiện tượng thất nghiệp, thiếu việc làm, dư thừa lao động. Quan niệm đó xuất phát từ luận điểm: Mọi công dân đều có quyền việc làm, có nghĩa vụ phải làm việc và Nhà nước sẽ đảm bảo đầy đủ chỗ làm việc cho người lao động. Tuy nhiên chuyển sang nền kinh tế thị trường, quan niệm về việc làm có những thay đổi cơ bản.

Theo Điều 9, Bộ Luật Lao động năm 2012 quy định: “*Việc làm là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà không bị pháp luật cấm*” [8].

Như vậy việc làm được cấu thành bởi 3 yếu tố: Là hoạt động lao động; Tạo ra thu nhập; Hoạt động đó phải hợp pháp.

1.1.3. Lao động nông thôn

Nông thôn là vùng lãnh thổ rộng lớn thường bao quanh các đô thị (thành phố, thị trấn, khu công nghiệp), ở đó hoạt động nông nghiệp (nông, lâm, ngư nghiệp) đóng vai trò chủ yếu và quan trọng, cơ sở hạ tầng kém phát triển, trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật, trình độ sản xuất hàng hóa thấp và mức sống của người

dân thấp. Tuy nhiên, ở nông thôn những di sản văn hóa, phong tục tập quán cổ truyền phong phú. Như vậy, nông thôn có những đặc trưng sau:

Nông thôn là vùng lãnh thổ sinh sống của cộng đồng dân cư chủ yếu là nông dân, là vùng chủ yếu sản xuất nông nghiệp, ngoài ra còn có các hoạt động sản xuất và dịch vụ phục vụ chủ yếu cho nông nghiệp và cho cộng đồng nông thôn. Sản xuất chịu ảnh hưởng nhiều bởi điều kiện tự nhiên.

Nông thôn là vùng có trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật thấp hơn đô thị. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân cũng thấp hơn.

Nguồn LĐNT là một bộ phận dân số sinh sống và ở làm việc nông thôn trong độ tuổi lao động theo qui định của pháp luật (nam từ 16 đến 60 tuổi, nữ từ 16 đến 55 tuổi) có khả năng lao động.

Lực lượng lao động ở nông thôn là bộ phận của nguồn lao động ở nông thôn bao gồm những người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động, đang có việc làm và những người thất nghiệp nhưng có nhu cầu tìm việc làm.

Tuy nhiên do đặc điểm, tính chất, mùa vụ của công việc ở nông thôn mà lực lượng tham gia sản xuất nông nghiệp không chỉ có những người trong độ tuổi lao động mà còn có những người trên hoặc dưới độ tuổi lao động tham gia sản xuất với những công việc phù hợp với mình. Từ khái niệm nguồn lao động ở nông thôn mà ta thấy lao động ở nông thôn rất dồi dào, nhưng đây cũng chính là thách thức trong việc giải quyết việc làm ở nông thôn.

Theo PGS.TS Nguyễn Tiệp: “Lao động nông thôn là một bộ phận của nguồn nhân lực quốc gia, bao gồm toàn bộ những người có khả năng lao động (lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân và những người có khả năng tham gia lao động nhưng chưa tham gia lao động) thuộc khu vực nông thôn (khu vực địa lý bao trùm toàn bộ dân số nông thôn”.[3, tr215]

Tuy nhiên, trong nội dung của luận văn, tác giả sẽ tiếp cận khái niệm LĐNT dựa trên một số đặc điểm cơ bản đặc điểm sau:

Số lượng lớn: theo Báo cáo các điều tra lao động việc làm quý 4 năm 2018 của Tổng cục thống kê, lao động nông thôn có khoảng 37 triệu người

LĐNT chủ yếu làm nông nghiệp, trình độ học vấn thấp, không được đào tạo cơ bản. Ngoài ra, họ tham gia sản xuất, phục vụ nông nghiệp: bán giống, cây con, thuốc bảo vệ thực vật,...

Mang tính thời vụ: lao động nông nghiệp, nông thôn làm việc có tính mùa vụ do đặc thù của nghề nông.

GDP/đầu người thấp: Nông thôn là khu vực trong đó nông nghiệp là hoạt động hầu hết thu nhập của họ chỉ đủ tái sản xuất giản đơn và chỉ dùng cho các nhu cầu đời sống tối thiểu.

LĐNT là những người thuộc lực lượng lao động và hoạt động trong hệ thống kinh tế nông thôn.

LĐNT là những người dân không phân biệt giới tính, dân tộc, tổ chức, cá nhân sinh sống ở vùng nông thôn, có độ tuổi từ 15 trở lên, hoạt động sản xuất ở nông thôn. Trong đó bao gồm những người đủ các yếu tố về thể chất, tâm sinh lý trong độ tuổi lao động theo quy định của Luật lao động và những người ngoài độ tuổi lao động có khả năng tham gia sản xuất, trong một thời gian nhất định họ hoàn thành công việc với kết quả đạt được một cách tốt nhất.

Cơ cấu lao động làm nông nghiệp chiếm trên 70% LĐNT, do đó đặc điểm LĐNT cũng tương đồng với đặc điểm của lao động trong sản xuất nông nghiệp, do vậy LĐNT có những đặc điểm sau:

- Đặc điểm thứ nhất của LĐNT mang tính thời vụ cao và không thể xoá bỏ được. Sản xuất nông nghiệp luôn chịu tác động và bị chi phối mạnh mẽ bởi các quy luật sinh học và điều kiện tự nhiên của từng vùng (đất, khí hậu,...). Do đó, quá trình sản xuất mang tính thời vụ rất cao, thu hút lao động không đồng đều. Chính tính chất này đã làm cho việc sử dụng nguồn LĐNT trở nên phức tạp.

- Đặc điểm thứ hai là nguồn LĐNT rất dồi dào và đa dạng về độ tuổi và có tính thích ứng lớn. Do đó việc huy động và sử dụng đầy đủ nguồn lao động có ý nghĩa kinh tế lớn nhưng rất phức tạp, đòi hỏi phải có biện pháp tổ chức quản lý lao động tốt để tăng cường lực lượng lao động cho sản xuất nông nghiệp.

- Đặc điểm thứ 3 là LĐNT đa dạng, ít chuyên sâu, trình độ thấp. Sản xuất nông nghiệp có nhiều công việc gồm nhiều khâu với tính chất khác nhau, hơn nữa mức độ áp dụng máy móc chưa cao nên sản xuất nông nghiệp chỉ đòi hỏi sức khỏe, sự lành nghề và kinh nghiệm. Mỗi lao động có thể đảm nhiệm được nhiều công việc khác nhau nên lao động nông nghiệp và các ngành khác. Bên cạnh đó, phần lớn lao động nông nghiệp mang tính phổ thông, ít được đào tạo, sản xuất chủ yếu bằng kinh nghiệm, tổ chức lao động cũng rất giản đơn, với công cụ thủ công lạc hậu. Lực lượng lao động lành nghề, lao động chất xám không đáng kể, phân bố không đều, vì vậy hiệu suất lao động thấp, khó khăn trong việc tiếp thu kỹ thuật và công nghệ mới.

1.1.4. Đào tạo nghề cho Lao động nông thôn

Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) định nghĩa: đào tạo nghề là nhằm cung cấp cho người học những kỹ năng cần thiết để thực hiện tất cả các nhiệm vụ liên quan tới công việc, nghề nghiệp được giao.

Theo PGS.TS Trần Xuân Cầu, “*Đào tạo nghề là quá trình trang bị kiến thức, kỹ năng, khả năng thuộc về một nghề, một chuyên môn nhất định để người lao động thực hiện có hiệu quả chức năng và nhiệm vụ của mình.*”[11, tr 103]

Đào tạo nghề gồm hai quá trình không thể tách rời nhau: dạy nghề và học nghề. Trong một số văn bản hiện nay, đào tạo nghề và dạy nghề được đồng nhất với nhau.

Theo Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014 số 74/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 27/11/2014 tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIII: *Đào tạo nghề nghiệp* là hoạt động dạy và học nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết cho người học để có thể tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi hoàn thành khoá học hoặc để nâng cao trình độ nghề nghiệp.

Theo Luật dạy nghề số 76/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2006 tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XI: *Dạy nghề* là hoạt động dạy và học nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết cho

người học nghề để có thể tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi hoàn thành khoá học.

Dạy nghề là tổng thể các hoạt động truyền nghề đến người học nghề. Đó là quá trình giảng viên truyền bá những kiến thức về lý thuyết và thực hành để học viên có được một trình độ, kỹ năng, sự khéo léo, thành thực nhất định về nghề nghiệp.

Học nghề là quá trình tiếp thu những kiến thức về lý thuyết và thực hành của học viên để có được một nghề nghiệp nhất định.

Đối tượng của đào tạo nghề là lao động nói chung, đối tượng của đào tạo nghề cho LĐNT là những người LĐNT.

Đào tạo nghề cho LĐNT: Đào tạo nghề cho LĐNT là quá trình giảng viên truyền bá những kiến thức về lý thuyết và thực hành để những người LĐNT có được một trình độ, kỹ năng, kỹ xảo, sự khéo léo, thành thực nhất định về nghề nghiệp. Đào tạo nghề cho LĐNT có những đặc điểm sau:

Thứ nhất, do số lượng nguồn LĐNT lớn nên đối tượng đào tạo nghề cho LĐNT có số lượng lớn. Số lượng đối tượng đào tạo nghề cho LĐNT lớn còn thể hiện ở chất lượng nguồn LĐNT thấp. Thực tế hiện nay, lực lượng LĐNT được đào tạo và bồi dưỡng kiến thức về nghề nghiệp chiếm tỷ lệ rất thấp, hầu hết các kiến thức, kinh nghiệm người lao động sử dụng đều thông qua sự đúc rút kinh nghiệm trong quá trình làm việc và sự truyền dạy lại của các thế hệ trước. Theo Báo cáo điều tra Lao động việc làm quý 4 năm 2014 của Tổng Cục Thống kê, lực lượng LĐNT không có trình độ chuyên môn kỹ thuật là 32,689 triệu người, chiếm 89,14% trong tổng số lực lượng LĐNT.

Thứ hai, do tính đa dạng của đối tượng đào tạo, nên việc tổ chức các khóa đào tạo phải rất linh hoạt về chương trình đào tạo, hình thức đào tạo, phương thức đào tạo, phương pháp truyền đạt... Chương trình đào tạo phải gắn với học liệu sinh động, đa dạng và thiết thực, phù hợp với trình độ, hoàn cảnh của người học để tất cả người LĐNT có cơ hội được đào tạo chuyên môn kỹ thuật từ đó tìm việc làm và tạo việc làm có năng suất lao động cao

hơn, nâng cao dần mức sống của người dân. Cần đa dạng hóa và phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng vùng miền như đào tạo tập trung tại các cơ sở, trung tâm dạy nghề đối với người LĐNT chuyển đổi nghề nghiệp; đào tạo nghề lưu động cho LĐNT làm nông nghiệp tại các làng, xã, thôn, bản; dạy nghề tại nơi sản xuất, tại hiện trường nơi người lao động làm việc.

Thứ ba, đối tượng đào tạo nghề cho LĐNT có nguồn nội lực cho đào tạo nghề rất hạn chế. Số lượng đối tượng đào tạo nghề rất lớn, tuy nhiên do đó là những người dân ở nông thôn. Đó là nơi GDP đầu người thấp, sản xuất hàng hóa ít phát triển, thị trường lao động ít phát triển, ít có khả năng tiếp cận với hệ thống giáo dục đào tạo, cơ sở hạ tầng kém phát triển, hệ thống chăm sóc sức khỏe cho người dân chưa đảm bảo, môi trường sống của dân cư nông thôn chậm cải thiện (giao thông, điện, nước sạch...), do đó điều kiện của họ cho việc học nghề rất hạn hẹp, đặc biệt là học ở bậc cao và theo các hình thức trường lớp.

Thứ tư, tính chất thời vụ của nguồn LĐNT đòi hỏi việc tổ chức đào tạo nghề, tập huấn các kiến thức liên quan về trồng cây, vật nuôi cũng phải được sắp xếp phù hợp và kịp với thời vụ thì mới đạt hiệu quả cao. Việc đào tạo nâng cao nhận thức và các kiến thức khác không phụ thuộc vào thời vụ cần được tổ chức vào thời điểm nông nhàn để người dân có điều kiện tham gia đông đủ hơn.

Do tính thời vụ nên một bộ phận lớn người LĐNT cần có thêm việc làm trong thời gian nông nhàn để tăng thu nhập, đáp ứng nhu cầu cuộc sống. Vì vậy, đào tạo nghề cho LĐNT cần khuyến khích các hoạt động khuyến công (đặc biệt là tiểu thủ công nghiệp) và khuyến thương (thương mại và dịch vụ) nhằm giúp người lao động có thể kiếm thêm việc làm và sử dụng có hiệu quả hơn nguồn lực lao động.

Thứ năm, trong nông thôn, bên cạnh các cơ sở đào tạo chuyên, hệ thống các tổ chức kinh tế như hộ thủ công truyền thống, các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, các tổ chức xã hội như hội LĐNT, hội phụ nữ, đoàn thanh niên, đặc biệt là các tổ chức khuyến nông, lâm, ngư cũng đảm nhận chức năng đào tạo.

1.2. Nội dung đào tạo nghề cho Lao động nông thôn

1.2.1. Tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm cho Lao động nông thôn

Dạy nghề và việc làm có mối quan hệ mật thiết với nhau. Có nghề nghiệp (tay nghề) là điều kiện tiên quyết đối với người lao động để có thể nhanh chóng tìm được việc làm và có chỗ làm ổn định. Trước đây, do quan niệm đào tạo nghề chỉ là vấn đề giáo dục vào đào tạo, chưa thấy được sự cần thiết phải gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm nên nhiệm vụ quản lý nhà nước về đào tạo nghề thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hiện nay, nhiệm vụ này đã được chuyển giao cho Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội nhằm thực hiện sự gắn kết liên thông vấn đề đào tạo nghề với nhu cầu của sản xuất, của thị trường lao động nhằm giải quyết việc làm. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư xây dựng, phát triển cơ sở dạy nghề đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Do vậy, việc tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm cho LĐNT được Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành và xã hội quan tâm nhằm nâng cao chất lượng LĐNT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Nội dung tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm đối với LĐNT được phê duyệt tại Điểm 1, khoản V, Điều 1, Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho LĐNT đến năm 2020”, cụ thể như sau:

-Phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về dạy nghề cho LĐNT

-Triển khai tuyên truyền về dạy nghề LĐNT trên phương tiện thông tin đại chúng;

-Xây dựng, biên soạn tài liệu và tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tuyên truyền, vận động đối với đội ngũ tuyên truyền viên là cán bộ của các tổ chức chính trị xã hội;

-Tư vấn học nghề và việc làm đối với LĐNT;

-Tổ chức biểu dương, tôn vinh, khen thưởng đối với những người có nhiều đóng góp trong công tác dạy nghề cho LĐNT

Để công tác tuyên truyền thật sự hiệu quả, cần có sự phối kết hợp của các cơ quan tổ chức như: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Đài phát thanh truyền hình tỉnh, đài phát thanh truyền hình các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức hội (Hội Liên hiệp phụ nữ, Tỉnh đoàn thanh niên CSHCM, Hội Nông dân tỉnh...).

1.2.2. Xác định nhu cầu đào tạo nghề

1.2.2.1. Xác định nhu cầu học nghề của người lao động

Chiến lược Phát triển dạy nghề thời kỳ 2011-2020 nêu quan điểm: “Phát triển dạy nghề là sự nghiệp và trách nhiệm của toàn xã hội; là một nội dung quan trọng của chiến lược, quy hoạch phát triển nhân lực quốc gia; đòi hỏi phải có sự tham gia của Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương, các cơ sở dạy nghề, cơ sở sử dụng lao động và người lao động để thực hiện ĐTN theo nhu cầu của thị trường lao động”.

Theo số liệu thống kê, LLLĐ ở khu vực nông thôn chưa được đào tạo chiếm tỷ lệ khá lớn. Phần lớn LĐNT có trình độ học vấn thấp, làm việc chủ yếu dựa trên kinh nghiệm hoặc do truyền nghề, năng suất lao động không cao. Để đáp ứng yêu cầu CNH - HĐH, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn thì trước hết lực lượng LĐNT phải được đào tạo nâng cao trình độ, trong đó ĐTN là vấn đề hết sức quan trọng.

Nhu cầu đào tạo nghề là mong muốn được tham gia, được hiểu biết và thực hành về một hay một số nghề phù hợp với điều kiện của mỗi người lao động đó. Nó là cơ sở quan trọng để hệ thống cơ sở đào tạo, chuẩn bị các điều kiện đào tạo nghề như: xây dựng hệ thống cơ sở đào tạo, chuẩn bị các điều kiện vật chất, đội ngũ quản lý và giáo viên đào tạo nghề. Nhu cầu đào tạo cũng có thể được tính toán từ việc xem xét điều kiện vật chất và con người có thể huy động cho đào tạo nghề với nhu cầu từ sự phát triển kinh tế - xã hội. Việc xem xét mối quan hệ giữa nhu cầu xã hội và khả năng về các điều kiện

có thể huy động là quy trình hợp lý nhất để xác định nhu cầu đào tạo nghề tại một quốc gia, một vùng, một địa phương trong thời gian nhất định.

Xác định nhu cầu đào tạo nghề của mỗi địa phương, cần xác định nhu cầu của các bên liên quan:

Từ phía người lao động hay người có nhu cầu học nghề: khi tiến hành đào tạo nghề cần xem xét đối tượng của hoạt động đào tạo nghề - những người học nghề với nhu cầu thực sự của họ và các điều kiện của chính họ để có thể tham gia vào quá trình đào tạo nghề, xác định khoảng trống giữa kiến thức, kỹ năng cần có khi tham gia lao động và những kiến thức, kỹ năng mà người học hiện có.

Chuyển mạnh đào tạo nghề cho LĐNT từ đào tạo theo năng lực sẵn có của cơ sở đào tạo sang đào tạo theo nhu cầu học nghề của LĐNT và yêu cầu của thị trường lao động; gắn đào tạo nghề với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, từng vùng, từng ngành, từng địa phương.

Để xác định được nhu cầu học nghề của người lao động cần phải triển khai các hoạt động điều tra, khảo sát nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực qua đào tạo trong các ngành kinh tế, vùng kinh tế và ở từng địa phương một cách khoa học, đầy đủ; đồng thời với việc nắm thông tin nhu cầu về sử dụng lao động, cần phải khảo sát nhu cầu học nghề của đối tượng, hơn nữa cũng cần khảo sát đặc điểm và thói quen canh tác, sản xuất của người nông dân ở các vùng miền khác nhau để có thể có các hình thức đào tạo phù hợp.

1.2.2.2. Xác định nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề của doanh nghiệp, các ngành kinh tế và thị trường lao động

Sự phát triển kinh tế của địa phương, lĩnh vực, ngành nghề hoạt động của các doanh nghiệp và chiến lược phát triển kinh doanh là yếu tố quan trọng quyết định đến việc sử dụng lao động trong các doanh nghiệp. Đối với những doanh nghiệp hoạt động trong những ngành công nghiệp nhẹ, dệt may, da giày, chế biến lương thực thực phẩm,... thì yêu cầu về trình độ lao động không cao, vì vậy lao động đã qua đào tạo nghề sẽ đáp ứng được nhu cầu của

doanh nghiệp. Đối với những địa phương kinh tế chưa phát triển, chậm phát triển hay kinh tế xác hội còn nhiều khó khăn thì lao động địa phương chủ yếu là lao động chưa qua đào tạo hoặc đã qua đào tạo nhưng tay nghề chưa cao. Nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề của doanh nghiệp là một nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến nhu cầu học nghề của người lao động và sự phát triển của đào tạo nghề tại địa phương.

Việc xác định nhu cầu sử dụng lao động phải xác định được số lượng cần sử dụng, chất lượng lao động và cơ cấu lao động, cơ cấu ngành nghề mà các ngành kinh tế, doanh nghiệp, thị trường lao động cần sử dụng sau đào tạo nghề.

Việc xác định nhu cầu đào tạo nghề cần tiến hành theo quy trình:

- Xác định yêu cầu về số lượng, chất lượng và cơ cấu nguồn nhân lực, cả cơ cấu ngành nghề và cơ cấu trình độ;

- Phân tích, đánh giá đúng đắn nguồn lao động hiện có của địa phương, so sánh với yêu cầu về nhân lực, để từ đó xác định nhu cầu, lập kế hoạch bổ sung, đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực cho người lao động của địa phương.

Lựa chọn đối tượng đào tạo là một bước quan trọng. Thông qua nghiên cứu động cơ và nhu cầu, khả năng của người được đào tạo mà chính quyền địa phương có thể biết được quá trình đào tạo có thể có tác dụng như thế nào đối với người lao động. Qua đó, có thể lựa chọn những lao động phù hợp với mục tiêu của địa phương và bản thân người lao động.

Lựa chọn đối tượng đào tạo nghề là lựa chọn người cụ thể để đào tạo, dựa trên nghiên cứu và xác định nhu cầu và động cơ đào tạo của người lao động, tác dụng của đào tạo đối với người lao động và khả năng nghề nghiệp cho từng người.

Việc xác định đối tượng tham gia đào tạo có vai trò quan trọng giúp đem lại kết quả cao cho khóa học và quan trọng hơn là nó sẽ phát huy hiệu quả cao nhất cho công việc chung của tổ chức. Việc xác định đối tượng đào tạo và bồi dưỡng cần căn cứ vào một số cơ sở sau:

Phải xuất phát từ yêu cầu công việc mà đối tượng đó đang hoặc sẽ đảm nhiệm trong tương lai.

Đối tượng tham gia đào tạo phải có đủ tình độ, kinh nghiệm, kỹ năng cần thiết phù hợp với tính chất và nội dung của khóa học để đảm bảo kết quả.

Phải xem xét nguyện vọng cá nhân của người học vì đây là động lực quan trọng để học viên thu được kết quả cao trong học tập.

Phải dựa vào những điều kiện của bản thân địa phương và người lao động như nguồn kinh phí, bố trí sắp xếp thời gian học tập, chính sách sử dụng sau đào tạo. Tránh trường hợp đào tạo tràn lan hay cử đi đào tạo trong khi nhu cầu công việc không thực sự cần thiết hoặc không sử dụng một cách thỏa đáng.

Do vậy việc xác định nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề của doanh nghiệp, các ngành kinh tế và thị trường lao động rất quan trọng đối với việc đạt hiệu quả của đào tạo nghề cho LĐNT.

1.2.3. Lập kế hoạch đào tạo nghề

1.2.3.1. Mục tiêu đào tạo nghề

Theo Điểm 2, Khoản I, Điều 1, Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho LĐNT đến năm 2020”; Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho LĐNT đến 2020, mục tiêu của Đề án đào tạo nghề cho LĐNT cụ thể như sau:

- **Mục tiêu tổng quát**

- Bình quân hàng năm đào tạo nghề cho khoảng 1 triệu lao động nông thôn, trong đó đào tạo, bồi dưỡng 100.000 lượt cán bộ, công chức xã;

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề, nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập của lao động nông thôn; góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn;

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức xã có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ, năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý

hành chính, quản lý, điều hành kinh tế - xã hội và thực thi công vụ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

- *Mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn*

- Giai đoạn 2009 - 2010

+ Tiếp tục dạy nghề cho khoảng 800.000 lao động nông thôn theo mục tiêu của Dự án “Tăng cường năng lực dạy nghề” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục - đào tạo đến năm 2010 bằng các chính sách của Đề án này;

+ Thí điểm các mô hình dạy nghề cho lao động nông thôn với khoảng 18.000 người, 50 nghề đào tạo và đặt hàng dạy nghề cho khoảng 12.000 người thuộc diện hộ nghèo, người dân tộc thiểu số, LĐNT bị thu hồi đất canh tác có khó khăn về kinh tế. Tỷ lệ có việc làm sau khi học nghề theo các mô hình này tối thiểu đạt 80%;

+ Phần đầu hoàn thành “Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã giai đoạn 2006 - 2010” được phê duyệt theo Quyết định số 40/2006/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

- Giai đoạn 2011 - 2015

Đào tạo nghề cho 5.200.000 LĐNT, trong đó:

+ Khoảng 4.700.000 LĐNT được học nghề (1.600.000 người học nghề nông nghiệp; 3.100.000 người học nghề phi nông nghiệp), trong đó đặt hàng dạy nghề khoảng 120.000 người thuộc diện hộ nghèo, người dân tộc thiểu số, LĐNT bị thu hồi đất canh tác có khó khăn về kinh tế. Tỷ lệ có việc làm sau khi học nghề trong giai đoạn này tối thiểu đạt 70%;

+ Đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội theo chức danh, vị trí làm việc đáp ứng yêu cầu của công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành và thực thi công vụ cho khoảng 500.000 lượt cán bộ, công chức xã.

- Giai đoạn 2016 - 2020

Đào tạo nghề cho 6.000.000 LĐNT, trong đó:

+ Khoảng 5.500.000 LĐNT được đào tạo nghề (1.400.000 người học nghề nông nghiệp; 4.100.000 người học nghề phi nông nghiệp). Sau đào tạo, ít nhất 80% số người học có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ nhưng có năng suất, thu nhập cao hơn;

+ Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu cho khoảng 500.000 lượt cán bộ, công chức xã đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, quản lý kinh tế - xã hội thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.”

Với định hướng đáp ứng sự đòi hỏi phát triển kinh tế - xã hội cùng với các hệ thống giáo dục, công tác giáo dục nghề cho LĐNT hướng đến các mục tiêu, chủ yếu, quan trọng trong vấn đề tạo nhân lực cho khu vực kinh tế nông thôn, có các mục tiêu cụ thể như sau:

- Đào tạo nghề cho LĐNT góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về kiến thức và kỹ năng, đáp ứng được nhu cầu thị trường lao động tại địa phương và trong nước.

- Nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động trong quá trình phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Góp phần quan trọng trong việc giải quyết việc làm và phát triển ngành nghề mới ở nông thôn. Giải quyết việc làm cho người lao động là một trong những chủ trương lớn của Đảng và nhà nước nhằm khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tuy nhiên, trong điều kiện kinh tế hiện nay vấn đề đào tạo nghề, giải quyết việc làm còn gặp rất nhiều khó khăn, đa số lực lượng lao động hiện nay có kiến thức và chuyên môn còn thấp, khó kiếm được việc làm. Để tháo gỡ được vấn đề này, phát triển công tác đào tạo nghề là một biện pháp hữu hiệu để đào tạo đội ngũ LĐNT, giúp họ có thể tham gia thị trường lao động. Đối với bộ phận LĐNT, thông qua các lớp đào tạo nghề có thể tạo lập nghề ngay trên quê hương mình. Đây không chỉ là vấn đề giải quyết lao động dư thừa tại chỗ mà còn là điều kiện để phát triển ngành nghề mới ở nông thôn.

- Đào tạo nghề cho LĐNT còn hướng đến mục tiêu đáp ứng nhu cầu xuất khẩu lao động. Ngoài việc nâng cao chất lượng tay nghề chuyên môn cho người lao động, đào tạo nghề còn góp phần nâng cao ý thức, tăng tính tổ chức kỷ luật. Vì vậy, phát triển dạy nghề gắn với thị trường lao động hòa nhập thị trường lao động quốc tế góp phần quan trọng trong việc xuất khẩu lao động khu vực nông thôn, góp phần xóa đói giảm nghèo, đưa kinh tế phát triển.

- Góp phần tăng sức cạnh tranh cho khu vực kinh tế nông thôn thúc đẩy phát triển kinh tế. Đối với những LĐNT được đào tạo sẽ thay đổi nhận thức tư duy về nhận thức nghề nghiệp từ đó có những bước cải tiến công việc cũng như quy trình sản xuất, kinh doanh hiện đại có kiến thức, kỹ năng làm chủ, tăng khả năng cạnh tranh.

- Góp phần đảm bảo an sinh xã hội, trình độ dân trí. Nếu được đào tạo, LĐNT sẽ góp phần nâng cao nhận thức, tăng cơ hội tìm kiếm việc làm, nâng cao năng suất, tăng thu nhập làm cho kinh tế ổn định và phát triển hơn.

1.2.3.2. Xác định ngành nghề đào tạo cho LĐNT

Nghị quyết số 26-NQ-TW, ngày 5-8-2008, Hội nghị Trung ương 7, khóa X, về nông nghiệp, nông dân và nông thôn xác định: “Giải quyết việc làm cho nông dân là nhiệm vụ ưu tiên xuyên suốt trong mọi chương trình phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; bảo đảm hài hòa giữa các vùng, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, giữa nông thôn và thành thị. Có kế hoạch cụ thể về đào tạo nghề và chính sách bảo đảm việc làm cho nông dân, nhất là ở các vùng chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động từ nông thôn... Hình thành Chương trình mục tiêu quốc gia về đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực, bảo đảm hằng năm đào tạo khoảng một triệu LĐNT; phấn đấu đến năm 2020 lao động nông nghiệp còn khoảng 30% lao động xã hội; tỷ lệ LĐNT qua đào tạo đạt trên 50%”.

Thực hiện Nghị quyết đó, ngày 28-10-2008, Chính phủ đã ra Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ban hành “Chương trình hành động của Chính phủ”, trong đó nêu mục tiêu: “Tập trung đào tạo nguồn nhân lực ở nông thôn,

chuyển một bộ phận lao động nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập của dân cư nông thôn tăng lên 2,5 lần so với hiện nay”. Một trong những nhiệm vụ chủ yếu trong Chương trình hành động của Chính phủ là: “Xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia về đào tạo nguồn nhân lực nông thôn. Tập trung xây dựng kế hoạch và giải pháp đào tạo cho bộ phận con em nông dân đủ trình độ, năng lực vào làm việc ở các cơ sở công nghiệp, thủ công nghiệp và dịch vụ và chuyển nghề; bộ phận nông dân còn tiếp tục sản xuất nông nghiệp được đào tạo về kiến thức và kỹ năng để thực hành sản xuất nông nghiệp hiện đại; đồng thời tập trung đào tạo nâng cao kiến thức cho cán bộ quản lý, cán bộ cơ sở”.

Do vậy việc lựa chọn ngành nghề đào tạo cho LĐNT cần phù hợp với hoàn cảnh của Đất nước, phù hợp với nền sản xuất hiện tại và sự phát triển của kinh tế xã hội.

Dựa trên kết quả điều tra nhu cầu sử dụng LĐNT qua đào tạo nghề và nhu cầu của các đối tượng LĐNT học nghề, trên cơ sở phân tích các yếu tố về kinh tế xã hội, đặc điểm của LĐNT theo từng vùng miền và từng thời điểm khác nhau để xác định ngành nghề đào tạo cho phù hợp. Xuất phát từ đặc điểm của người nông dân và lao động ở nông thôn nước ta như tính cần cù, chịu khó, sẵn sàng tiếp thu kiến thức mới, giúp ích cho hoạt động của mình..., bên cạnh đó đặc điểm của LĐNT còn có tính manh mún, tập quán làm việc theo cảm tính, ý thức tổ chức kỷ luật không cao, trình độ văn hoá thấp...; để phù hợp với những điều kiện, đặc điểm trên của LĐNT và để công tác tổ chức đào tạo có hiệu quả thì một số ngành nghề được xác định trong đào tạo LĐNT bao gồm: May công nghiệp; Cơ điện nông thôn; Quản lý điện nông thôn; Lắp đặt điện dân dụng; Kỹ thuật gò, hàn nông thôn; Sửa chữa điện thoại di động; Sửa chữa xe gắn máy; Kỹ thuật trồng trọt; Kỹ thuật chăn nuôi; Sửa chữa và bảo trì tủ lạnh điều hoà nhiệt độ; Kỹ thuật sửa chữa ô tô; Kỹ thuật trồng cây cao su; Sửa chữa điện và điện lạnh ô tô; Sửa chữa hệ thống cấp nước gia đình; nấu ăn; pha chế; trồng hoa; ngành nghề dịch vụ v.v...

Đây là những ngành nghề thiết thực, phù hợp với lao động ở nông thôn. Việc lựa chọn ngành nghề đào tạo cho LĐNT là một trong những nội dung quan trọng góp phần thực hiện thành công chính sách đào tạo nghề cho lao động ở nông thôn.

1.2.3.3. Lựa chọn phương thức đào tạo nghề cho Lao động nông thôn

Dạy nghề theo các mô hình cho LĐNT gồm 4 nhóm: nhóm lao động làm nông nghiệp (ở các vùng núi, vùng chuyên canh); nhóm lao động trong các làng nghề ở vùng đồng bằng; nhóm nông dân chuyển nghề sang công nghiệp, dịch vụ (ở vùng núi và vùng đồng bằng, trung du) và nhóm đánh bắt xa bờ ở các tỉnh duyên hải miền Trung (học sửa chữa máy tàu thủy; chế biến và bảo quản thủy sản...).

Để nâng cao hiệu quả đào tạo, việc tổ chức các khóa học với hình thức và phương thức khác nhau đối với LĐNT rất quan trọng. Hiện nay có nhiều phương thức để đào tạo nghề cho LĐNT, như: Phương thức đào tạo tập trung tại các cơ sở dạy nghề; mở các lớp nghề tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất; đào tạo theo đơn đặt hàng của các công ty, doanh nghiệp, tập đoàn sản xuất; đào tạo lưu động tại các địa phương xã, thôn, bản; đào tạo nghề gắn với các vùng chuyên canh, với các làng nghề... Phương thức đào tạo cũng cần phải đa dạng, phù hợp với từng nhóm đối tượng và điều kiện của từng vùng, miền... như tổ chức đào tạo tập trung tại cơ sở dạy nghề đối với những nông dân chuyển đổi nghề nghiệp (tại Trung tâm dạy nghề, các trường trung cấp, cao đẳng, các trường đại học, các cơ sở khác có tham gia dạy nghề); đào tạo nghề lưu động cho nông dân tại cơ sở sản xuất, tại các địa bàn xã, thôn, bản...; do vậy, lựa chọn phương thức đào tạo nghề cho LĐNT, đáp ứng nhu cầu lao động, việc làm của các nhóm đối tượng học nghề là một trong những nội dung quan trọng trong đào tạo nghề cho LĐNT.

Mục tiêu của dạy nghề cho LĐNT là tạo cho họ có một nghề để có thể tự tạo việc làm trong nông nghiệp (tăng năng suất lao động) hoặc tìm được việc làm phi nông nghiệp (ở nông thôn hoặc ngoài nông thôn). Nói cách khác,

dạy nghề cho LĐNT phải gắn với giải quyết việc làm cho người lao động, đây là vấn đề cốt lõi đối với dạy nghề cho LĐNT, nhất là đối với nhóm lao động cần phải chuyển sang làm trong lĩnh vực phi nông nghiệp, công nghiệp. Nếu không gắn được với việc làm thì người nông dân sẽ không tham gia học nghề nữa và nguồn lực xã hội sẽ bị lãng phí. Do đó, trong quá trình đào tạo nghề rất cần thiết có sự kết hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất để họ một mặt tham gia vào quá trình đào tạo; mặt khác có thể tạo cơ hội cho người học được tham gia vào quá trình sản xuất của doanh nghiệp từ khi còn học và sau khi học nghề xong là có thể làm việc được ngay với nghề nghiệp của mình.

1.2.3.4. Lựa chọn đội ngũ giáo viên dạy nghề

- Đội ngũ cán bộ đào tạo nghề bao gồm các các bộ quản lý ở cơ sở đào tạo nghề và đội ngũ giáo viên dạy nghề. Đối với đội ngũ giáo viên dạy nghề, họ vừa giữ vai trò trực tiếp truyền đạt các kiến thức cơ bản về nghề đồng thời cũng là những người hướng dẫn nghề và rèn luyện tay nghề. Vì vậy, đội ngũ giáo viên dạy nghề phải là những người nắm vững lý thuyết, nhưng rất giỏi về thực hành.

- Để có được đội ngũ giáo viên dạy nghề đáp ứng yêu cầu, các cơ sở dạy nghề phải có chế độ tuyển dụng những người đủ tiêu chuẩn về chuyên môn (có nền tảng lý thuyết vững và trình độ tay nghề giỏi), có lòng yêu nghề. Không chỉ vậy, các cơ sở đào tạo nghề cần có chế độ thường xuyên bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và có chính sách sử dụng đội ngũ giáo viên theo hướng khuyến khích, tạo sự yên tâm với nghề, nhất là ở những nơi có sự cạnh tranh cao giữa các trường nghề với các cơ sở đào tạo chuyên nghiệp.

- Xây dựng các tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ, chính sách, cơ chế đãi ngộ phù hợp để thu hút những người giỏi, có năng lực giảng dạy tại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; những người hoạt động trên các lĩnh vực, mọi thành phần tham gia vào công tác đào tạo, bồi dưỡng; thu hút những người có năng lực đang công tác tại các cơ quan đơn vị tham gia giảng dạy theo chế độ kiêm chức.

Nghiên cứu kiện toàn tổ chức, biên chế của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, đặc biệt chú trọng đến trường của cấp tỉnh;

- Đào tạo, bồi dưỡng cho giáo viên, giảng viên của hệ thống các trường chính trị tỉnh, các trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của các Bộ, ngành và các trường đại học, cao đẳng đáp ứng với chương trình, nội dung giảng dạy;

- Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy phù hợp với đối tượng người học; nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo, bồi dưỡng giảng viên đáp ứng được yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa;

- Kiện toàn tổ chức, biên chế, bổ sung lực lượng giáo viên, giảng viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã đặt ra, đặc biệt chú trọng đến trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thuộc cấp tỉnh.

- Biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng nghề cho giáo viên dạy nghề dạy trình độ sơ cấp nghề và người dạy nghề: chương trình tài liệu, bồi dưỡng công nghệ mới, chương trình tài liệu bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề, chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý cơ sở dạy nghề về nghiệp vụ tư vấn học nghề, tư vấn việc làm.

1.2.3.5. Kinh phí cho đào tạo nghề

Theo Theo Điểm 4, Khoản VI, Điều 1, Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho LĐNT đến năm 2020”; Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho LĐNT đến 2020, kinh phí cho đào tạo nghề nông thôn được quy định như sau:

Việc sử dụng kinh phí để tổ chức hỗ trợ đào tạo nghề cho LĐNT thực hiện theo cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo theo quy định của Luật Đấu thầu, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

- Các địa phương tự cân đối được ngân sách phải bảo đảm kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho LĐNT và hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã;

- Ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho các địa phương chưa tự cân đối ngân sách để thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho LĐNT, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã; các Bộ, ngành, đoàn thể để nhân rộng mô hình dạy nghề cho LĐNT và thực hiện các chính sách, giải pháp và hoạt động còn lại của Đề án.

Kinh phí thực hiện Đề án được bố trí riêng trong chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình quốc gia cụ thể trong từng giai đoạn.

Việc phân bổ kinh phí cho các địa phương trên cơ sở quy mô LĐNT, nhu cầu thực tế về đào tạo nghề, đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức cấp xã của các địa phương, trên cơ sở định hướng và cân đối chung của cả nước, trong từng lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ; ưu tiên các địa phương vùng Trung du, miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, Đồng bằng Sông Cửu Long; vùng biển, đảo; các địa phương có dân số là người dân tộc thiểu số từ 100 ngàn người trở lên hoặc có dân số là người dân tộc thiểu số dưới 100 ngàn người, nhưng có tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số từ 5% trở lên và địa phương tổ chức thực hiện đào tạo nghề cho LĐNT đạt từ 80% trở lên có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ có năng suất, thu nhập cao hơn sau đào tạo.

- Huy động thêm nguồn lực của các tổ chức quốc tế, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, cá nhân và cộng đồng để bổ sung cho việc thực hiện Đề án. Các khoản chi phí, hỗ trợ của doanh nghiệp cho đào tạo nghề được tính là các khoản giảm trừ khi tính thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật.

- Các chính sách, chương trình, dự án, đề án khác có hoạt động đào tạo nghề cho LĐNT sử dụng ngân sách nhà nước, cơ quan chủ trì thực hiện chính sách, chương trình, dự án, đề án ở địa phương phải báo cáo Ban chỉ đạo thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg cấp tỉnh;

Xác định chính sách dành cho kinh phí đào tạo chính là xác định chính sách trong việc xây dựng kinh phí cần thiết cho công tác đào tạo hàng năm, cho từng lớp học, khóa học, loại hình đào tạo tại các cơ sở,...

1.2.4. Tuyển sinh học nghề

Để công tác tuyển sinh học nghề có hiệu quả, trước hết cần làm tốt công tác tuyên truyền và tư vấn đào tạo nghề, việc làm, cụ thể như sau:

- Phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đào tạo nghề cho LĐNT, các mô hình hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp;
- Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác tư vấn định hướng nghề nghiệp và thông tin thị trường lao động;
- Tăng cường công tác tư vấn giới thiệu việc làm, hỗ trợ thông tin thị trường và tổ chức bao tiêu sản phẩm cho người lao động sau đào tạo.

Hàng năm các địa phương cần xây dựng kế hoạch đào tạo, đảm bảo kế hoạch phải dựa trên nhu cầu học nghề của người dân gắn với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương đó.

Xây dựng kế hoạch khảo sát nhu cầu học nghề của năm, kế hoạch ghi rõ đối tượng điều tra, hướng dẫn nghiệp vụ điều tra, chuẩn bị mẫu phiếu điều tra, khảo sát, sau đó nghiệm thu phiếu, tổng hợp số liệu báo cáo kết quả thực hiện. Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin để từ đó xác định được nhu cầu học nghề của LĐNT theo danh mục từng nghề, xác định cơ cấu nghề: nghề nông nghiệp và nghề phi nông nghiệp đồng thời làm cơ sở xây dựng kế hoạch dạy nghề và ngành nghề đào tạo cho phù hợp với nhu cầu thực tế tại các xã, phường trên địa bàn thị xã đối với người lao động.

Căn cứ Kế hoạch, cơ quan chuyên môn cấp huyện (Phòng Lao động – TB & XH và Phòng Kinh Tế (phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) lựa chọn cơ sở đào tạo nghề để tham mưu cho UBND cấp huyện đặt hàng đào tạo.

Cơ sở đào tạo (cơ sở được giao nhiệm vụ hoặc cơ sở được chọn để tổ chức lớp theo hợp đồng đặt hàng) phát hành thông báo tuyển sinh, phối hợp

với UBND cấp xã để rà soát lại các đối tượng có nguyện vọng đào tạo nghề và lập danh sách lớp. Ưu tiên các đối tượng đã đăng ký học nghề khi khảo sát lập kế hoạch, cơ sở đào tạo có thể tuyển sinh bổ sung các đối tượng ngoài danh sách đã đăng ký nếu ko triệu tập đủ số học sinh.

Công tác tuyển sinh cần đúng đối tượng theo quy định, đúng nguyện vọng người học nghề; có đơn đăng ký tham gia, đúng số lượng học viên theo quy định.

1.2.5. Tổ chức thực hiện

- Việc tổ chức đào tạo nghề cho LĐNT (bao gồm cả đào tạo nghề nông nghiệp và đào tạo nghề phi nông nghiệp) chủ yếu là dạy thực hành và được thực hiện tại nơi sản xuất. Thời gian đào tạo phải phù hợp với nghề đào tạo, đặc điểm của quy trình sản xuất, quy trình sinh trưởng của cây trồng, vật nuôi ở từng vùng, từng địa phương và phù hợp với nhu cầu của người học;

- Các nghề đào tạo cho LĐNT đa dạng, cụ thể, theo nhu cầu của người học và thực tiễn sản xuất; từ đào tạo một công đoạn, một kỹ năng nghề nhất định, đến đào tạo cấp văn bằng, chứng chỉ một cách đầy đủ, toàn diện theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp;

- Tổ chức lồng ghép, huy động các nguồn lực trong đào tạo nghề cho LĐNT một cách linh hoạt, phù hợp giữa các đề án, chương trình, nhất là chương trình phổ biến, nâng cao kiến thức khoa học kỹ thuật cho cộng đồng; giữa các chính sách khác nhau, các đối tượng đào tạo, các địa phương; lồng ghép với các vấn đề về giới, về môi trường, văn hóa, xã hội kiến thức kinh doanh linh hoạt, phù hợp với đối tượng người học trong quá trình đào tạo nghề cho LĐNT để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực;

- Thu hút các cơ sở có đủ điều kiện tham gia đào tạo nghề cho LĐNT, không phân biệt cơ sở công lập hay ngoài công lập. Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp chủ động đào tạo, nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề cho người lao động;

- Tổ chức đào tạo nghề cho LĐNT theo các mô hình đã thí điểm có hiệu quả; đào tạo nghề tại doanh nghiệp, vùng chuyên canh, xã xây dựng nông thôn mới, làng nghề. Tiếp tục nhân rộng các mô hình đào tạo nghề có

hiệu quả của các Bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, gắn đào tạo nghề với hỗ trợ vốn sản xuất, tạo việc làm cho LĐNT.”

Trách nhiệm của các Bộ, Ngành Trung Ương như sau:

Theo Theo Điểm 4, Khoản VI, Điều 1, Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho LĐNT đến năm 2020”; Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho LĐNT đến 2020:

** Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:*

- Là cơ quan thường trực Đề án; chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Nội vụ tổng hợp nội dung và nhu cầu kinh phí hằng năm và từng giai đoạn của Đề án gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn tổ chức thực hiện các chính sách, giải pháp và hoạt động của Đề án;

- Hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch, dự toán nhu cầu kinh phí đào tạo nghề cho LĐNT tổng hợp nhu cầu kinh phí gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để trình Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ trì chỉ đạo và chịu trách nhiệm về việc tổ chức đào tạo nghề phi nông nghiệp cho LĐNT; hướng dẫn và tổ chức nhân rộng các mô hình đào tạo nghề cho LĐNT;

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện đào tạo nghề cho LĐNT; định kỳ 6 tháng, hằng năm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

** Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:*

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tổ chức xây dựng danh mục nghề, chương trình dạy nghề các nghề nông nghiệp trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề thường xuyên;

- Chủ trì chỉ đạo và chịu trách nhiệm về việc tổ chức ĐTN nông nghiệp
+ Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương xác định nhu cầu, xây dựng kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho LĐNT hằng năm và từng giai đoạn;

+ Tổng hợp kế hoạch, nhu cầu kinh phí hằng năm và từng giai đoạn về đào tạo nghề nông nghiệp cho LĐNT; Hướng dẫn nhiệm vụ đào tạo nghề nông nghiệp hằng năm và từng giai đoạn cho các địa phương bảo đảm cân đối chung theo định hướng phát triển của ngành nông nghiệp và nhu cầu đào tạo lao động theo ngành, nghề của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp;

- Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: xây dựng cơ chế, chính sách về đào tạo nghề cho LĐNT; dự kiến phân bổ kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề cho LĐNT và chịu trách nhiệm về việc chỉ đạo thực hiện nguồn vốn đào tạo nghề nông nghiệp cho LĐNT;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức hướng dẫn xây dựng danh mục nghề, chương trình đào tạo và tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp cho LĐNT;

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp cho LĐNT; định kỳ 6 tháng, hằng năm báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp.

** Bộ Nội vụ*

- Chủ trì tổ chức thực hiện, chỉ đạo việc đánh giá, tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã theo các mục tiêu đã định; đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách về đào tạo cán bộ, công chức xã; xây dựng và ban hành chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã;

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã; định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội để tổng hợp;

- Tổ chức, chỉ đạo các địa phương tiến hành xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã; xây dựng quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã đến năm 2015 và đến năm 2020;

- Chủ trì và phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan trong việc nghiên cứu đề xuất những chương trình, nội dung kiến thức, kỹ năng cần phải trang bị cho cán bộ, công chức xã, kể cả kiến thức cập nhật (đến năm 2015 và đến năm 2020) và xây dựng các nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng;

- Chủ trì và phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn, chế độ, chính sách, cơ chế đãi ngộ giảng viên;

- Phối hợp với Bộ Tài chính rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã;

- Hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã theo 3 giai đoạn: đến năm 2010; từ năm 2011 đến năm 2015 và từ năm 2016 đến năm 2020 trên cơ sở nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và quy hoạch cán bộ, công chức xã của địa phương.

** Bộ Giáo dục và Đào tạo:*

- Đổi mới chương trình và nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông để học sinh có thái độ đúng đắn về giáo dục nghề nghiệp và chủ động lựa chọn các loại hình đào tạo nghề sau khi tốt nghiệp giáo dục phổ thông;

- Phối hợp với Bộ Nội vụ lựa chọn các cơ sở đào tạo trong ngành giáo dục tham gia bồi dưỡng cán bộ, công chức xã.

** Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính:*

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

+ Đề xuất, bố trí vốn đầu tư phát triển hằng năm để thực hiện Đề án;

+ Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất với Chính phủ bố trí bổ sung hoặc bố trí nguồn vốn giải quyết việc làm dành riêng để cho vay đối với LĐNT sau học nghề để giải quyết việc làm hoặc vay vốn để khởi nghiệp;

+ Phối hợp kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác liên quan.

- Bộ Tài chính:

+ Chủ trì ban hành văn bản hướng dẫn sửa đổi, bổ sung việc quản lý và sử dụng kinh phí đối với nguồn vốn sự nghiệp của Đề án; đề xuất bố trí vốn sự nghiệp hằng năm của Đề án;

+ Phối hợp kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

** Bộ Công Thương:*

- Chủ trì tổ chức thực hiện cung cấp thông tin thị trường hàng hóa, hỗ trợ việc tiêu thụ sản phẩm tiêu thủ công nghiệp cho LĐNT đến cấp xã;

- Chỉ đạo hệ thống khuyến công gắn kết các hoạt động khuyến công với hoạt động đào tạo nghề và tổ chức nhân rộng mô hình đào tạo nghề phi nông nghiệp cho LĐNT theo nhu cầu của doanh nghiệp;

- Phối hợp với Bộ Nội vụ nghiên cứu, đề xuất những chương trình, nội dung, kiến thức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã phù hợp với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

** Bộ Thông tin và Truyền thông*

- Chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí tổ chức tuyên truyền về công tác đào tạo nghề cho LĐNT;

- Phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về công tác đào tạo nghề cho LĐNT.”

** Ủy ban Dân tộc*

- Chỉ đạo việc tổ chức thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất đối với người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc gắn kết với hoạt động đào tạo nghề và tổ chức nhân rộng mô hình đào tạo nghề cho LĐNT vùng dân tộc thiểu số;

- Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trong việc tổ chức thực hiện các nội dung Đề án này liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của mình;

- Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, giám sát, tổng hợp nhu cầu, kết quả, hiệu quả đào tạo nghề đối với người dân tộc thiểu số.”

** Ngân hàng Chính sách xã hội*

Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay đối với LĐNT học nghề có nhu cầu vay vốn từ chương trình tín dụng học sinh, sinh viên theo quy định hiện hành; thực hiện cho vay vốn ưu đãi đối với LĐNT sau đào tạo

nghề để giải quyết việc làm hoặc vay vốn để khởi nghiệp từ Quỹ quốc gia về việc làm theo cơ chế cho vay giải quyết việc làm hiện hành.”

** Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*

- Chỉ đạo việc tổ chức triển khai thực hiện Đề án và chịu trách nhiệm về kết quả, hiệu quả đào tạo nghề cho LĐNT và đào tạo, bồi dưỡng công chức xã trên địa bàn;

- Xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho LĐNT hằng năm, trong đó xác định cụ thể các nội dung:

+ Xây dựng danh mục nghề đào tạo, kế hoạch đào tạo nghề trên cơ sở nhu cầu học nghề của LĐNT, nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và của thị trường lao động trong và ngoài nước; quy hoạch xây dựng nông thôn mới; nhiệm vụ tái cơ cấu từng ngành, lĩnh vực và giảm nghèo bền vững;

+ Thu hút các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập và ngoài công lập; các viện nghiên cứu, trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm khuyến nông, lâm, ngư, trang trại, nông trường, lâm trường, doanh nghiệp, hợp tác xã và các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ có đủ điều kiện tham gia đào tạo nghề cho LĐNT theo chính sách của Đề án này;

+ Quy định cụ thể mức chi phí đào tạo cho từng nghề đào tạo phù hợp với thực tế của địa phương. Ngoài mức hỗ trợ nêu trong Đề án này, các địa phương căn cứ khả năng nguồn ngân sách của mình quyết định mức hỗ trợ bổ sung cho người học;

- Lồng ghép các nguồn lực, các hoạt động của đề án đào tạo nghề cho LĐNT với các chương trình, đề án khác có liên quan để tránh sự chồng chéo trong tổ chức thực hiện và nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo nghề cho LĐNT tại địa phương;

- Rà soát, phê duyệt điều chỉnh các nội dung, chỉ tiêu nhiệm vụ thực hiện Đề án đào tạo nghề cho LĐNT của địa phương phù hợp với nhu cầu dạy nghề, tạo việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động và các điều kiện đảm bảo

thực hiện Đề án. Hoàn chỉnh, phê duyệt quy hoạch mạng lưới các cơ sở dạy nghề đến năm 2020, trong đó tập trung rà soát, tổ chức lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cấp huyện;

- Xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức xã hằng năm. Sử dụng có hiệu quả kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã;

- Chi đạo các cơ quan phát thanh, truyền hình, báo của địa phương có chuyên mục tuyên truyền về đào tạo nghề cho LĐNT;

- Bố trí mỗi huyện có 01 cán bộ chuyên trách ở Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội làm công tác quản lý giáo dục nghề nghiệp;

- Tổ chức tuyên truyền, xây dựng thương hiệu hàng hóa, xây dựng chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm cho LĐNT;

- Tổng hợp báo cáo kết quả, hiệu quả đào tạo nghề cho LĐNT trên địa bàn, gồm: kết quả, hiệu quả hỗ trợ đào tạo nghề cho LĐNT theo chính sách của Đề án này; kết quả, hiệu quả hỗ trợ đào tạo nghề cho LĐNT từ các chính sách, chương trình, dự án, đề án khác; số lượng LĐNT được học nghề, tập nghề để làm việc cho người sử dụng lao động (doanh nghiệp) theo quy định của Bộ luật Lao động và số lượng LĐNT đào tạo nghề ở các trình độ, tự chi trả học phí;

- Chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát, đôn đốc, kiểm tra và chỉ đạo thực hiện các hoạt động đào tạo nghề cho LĐNT của Đề án này và các chính sách, chương trình, dự án, đề án khác có hoạt động đào tạo nghề cho LĐNT trên địa bàn;

- Theo dõi, đôn đốc, tổ chức kiểm tra giám sát việc thực hiện, báo cáo định kỳ theo quy định.

Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp:

- Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tổ chức lồng ghép các hoạt động tuyên truyền, tư vấn về giáo dục nghề nghiệp trong công nhân lao động và đào tạo nghề trong Đề án này vào các nội dung phù hợp của Đề án “Nâng cao năng lực các cơ sở dạy nghề của tổ chức công đoàn đến năm 2020”; tham gia tổ chức đào tạo nghề cho LĐNT;

- Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức lồng ghép các hoạt động tuyên truyền, tư vấn về giáo dục nghề nghiệp và đào tạo nghề trong Đề án này vào các nội dung phù hợp của Đề án “Hỗ trợ thanh niên học nghề và tạo việc làm”; tham gia tổ chức đào tạo nghề cho LĐNT;

- Hội Nông dân Việt Nam chủ trì tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nông dân tham gia học nghề; tư vấn miễn phí về giáo dục nghề nghiệp, việc làm, thành lập doanh nghiệp, trang trại và cơ sở sản xuất, kinh doanh; làm đầu mối tham gia tổ chức đào tạo nghề cho LĐNT gắn với các mô hình nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi; phối hợp cùng với Hội Cựu chiến binh Việt Nam thực hiện giám sát việc tổ chức đào tạo nghề cho LĐNT tại xã;

- Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tổ chức lồng ghép các hoạt động tuyên truyền, tư vấn về giáo dục nghề nghiệp và đào tạo nghề cho lao động nữ trong Đề án này vào các nội dung phù hợp của Đề án “Hỗ trợ phụ nữ học nghề, tạo việc làm”; tham gia tổ chức đào tạo nghề cho LĐNT;

- Hội Cựu chiến binh Việt Nam chủ trì tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, vận động cựu chiến binh tham gia học nghề và phối hợp cùng với Hội Nông dân Việt Nam thực hiện giám sát việc tổ chức đào tạo nghề cho LĐNT tại xã;

- Hội Khuyến học Việt Nam tổ chức lồng ghép các hoạt động tuyên truyền, tư vấn về giáo dục nghề nghiệp và đào tạo nghề gắn với xây dựng các mô hình học tập vào các nội dung phù hợp của Đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020”; tham gia tổ chức đào tạo nghề cho LĐNT;

- Hiệp hội Dạy nghề và Nghề công tác xã hội, Hiệp hội làng nghề Việt Nam, các tổ chức của người khuyết tật, tổ chức vì người khuyết tật và các hội nghề nghiệp khác trực tiếp tuyên truyền vận động hội viên, thành viên tham gia lồng ghép các hoạt động theo điều lệ, quy chế của tổ chức mình với các hoạt động trong Đề án này và tham gia tổ chức đào tạo nghề cho LĐNT.

1.2.6. Đánh giá kết quả đào tạo

Hiệu quả là một trong yếu tố chính quyết định sự thành công của hoạt động đào tạo nghề. Việc đánh giá này nhằm tìm hiểu chương trình đào tạo có hoàn thành mục tiêu đề ra hay không. Nó chủ yếu xác định kết quả đào tạo: lượng kiến thức, kỹ năng học viên đạt được và khả năng ứng dụng kiến thức, kỹ năng đó vào quá trình làm việc sau khi được đào tạo. Việc đánh giá hiệu quả đào tạo nghề được tiến hành dựa vào các tiêu chí sau:

- Tỷ lệ lao động có việc làm đúng nghề học
- Tỷ lệ lao động tự tạo được việc làm sau đào tạo
- Số lượng lao động chuyển đổi nghề sau đào tạo nghề
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề được doanh nghiệp tuyển dụng
- Mức độ hài lòng của lao động đối với khóa học: Khi kết thúc khóa

học, thông qua phát phiếu thăm dò, cơ sở đào tạo lấy ý kiến của người lao động về nội dung chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, trang thiết bị, giáo viên, mức độ ứng dụng vào công việc họ sẽ làm.

-Mức độ phù hợp của ngành nghề đào tạo với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương; khảo sát, điều tra người lao động sau khi tham gia khóa học có tìm được việc làm phù hợp không.

- Sự thay đổi thu nhập của người lao động sau khi được đào tạo: đây là tiêu chí rất quan trọng để đánh giá hiệu quả đào tạo nghề. Mục tiêu chính của đào tạo nghề là giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập của người lao động.

Mức độ liên kết của các trường dạy nghề với các doanh nghiệp hay số lượng người lao động có việc làm sau đào tạo: các cơ sở đào tạo cần quan tâm đến nhu cầu của xã hội, của doanh nghiệp và của người lao động. Doanh nghiệp cũng cần liên kết với các trường trong việc xây dựng chương trình đào tạo để người học sau khi tốt nghiệp đủ kiến thức kỹ năng đáp ứng yêu cầu công việc. Như vậy sẽ tránh được tình trạng lãng phí thời gian, tiền bạc của người lao động, của các cơ sở đào tạo nghề của Nhà nước.

1.2.7. Việc làm sau đào tạo nghề

Chỉ mở lớp đào tạo nghề khi có khả năng giải quyết việc làm sau đào tạo (tại doanh nghiệp hoặc người lao động có khả năng tự tạo việc làm tại chỗ). Không tổ chức đào tạo khi không dự báo được nơi làm việc, mức thu nhập sau đào tạo của người lao động.

Cơ quan chuyên môn cấp huyện phối hợp với UBND cấp xã và cơ sở đào tạo để tổ chức hỗ trợ lao động giải quyết việc làm, bao tiêu sản phẩm theo trách nhiệm quy định và theo hợp đồng đã ký.

1.3. Một số yếu tố tác động đến đào tạo nghề cho Lao động nông thôn

1.3.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội ở địa phương

Điều kiện tự nhiên các vùng có tác động đến sự phân bố lao động, chất lượng lao động, từ đó sẽ ảnh hưởng đến công tác đào tạo nghề. Điều kiện tự nhiên, thời tiết, khí hậu tạo ra các đặc điểm con người khác nhau giữa các địa phương, vùng, miền dẫn đến những đặc điểm khác nhau giữa lao động các vùng, miền như lao động thuộc các dân tộc khác nhau, lao động ở các vùng sinh thái khác nhau, lao động ở đồng bằng và miền núi, hải đảo đều có những đặc trưng về tập quán, phương thức sản xuất khác nhau. Khí hậu, thời tiết giữa các vùng khác nhau dẫn đến hệ sinh thái khác nhau, cây trồng, con vật nuôi khác nhau, tạo ra cách thức sản xuất, cách thức canh tác khác nhau của người lao động. Điều kiện về khí hậu, thời tiết cũng tạo ra tính chất mùa vụ khác nhau dẫn đến công việc và thời gian của lao động làm nghề nông cũng khác nhau. Điều kiện khí hậu, thời tiết làm cho một số vùng thường xuyên gặp bão lụt, dẫn đến sản xuất của người dân hay gặp rủi ro... Tất cả các yếu tố về điều kiện tự nhiên đều ảnh hưởng đến việc xây dựng kế hoạch, lựa chọn hình thức, danh mục nghề đào tạo cho LĐNT.

Chính trị- xã hội ổn định sẽ làm cho nền kinh tế phát triển không ngừng. Thể hiện qua sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế, tăng tỷ lệ các ngành công nghiệp dịch vụ, giảm tỷ lệ ngành nông nghiệp, hình thành các nhà máy, các doanh nghiệp, các khu công nghiệp. Sự thay đổi về cơ cấu ngành kéo theo sự thay đổi về lao động, chuyển từ lao động chân tay sang lao động trí óc, có

trình độ chuyên môn và tay nghề phù hợp. Nhu cầu về lao động đã qua đào tạo trên thị trường tăng cao. Từ đó đòi hỏi sự phát triển của các hệ thống cơ sở dạy nghề, nhu cầu học nghề tăng đặc biệt là số lao động từ nông thôn.

Chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động đào tạo nghề cho người lao động. Chiến lược này thường được cụ thể hóa bằng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Nếu quy hoạch kinh tế phát triển của địa phương có tính khả thi thì các dự án đầu tư cũng có điều kiện thực hiện thuận lợi và có hiệu quả kinh tế cao, đồng thời việc giải quyết việc làm cho người lao động sau đào tạo cũng được thuận lợi. Ngoài ra, nội dung chiến lược hay quy hoạch phát triển kinh tế xã hội địa phương cũng ảnh hưởng đến nội dung công tác đào tạo nghề. Địa phương đang tập trung phát triển ngành nghề truyền thống hay tập trung phát triển dịch vụ thì nội dung đào tạo cũng phải đi theo hướng này.

Trình độ của người lao động: với các nước phát triển, trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật,... của lao động nông nghiệp, nông thôn thường rất thấp, do vậy khi tiến hành công nghiệp hóa, đô thị hóa nông thôn, xây dựng và phát triển các đô thị, phát triển các ngành phi nông nghiệp gắn với nền kinh tế thị trường, cơ hội tìm kiếm công ăn việc làm của người lao động nông nghiệp ở các đô thị là rất khó khăn. Ngay cả trong sản xuất nông nghiệp ngày nay – thời đại khoa học công nghệ - lao động nông nghiệp cũng đòi hỏi phải được đào tạo và đào tạo lại. Cùng với tiến trình hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn đặt ra những yêu cầu mới cho người lao động, đòi hỏi người lao động phải nâng cao trình độ, năng lực của mình.

Nhận thức của xã hội về đào tạo nghề tác động mạnh đến công tác đào tạo nghề, ảnh hưởng rõ rệt nhất của nó đến lượng học viên đầu vào cho các cơ sở dạy nghề. Nếu người lao động đánh giá đúng đắn hơn tầm quan trọng của việc học nghề thì lượng lao động tham gia học nghề sẽ chiếm một tỷ lệ lớn hơn so với toàn bộ số lao động trên thị trường và sẽ có cơ cấu trẻ hơn, đa dạng hơn. Hơn nữa, nếu người lao động nhận thức được rằng giới nghề là một

phát chất quý giá của mình, là cơ sở vững chắc để có việc làm và thu nhập ổn định thì công tác đào tạo nghề sẽ nhận được thêm nhiều nguồn lực hỗ trợ cần thiết từ xã hội.

1.3.2. Mạng lưới cơ sở nghề

Các cơ sở dạy nghề cho LĐNT rất đa dạng, đó là: Trung tâm dạy nghề cấp huyện; cơ sở dạy nghề tại các doanh nghiệp, hợp tác xã, các trường trung cấp nghề, cao đẳng nghề...

Quy hoạch và thiết kế hệ thống mạng lưới cơ sở đào tạo nghề theo từng cấp học, từng hình thức ĐTN tại từng địa phương là nội dung mang tính tiên đề. Xây dựng mạng lưới cơ sở dạy nghề cho LĐNT trên cơ sở xem xét, đánh giá lại các tổ chức đã tham gia vào công tác dạy nghề cho LĐNT trong thời gian qua trên tất cả các mặt, từ hệ thống trường lớp, đội ngũ giáo viên, trang thiết bị phục vụ cho việc dạy và học, các ngành nghề đang được dạy tại các cơ sở dạy nghề, nội dung, tài liệu và phương pháp giảng dạy cho LĐNT để biết được cái gì đã được, cái gì chưa được cần bổ sung và hoàn thiện.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị của các cơ sở ĐTN là yếu tố hết sức quan trọng, nó tác động trực tiếp lên chất lượng ĐTN, với mỗi nghề dù đơn giản hay phức tạp cũng cần phải có các máy móc, trang thiết bị chuyên dùng phục vụ cho giảng dạy và học tập. Trang thiết bị ĐTN giúp cho học viên có điều kiện thực hành để hoàn thành kỹ năng sản xuất. Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề càng tốt, càng hiện đại, theo sát với công nghệ phục vụ cho sản xuất bao nhiêu thì người học nghề có thể thích ứng, vận dụng nhanh chóng với sản xuất bấy nhiêu.

1.3.3. Quản lý nhà nước về đào tạo nghề

Phân cấp quản lý Nhà nước về phát triển ĐTN: Theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Dạy nghề và một số văn bản có liên quan quy định: Chính phủ quản lý nhà nước về ĐTN. Cơ quan QLNN về dạy nghề ở Trung Ương chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện QLNN về dạy nghề; Bộ, cơ quan

ngang bộ phối hợp với cơ quan QLNN về dạy nghề ở trung ương thực hiện QLNN về dạy nghề theo thẩm quyền; Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện QLNN về dạy nghề theo phân cấp của Chính phủ. Hiện nay, Chính phủ giao cho Bộ LĐ-TB&XH chịu trách nhiệm trước Chính phủ QLNN về dạy nghề, quản lý nguồn lực đầu tư cho ĐTN. Tổng cục Dạy nghề trực thuộc Bộ LĐ-TB&XH giúp Bộ thực hiện chức năng QLNN về công tác ĐTN, trong đó huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực để phát triển ĐTN.

Công tác quản lý nhà nước về đào tạo nghề tốt thì công tác đào tạo nghề mới đạt kết quả cao, và đây là một trong những yếu tố trực tiếp ảnh hưởng đến công tác đào tạo nghề cho LĐNT.

1.3.4. Chính sách của nhà nước và địa phương về đào tạo nghề cho LĐNT

Cơ chế chính sách của Nhà nước các cấp là yếu tố quan trọng nhất, có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển đào tạo nghề, đến việc thực hiện chính sách đào tạo nghề cho LĐNT cả về quy mô, cơ cấu và chất lượng đào tạo. Các chính sách khuyến khích phát triển hệ thống đào tạo nghề chủ yếu tác động vào các mặt, những nội dung trọng yếu tạo ra khuôn khổ pháp lý, môi trường KT-XH, khuyến khích các lực lượng xã hội tham gia vào hoạt động phát triển dạy nghề. Hệ thống chính sách đồng bộ sẽ là căn cứ, cơ sở pháp lý quan trọng để tổ chức thực hiện thành công chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho đất nước.

Do đào tạo nghề cần phải có nguồn lực lớn, hiệu quả kinh tế mang lại phải có thời gian mới thấy được, vì vậy chính sách đào tạo nghề, trong đó có đào tạo nghề cho LĐNT cần phải có các chính sách đầu tư, xã hội hóa, thu hút các nguồn bên ngoài (ngoài nguồn ngân sách nhà nước) một cách rộng rãi, lâu dài; đồng thời phải có hệ thống văn bản đồng bộ, nhằm tạo hành lang pháp lý, tạo môi trường thuận lợi để việc ra đời hàng loạt chính sách mới liên quan đến người lao động nói chung và LĐNT nói riêng.

Kết quả của việc thực hiện các chính sách này trong thời gian qua đã hình thành nên hệ thống cơ sở dạy nghề rộng khắp trên cả nước, với đội ngũ nhà

giáo và quản lý dạy nghề tăng lên cả về số lượng và chất lượng, cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy được đầu tư ngày càng nhiều hơn...

1.4. Kinh nghiệm một số địa phương về đào tạo nghề cho lao động nông thôn và bài học rút ra cho thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

1.4.1. Kinh nghiệm một số địa phương

** Kinh nghiệm của Vĩnh Phúc*

Vĩnh Phúc là một tỉnh nằm ở đỉnh tam giác châu thổ sông Hồng, với diện tích tự nhiên khoảng 1.235,87 km², dân số năm 2018 là 1.092.424 người (theo niên giám thống kê năm 2018). Tỉnh nằm trong vùng trọng điểm kinh tế Bắc Bộ, thuộc vùng lan tỏa của tam giác kinh tế: Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Với vị trí thuận lợi, Vĩnh Phúc có điều kiện giao lưu kinh tế, văn hóa với các tỉnh và cả nước, thu hút đầu tư, tiếp nhận các thông tin và công nghệ tiên tiến để hình thành các khu công nghiệp và đô thị lớn, có tiềm năng lớn và nhiều lợi thế để tham gia vào quá trình liên kết, hợp tác và phát triển với các địa phương trong nước và quốc tế. Với những lợi thế sẵn có, Vĩnh Phúc đã thu hút được rất nhiều các dự án đầu tư lớn cả về quy mô lẫn giá trị.

Do tác động của quá trình đô thị hóa, quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tăng dần lao động ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, đồng thời giảm dần lao động nông nghiệp, đã làm cho dân số đô thị của Vĩnh Phúc tăng mạnh. Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Vĩnh Phúc, trong vòng 10 năm qua (từ năm 2004 đến năm 2014), tỉnh đã thu hồi trên 4.000 ha đất nông nghiệp để bàn giao cho 650 dự án xây dựng khu công nghiệp, khu đô thị và kết cấu hạ tầng, như khu công nghiệp Khai Quang (Vĩnh Yên), khu đô thị thị xã Phúc Yên, khu công nghiệp Bá Hiến, Bá Thiện (thị xã Bình Xuyên) và các khu đô thị thuộc các thị xã Yên Lạc, Vĩnh Tường, Tam Dương, Tam Đảo... Từ một tỉnh thuần nông, Vĩnh Phúc đã vươn lên là một tỉnh công nghiệp gia nhập “Câu lạc bộ nghìn tỷ”. Song song với phát triển kinh tế - xã hội, Tỉnh ủy, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân tỉnh đã có nhiều chủ trương nhằm bảo đảm hài hòa lợi ích của nông dân bị tác động

nhiều bởi quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, đặc biệt là chính sách đào tạo nghề, tạo việc làm cho người LĐNT.

- Đối với nhóm chính sách, người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp theo quy định tại khoản 1, Điều 2 của Quyết định số 52/2012/QĐ-TTg (ngày 16/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ) được hưởng chính sách hỗ trợ trong thời hạn 3 năm, kể từ khi có quyết định thu hồi đất.

+ Chính sách thứ nhất là hỗ trợ đào tạo nghề. Người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp có nhu cầu đào tạo, học nghề được nhận vào các cơ sở đào tạo nghề và được hỗ trợ các chi phí học nghề ngắn hạn (trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng) được Nhà nước hỗ trợ chi phí học nghề; học nghề trình độ trung cấp, cao đẳng được Nhà nước trả học phí cho một khóa học.

+ Chính sách thứ hai là hỗ trợ tạo việc làm. Người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp có nhu cầu tìm việc làm được hỗ trợ tư vấn học nghề, tư vấn, giới thiệu việc làm miễn phí tại Trung tâm Giới thiệu việc làm Vĩnh Phúc (trực thuộc Sở LĐ-TB&XH). Được ưu tiên vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm theo quy định của pháp luật. Đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được hỗ trợ 100% học phí học nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết theo quy định của pháp luật về người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Hỗ trợ 100% chi phí khám sức khỏe, làm hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo mức quy định hiện hành của Nhà nước.

Thực hiện tốt các nhóm giải pháp và chính sách trên sẽ góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp có điều kiện, cơ hội học nghề, tạo việc làm và xuất khẩu lao động nhằm phát triển kinh tế hộ gia đình bền vững, góp phần giảm nghèo ở địa phương cũng như góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung.

** Kinh nghiệm của huyện Hoàn Bô, tỉnh Quảng Ninh*

Huyện Hoàn Bô nằm ở phía nam của tỉnh Quảng Ninh, phía bắc là huyện Ba Chẽ, phía tây bắc là huyện Sơn Động (Bắc Giang), phía tây là thành

phố Uông Bí, phía nam giáp thị xã Quảng Yên và thành phố Hạ Long, phía đông là thành phố Cẩm Phả.

Huyện gồm 1 thị trấn Trới và 12 xã: Bằng Cả, Dân Chủ, Đồng Lâm, Đồng Sơn, Hòa Bình, Kỳ Thượng, Lê Lợi, Quảng La, Sơn Dương, Tân Dân, Thống Nhất, Vũ Oai. Huyện có diện tích 843,7 km² và 46.288 người, gồm nhiều dân tộc (Kinh 71%, Dao 18,8%, Sán Dìu 5,4%, Tày 3,3%, Hoa 1,2%) mật độ dân cư: 55 người/km². Huyện lỵ là thị trấn Trới nằm trên quốc lộ 279 cách thành phố Hạ Long khoảng 15 km về hướng tây bắc. Quốc lộ 279 theo hướng bắc đi huyện Sơn Động (Bắc Giang). Tỷ lệ lao động qua đào tạo khoảng 35,23%, tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo 64,77%.

Trong 5 năm thực hiện công tác đào tạo nghề cho LĐNT, huyện đã đào tạo 15 lớp nghề, số người tham gia học nghề là 465 người, trong đó có 2 lớp dạy nghề cho người nghèo, với số người tham gia là 62 người. Các nghề đào tạo kỹ thuật trồng rau, hoa, nấm, trồng rừng, chăn nuôi gia súc, gia cầm, chế biến món ăn và lái xe ô tô hạng B2. Điều đáng mừng là sau đào tạo, hầu hết người học đều áp dụng kiến thức được học để phát triển kinh tế gia đình, cải thiện cuộc sống. Một số không nhỏ học viên đã xin được việc làm trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và có thu nhập ổn định. Theo Phòng LĐ-TB&XH huyện Hoàn Bồ cho biết: “Các hoạt động dạy nghề cho LĐNT hiện đang mang lại lợi ích thiết thực cho người lao động trên địa bàn. Bước đầu trở thành hành trang quan trọng, “tấm giấy thông hành” cơ bản để thanh niên nông thôn lập thân, lập nghiệp”. Thực tế những kỹ năng nghề được học qua các khóa đào tạo nghề cho LĐNT hiện đang có tác động mạnh mẽ đến đời sống của nhiều hộ gia đình. Với các lớp kỹ thuật lâm, nông nghiệp, sau khi kết thúc có đến 70% học viên cùng gia đình triển khai thành công các kỹ năng nghề được học. Đáng nói là trong những năm gần đây, mô hình kinh tế của các gia đình có học viên được đào tạo nghề đều cho thu nhập cao hơn năm trước. Huyện đã có thêm nhiều gia trại được mở rộng và phát triển theo quy mô trang trại cho doanh thu hàng trăm triệu đồng mỗi năm.

Để có được kết quả này, các phòng chuyên môn huyện Hoàn Bò đã triển khai rất chặt chẽ các khâu, từ khảo sát nắm bắt nhu cầu người học đến việc gắn hiệu quả của chương trình vào mục tiêu xây dựng nông thôn mới. Bởi vậy, các lớp đào tạo đều tuyển sinh được trúng đối tượng. Bên cạnh đó, huyện cũng tổ chức giám sát chất lượng đào tạo các lớp nghề; cùng với các đơn vị đào tạo tăng cường thực hành, nâng cao tay nghề. Nhờ đó, học viên luôn được đào tạo đúng chương trình, nắm vững các kỹ thuật chuyên môn, kỹ năng nghề để có thể bắt nhịp với yêu cầu công việc thực tế. Ngoài ra huyện còn tích cực phối hợp với cơ sở đào tạo để kết nối tìm việc cho học viên sau khi ra trường. Đơn cử như với khoá học lái xe ô tô hạng B2, đơn vị đào tạo là Trường Cao đẳng Nghề mỏ Hồng Cẩm, đã liên hệ với các đơn vị ngành Than để tạo việc làm cho học viên. Kết thúc khoá học có khoảng 70% học viên đã được nhận vào làm trong các doanh nghiệp.

Theo cán bộ lao động xã hội, xã Tân Dân, các khoá đào tạo cho LĐNT sẽ ngày càng trở nên cần thiết đối với toàn vùng, đáp ứng nhu cầu của đông đảo thanh niên nơi đây, nhất là trong điều kiện các mô hình hình tế trang trại, gia trại đang được khuyến khích phát triển sôi động như hiện nay. Hiện nhu cầu của người học mới chỉ ở các ngành quen thuộc như: Trồng rừng nguyên liệu, trồng hoa cao cấp, trồng rau an toàn, chăn nuôi gia súc... Tuy nhiên, tiến tới sẽ là các ngành nghề liên quan đến lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, nhằm phục vụ cho các khu công nghiệp đang hình thành trên địa bàn... Từ chỗ xác định được nhu cầu này, nên trong chương trình đào tạo nghề cho LĐNT những năm tới đây, huyện Hoàn Bò sẽ tăng cường thêm số lớp và học viên. Trong đó, ngoài các ngành nghề đã và đang đào tạo, huyện còn mở thêm một số chuyên ngành mới như sản xuất gốm xây dựng, cơ khí, chế biến nông sản.

1.4.2. Bài học rút ra cho thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

Qua kinh nghiệm của 02 đơn vị cùng thực thi chính sách ĐTN cho LĐNT, bài học rút ra cho thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh như sau:

Cần có sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Thị ủy - HĐND - UBND thị xã, sự phối hợp đồng bộ giữa các phòng, ban ngành, đoàn thể liên quan và sự tham gia tích cực của UBND các xã, phường trong thực hiện ĐTN cho người lao động trên địa bàn. Làm tốt công tác tuyên truyền, tư vấn nghề cho người lao động nâng cao nhận thức về nghề nghiệp, việc làm, đặc biệt là lao động thuộc diện bị thu hồi đất để người dân nắm và hiểu đầy đủ các thông tin, làm cơ sở cho việc lựa chọn nghề cần học và có khả năng giải quyết được việc làm sau khi học nghề.

- Xây dựng bộ máy thực thi chính sách cần phân công, bố trí những cán bộ phụ trách lĩnh vực đào tạo nghề cho LĐNT vào trong bộ máy thực hiện. Tránh trường hợp cán bộ làm thực tế thì không phân công, cán bộ không làm thì phân công, bố trí.

- Làm tốt công tác lập kế hoạch triển khai chính sách, việc lập kế hoạch phải bám sát nhu cầu thực và điều kiện thực tế tại địa phương. Ngoài ra, việc thực hiện rà soát nhu cầu học nghề cho lao động trên địa bàn thị xã và nhu cầu tuyển lao động qua ĐTN thông qua cuộc điều tra thu thập thông tin biến động cung - cầu lao động hàng năm. Kết quả cuộc điều tra là cơ sở để thị xã Đông Triều xây dựng kế hoạch ĐTN và giải quyết việc làm phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương, đảm bảo lao động sau khi học nghề có việc làm

- Kịp thời ban hành những văn bản chỉ đạo hướng dẫn cụ thể công tác đào tạo nghề cho LĐNT; Thường xuyên tổ chức tập huấn và bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý và dạy nghề cao cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên. Tập huấn về nội dung của các chính sách, các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, nguồn kinh phí, chế độ báo cáo v.v...

- Công tác đào tạo nghề cho LĐNT gắn kết cụ thể với tiêu chí của chương trình xây dựng nông thôn mới, chương trình tái cơ cấu ngành;

- Đảm bảo kịp thời phân bổ kinh phí cho việc thực hiện công tác đào tạo nghề cho LĐNT tại địa phương;

- Tăng cường công tác phối kết hợp giữa các bên có liên quan nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả về công tác đào tạo nghề cho LĐNT;

Kịp thời tháo gỡ và giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện chính sách trên địa bàn;

- Thường xuyên thực hiện kiểm tra giám sát, chấn chỉnh việc tổ chức thực hiện công tác dạy nghề, giải quyết việc làm cho người lao động. Thực hiện đánh giá khách quan chất lượng và hiệu quả đào tạo, từng bước nâng cao tiêu chuẩn đánh giá đầu ra trong dạy nghề để đáp ứng các yêu cầu của thực tế sản xuất và thị trường lao động,...

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH

2.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên, tình hình kinh tế-xã hội thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

2.1.1. Điều kiện tự nhiên



Hình 2.1: Bản đồ hành chính Thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
(Nguồn: Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã, 2019)

* Vị trí địa lý

Thị xã Đông Triều nằm ở phía tây tỉnh Quảng Ninh, với tọa độ địa lý :

Từ 21029'04" đến 21044'55" vĩ độ bắc

Từ 106033' đến 106044' 57" kinh độ đông.

- Phía bắc giáp huyện Sơn Động và huyện Lục Nam tỉnh Bắc Giang.

- Phía Tây giáp thị xã Chí Linh tỉnh Hải Dương.

- Phía nam giáp huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng và huyện Kinh Môn tỉnh Hải Dương.

- Phía đông giáp thành phố Uông Bí.

Thị xã Đông Triều có 21 đơn vị hành chính trực thuộc gồm 6 phường và 15 xã. Đông Triều là cửa ngõ phía tây của tỉnh Quảng Ninh, có Quốc lộ 18A chạy qua đã mang lại những lợi thế quan trọng trong việc giao lưu kinh tế với các khu vực trong và ngoài tỉnh thông qua hệ thống giao thông đường bộ và đường thủy, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

** Đặc điểm địa hình - khí hậu*

Đông Triều vừa có đồi núi, vừa có đồng bằng ven sông, phía bắc và tây bắc là vùng đồi núi thuộc cánh cung Đông Triều, phía nam là vùng đồng bằng ven sông. Nhìn chung địa hình Đông Triều chia thành 3 vùng chính:

- Vùng đồi núi phía Bắc: gồm các xã An Sinh, Bình Khê, Tràng Lương độ cao trung bình 300 – 400m. Đất đai vùng này phù hợp với trồng rừng, trồng cây ăn quả, cây dược liệu và chăn nuôi đại gia súc.

- Vùng giữa: Đây là vùng chuyển tiếp giữ vùng đồi núi và vùng đồng bằng phía nam bao gồm các vùng phía bắc quốc lộ 18A từ xã Bình Dương đến xã Hồng Thái Đông, địa hình đồi núi thấp xen kẽ đồng bằng có nguồn gốc là đất phù sa cổ, phù hợp với phát triển cây lâu năm, cây công nghiệp và lúa.

- Vùng đồng bằng phía nam: Bao gồm toàn bộ vùng đồng bằng phía nam quốc lộ 18A từ xã Bình Dương đến xã Hồng Thái Đông, địa hình khá bằng phẳng. Đất đai vùng này tương đối phì nhiêu, chủ yếu là phù sa sông Kinh Thầy, sông Đá bạc phù hợp với trồng lúa và nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

- Khí hậu mang đậm nét của khu vực trung du - miền núi với địa hình chủ yếu là đồi, gò thấp, nền nhiệt trung bình là 230C, độ ẩm không khí trung

bình đạt 82%, lượng mưa trung bình đạt 2.168mm/năm. Thị xã có hệ thống giao thông và các công trình thủy lợi luôn được quan tâm đầu tư xây dựng đã tạo ra các điều kiện thuận lợi cho việc khai thác thế mạnh của địa phương trong phát triển, với vị trí của mình Đông Triều có điều kiện để phát huy tiềm năng đất đai cũng như các nguồn lực khác cho sự phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn nói riêng và toàn tỉnh Quảng Ninh nói chung.

Bảng 2.1: Hiện trạng sử dụng đất đai thị xã Đông Triều năm 2019

TT	Chỉ tiêu	Hiện trạng 2019		
		SL (ha)	TL (%)	DT đất BQ/người (m ² /ng)
	Tổng diện tích đất tự nhiên toàn thị xã	39721,55	100,0	-
	Đất đô thị	5.125,56	-	-
1	Đất xây dựng đô thị	1788,866	100,0	240,4
	<i>Đất dân dụng</i>	<i>958,68</i>	<i>53,6</i>	<i>128,8</i>
	<i>Đất ngoài dân dụng</i>	<i>830,186</i>	<i>46,4</i>	<i>111,6</i>
2	Đất khác	3.336,69	-	448,4
	Đất nông thôn	34.595,99	100,0	-
1	Đất xây dựng cơ sở KT. KT tạo thị ở ngoại thị	5.683,70	16,4	-
2	Đất khu dân cư nông thôn	751,5	2,2	-
3	An ninh quốc phòng	421,76	1,2	-
4	Đất nông, lâm nghiệp, thủy sản...	25.208,21	72,9	-
5	Đất chưa sử dụng	2.530,82	7,3	-

(Nguồn: UBND thị xã Đông Triều, 2019)

2.1.2. Đặc điểm kinh tế - Xã hội

** Về phát triển kinh tế:*

Trong những năm qua, kinh tế của thị xã tăng trưởng với tốc độ cao. Năm 2018, tổng giá trị sản xuất đạt 4.582 tỷ đồng. Trong đó:

- Công nghiệp, xây dựng: 2.909,57 tỷ đồng, chiếm 63,5%;

- Thương mại, dịch vụ: 1.250,89 tỷ đồng, chiếm 27,3%;

- Nông, lâm, ngư nghiệp: 421,54 tỷ đồng, chiếm 9,2%;

- Năm 2018 thu nhập bình quân đầu người đạt 76,585 triệu đồng/người/năm, tăng 7,585 triệu đồng/người/năm so với năm 2017, tương ứng tỷ lệ tăng 11% (năm 2017 thu nhập bình quân là 69,0 triệu đồng/người/năm).

- Tổng thu ngân sách năm 2018 trên địa bàn ước đạt 1.328 tỷ đồng.

- Tổng chi ngân sách năm 2018 đạt: 1.097 tỷ đồng.

Năm 2018, tỷ lệ hộ nghèo của thị xã là 0,71%, giảm 0,54% so với năm 2017.

** Kết quả thực hiện trên từng lĩnh vực cụ thể:*

- Phát triển công nghiệp - xây dựng:

Ngành công nghiệp và xây dựng chiếm 63,5% giá trị sản xuất của thị xã Đông Triều và góp phần rất lớn vào tốc độ tăng trưởng kinh tế gần đây của Thị xã. Động lực của tốc độ tăng trưởng này chính là sự phát triển của các tiểu ngành khai thác than, nhiệt điện và ngành nghề gốm sứ, vật liệu xây dựng.

- Phát triển thương mại - dịch vụ:

Ngành dịch vụ chiếm 27,3% tổng giá trị sản xuất của nền kinh tế và đang phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây với tốc độ tăng trưởng hàng năm là 16%. Tốc độ tăng trưởng của ngành dịch vụ chủ yếu có được từ hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng và vật liệu khai thác mỏ. Thị trường bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiếp tục tăng, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế. Hoạt động quản lý nhà nước về thương mại, xăng dầu, khí đốt đi vào nền nếp; dịch vụ bưu chính viễn thông, giao thông vận tải phát triển ổn định; các tổ chức cơ bản tuân thủ các quy định về kinh doanh các mặt hàng kinh doanh có điều kiện. Công tác giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực

thương mại được thực hiện nghiêm túc, tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân và người dân đến giao dịch tại trung tâm hành chính công thị xã.

Hoạt động du lịch có bước tiến quan trọng, đạt hiệu quả thiết thực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của thị xã. Công tác quản lý nhà nước về du lịch được tăng cường, đã công khai đường dây nóng phục vụ khách du lịch. Tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ khách du lịch. Chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch; Năm 2018, đón tiếp khoảng 902.000 lượt khách du lịch (trong đó Khu Di tích nhà Trần đón tiếp khoảng 400.000 lượt khách), tăng 10% so với năm 2017; doanh thu từ du lịch ước đạt 90 tỷ đồng, tăng 14,7% so với cùng kỳ.

- Phát triển nông, lâm - ngư nghiệp:

Mặc dù chỉ đóng góp 9,2% vào tổng giá trị sản xuất, một con số khá thấp so với các ngành khác, ngành nông nghiệp vẫn giữ một vai trò quan trọng trong nền kinh tế thị xã Đông Triều trên khía cạnh tạo công ăn việc làm và giữ tỷ lệ lao động có việc làm ở mức ổn định.

Trong những năm qua được sự quan tâm của Tỉnh Quảng Ninh, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị thị xã, các dự án nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất tập trung đã được triển khai, đã mang lại những hiệu quả rõ rệt về kinh tế - xã hội.

Cùng với đó áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, lựa chọn giống, vật tư nông nghiệp đảm bảo chất lượng thì việc xuống giống đúng khung thời vụ do ngành Nông nghiệp đưa ra nhằm hạn chế tác động bất lợi của thời tiết là một trong những yếu tố quan trọng để diện tích lúa của thị xã tiếp tục đạt sản lượng cao. Bên cạnh đó trên địa bàn còn trồng một số loại cây khác như: quýt, cam, cà chua, na,...

Chăn nuôi phát triển ổn định, không phát sinh các dịch bệnh nguy hiểm. Chỉ đạo và triển khai thực hiện tốt các biện pháp tiêm phòng, tiêu độc khử trùng, phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm.

Trong những năm qua, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, song kinh tế của thị xã Đông Triều về cơ bản vẫn tiếp tục phát triển và ổn định. Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 14,5 %

Văn hóa - xã hội có bước phát triển tiến bộ, gắn kết giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, giải quyết việc làm, đảm bảo an sinh xã hội. Sự nghiệp giáo dục và đào tạo tiếp tục phát triển tốt. Công tác bảo tồn, phát huy giá trị di tích văn hóa, lịch sử được quan tâm. Chương trình xây dựng nông thôn mới, chương trình phát triển đô thị thị xã đạt được nhiều kết quả.

Quốc phòng - an ninh được củng cố và tăng cường; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Là địa phương về đích nông thôn mới thứ 3 toàn quốc. Đông Triều đang phấn đấu trở thành Đô thị loại III vào năm 2020.

2.1.3. Dân số, lao động việc làm

Thị xã Đông Triều có 21 đơn vị hành chính gồm 15 xã và 06 phường, phường Đông Triều là đô thị loại V, phường Mạo Khê là đô thị loại IV.

Bảng 2.2: Số liệu dân số thị xã Đông Triều tính đến ngày 31/12/2018

Xã, phường	Dân số đầu kỳ 1/1/2018				Dân số cuối kỳ 31/12/2018			
	Tổng số	TS: Nữ	Tuổi lao động		Tổng số	TS:Nữ	Tuổi lao động	
			Tổng số	TS:Nữ			Tổng số	TS:Nữ
Toàn thị xã	180,885	89,732	83,081	42,067	182,245	90,322	82,776	42,023
Thành thị	78,388	37,850	38,419	18,918	78,978	38,240	38,455	19,004
Mạo Khê	41,008	19,158	19,843	9,503	41,261	19,322	19,830	9,520
Đông Triều	5,127	2,361	2,536	1,418	5,168	2,392	2,539	1,425
Đức Chính	7,804	4,047	3,704	2,013	7,920	4,114	3,761	2,057
Xuân Sơn	7,182	3,538	3,767	1,729	7,235	3,580	3,761	1,745
Kim Sơn	8,690	4,355	4,311	2,182	8,834	4,438	4,354	2,207

Xã, phường	Dân số đầu kỳ 1/1/2018				Dân số cuối kỳ 31/12/2018			
	Tổng số	TS: Nữ	Tuổi lao động		Tổng số	TS:Nữ	Tuổi lao động	
			Tổng	TS:Nữ			Tổng	TS:Nữ
Hung Đạo	8,577	4,391	4,258	2,073	8,560	4,394	4,210	2,050
<u>Nông thôn</u>	<u>102,497</u>	<u>51,882</u>	<u>44,662</u>	<u>23,149</u>	<u>103,267</u>	<u>52,082</u>	<u>44,321</u>	<u>23,019</u>
An Sinh	7,149	3,736	3,313	1,674	7,198	3,763	3,290	1,663
Tràng Lương	2,795	1,314	1,022	460	2,839	1,337	1,022	463
Bình Khê	10,687	5,439	4,878	2,437	10,753	5,478	4,849	2,428
Việt Dân	4,356	2,217	1,928	1,016	4,374	2,219	1,928	1,013
Tân Việt	3,405	1,748	1,644	871	3,443	1,772	1,649	881
Bình Dương	8,548	4,335	3,746	1,985	8,536	4,290	3,654	1,913
Tràng An	6,570	3,234	2,870	1,540	6,617	3,260	2,844	1,531
Nguyễn Huệ	6,295	3,237	2,656	1,305	6,285	3,238	2,617	1,294
Thủy An	4,215	2,186	1,714	903	4,271	2,244	1,724	914
Hồng Thái Tây	6,608	3,388	2,567	1,257	6,670	3,419	2,551	1,255
Hồng Thái Đông	8,242	4,138	3,238	2,009	8,411	4,222	3,209	1,984
Hoàng Quế	8,504	4,241	3,583	1,870	8,575	4,235	3,523	1,864
Yên Thọ	11,023	5,506	5,178	2,544	11,126	5,566	5,182	2,556
Hồng Phong	8,538	4,226	3,978	2,135	8,560	4,239	3,957	2,134
Yên Đức	5,562	2,937	2,347	1,143	5,609	2,800	2,322	1,126

(Nguồn: Chi cục Thống kê thị xã Đông Triều)

- Dân số thị xã Đông Triều đến 31/12/2018 là: 182.245 người; trong đó thành thị là: 78.978 người chiếm (43,33%), nông thôn là: 103.267 người chiếm (56,67%). Tổng số người trong độ tuổi lao động là: 82.776 người.

* Tình hình LĐNT thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh:

Bảng 2.3: Số lượng lao động qua đào tạo từ năm 2016 đến 2018

	2016	2017	2018
I. TỔNG SỐ TRONG ĐỘ TUỔI LAO ĐỘNG	85849	83081	82776
1. Chưa qua đào tạo	26.614	22651	20694
2. Qua đào tạo	59.235	60430	62082
- Sơ cấp + CNKTKB	22.663	23100	23980
- Trung cấp	15.367	15720	15900
- Cao đẳng	11.332	11540	11880
- Đại học và trên đại học	9.873	10070	10322
II. CƠ CẤU (%)			
1. Chưa qua đào tạo	32	27.26	25
2. Qua đào tạo	68	72.74	75
- Sơ cấp + CNKTKB	25.4	27.80	28.97
- Trung cấp	17.9	18.92	19.21
- Cao đẳng	13.2	13.89	14.35
- Đại học và trên đại học	11.5	12.12	12.47

(Nguồn: Phòng Lao động TB & XH thị xã Đông Triều)

Qua bảng trên ta thấy, tổng số lao động qua đào tạo có xu hướng tăng nhanh từ năm 2016 đến 2018, từ 59235 người (68%) tăng lên đến 62082 người (75%), tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo giảm từ 26614 người, tỷ lệ 32% (năm 2016) giảm còn 20694 người, tỷ lệ 25 % (năm 2019), như vậy cho thấy sự phát triển của kinh tế xã hội có xu hướng phù hợp với xu thế hiện nay. Tuy nhiên số liệu trên cho thấy trình độ học cao đẳng, đại học chưa cao, chỉ chiếm 26,82 % (năm 2018), trình độ chủ yếu học qua sơ cấp và trung cấp, đạt 48,18 % (năm 2019), như vậy cũng gây khó khăn cho sự cung cấp lao động có chuyên môn tay nghề cao của những ngành đòi hỏi kỹ thuật.

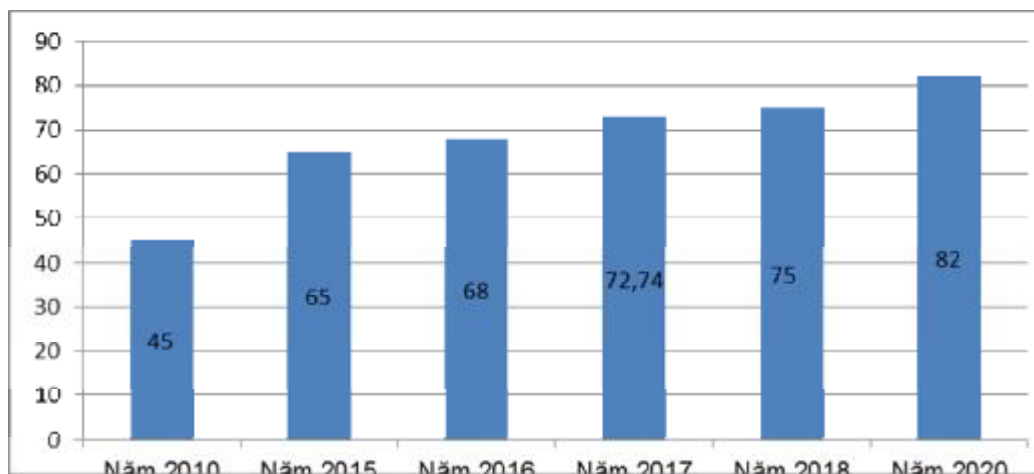
Bảng 2.4: Cơ cấu lao động trong các ngành kinh tế

Hạng mục	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
	Số người	Cơ cấu (%)	Số người	Cơ cấu (%)	Số người	Cơ cấu (%)
Tổng số	85849	100	83081	100	82776	100
- Nông lâm thủy sản	40284	46.92	25893	31.17	20860	25.2
- Công nghiệp xây dựng	24641	28.70	33208	39.97	37650	45.48
- Thương mại dịch vụ	20924	24.37	23980	28.86	24266	29.32

(Nguồn: Phòng Lao động TB & XH thị xã Đông Triều)

Số liệu trên cho thấy, cơ cấu lao động trong các ngành kinh tế phân ra rõ rệt, chủ yếu tập trung vào ngành nông lâm thủy sản (chiếm 46,92% năm 2016), tiếp theo là công nghiệp xây dựng (chiếm 28,70 % năm 2016). Thương mại dịch vụ chiếm tỷ lệ thấp nhất (24,37 % năm 2016).

Xu hướng giảm lao động trong ngành nông lâm thủy sản, giảm từ 46,92 % (năm 2016) còn 25,2 % (năm 2018), do lúc này tập trung vào sản xuất công nghiệp xây dựng, giảm dần phát triển ngành nghề nông lâm thủy sản. Thương mại dịch vụ có xu hướng tăng do phát triển du lịch tâm linh (29,32% năm 2018)

**Biểu đồ 2.1: Tỷ lệ lao động qua đào tạo các năm**

(Nguồn: Phòng Lao động TB & XH thị xã Đông Triều)

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo (trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề) tăng theo từng năm. Năm 2010 là 45%, năm 2015 là 65%, năm 2016 là 68% năm 2017 là 72,74% năm 2018 là 75% và mục tiêu đến năm 2020 là 82%.

2.2. Phân tích thực trạng đào tạo nghề cho Lao động nông thôn thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

2.2.1. Thực trạng việc tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm cho Lao động nông thôn

Thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho LĐNT đến năm 2020”. Hàng năm, Ủy ban nhân dân thị xã đều xây dựng Kế hoạch truyền thông tư vấn học nghề cho LĐNT, giao Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, phòng Kinh tế phối hợp với các trường, Trung tâm dạy nghề, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, các phòng, ban đoàn thể thị xã và Ủy ban nhân dân các xã phường tổ chức truyền thông tư vấn về dạy nghề LĐNT cho các thành viên Ban Chỉ đạo của thị xã và các xã, phường cộng tác viên của các thôn, khu trên địa bàn. Thông qua công tác hoạt động tuyên truyền đã giúp cho người dân hiểu biết rõ về chính sách dạy nghề cho LĐNT, các lớp dạy nghề được nhân rộng, lực lượng LĐNT đã được học tập nghiên cứu, lựa chọn và đăng ký tham dự các lớp dạy nghề phù hợp được tổ chức hằng năm trên địa bàn của xã, phường.

- Về truyền thông tư vấn đào tạo nghề, học nghề cho LĐNT (năm 2010 - 2018). UBND thị xã đã tổ chức 09 hội nghị để triển khai cho 1.626 LĐNT.

- Thông qua công tác tuyên truyền giúp cho LĐNT hiểu rõ ý nghĩa của Đề án, hiểu rõ về chế độ chính sách dạy nghề cho LĐNT theo Quyết định 1956, thông qua tư vấn học nghề người lao động chọn nghề học cho phù hợp để phát huy được hiệu quả, có cơ hội tạo việc làm, tìm việc làm.

Được sự quan tâm của chính quyền địa phương, Trung tâm Truyền thông và Văn hóa thị xã xây dựng nhiều chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về học nghề cho lao động đặc biệt là LĐNT; làm nhiều phóng sự để

tuyên truyền rộng rãi các mô hình dạy nghề có hiệu quả, những cá nhân, tập thể điển hình trong việc học nghề có việc làm và vươn lên thoát nghèo.

Chính quyền địa phương tổ chức gặp gỡ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất để trao đổi nhu cầu tuyển dụng lao động; xây dựng kế hoạch tuyên truyền về đào tạo nghề cho LĐNT giai đoạn 2010 - 2020 của địa phương; sử dụng cán bộ điều tra, khảo sát và dự báo nhu cầu học nghề cho LĐNT để tuyên truyền về các chính sách của Đảng và nhà nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được công tác tuyên truyền chưa thường xuyên, sâu rộng. Công tác tư vấn học nghề, việc làm cho LĐNT còn mang tính hình thức; chưa cung cấp kịp thời cho LĐNT những thông tin cần thiết: như thông tin về các nghề mà doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng, mức lương tối thiểu doanh nghiệp trả, thông tin về quy hoạch nông thôn mới, quy hoạch sản xuất...

Trong thời gian tới, Đông Triều sẽ tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền và tư vấn nghề nghiệp cho LĐNT; đẩy mạnh đào tạo nghề cho LĐNT gắn kết cụ thể với tiêu chí của chương trình xây dựng nông thôn mới, chương trình tái cơ cấu ngành; nâng cao chất lượng dạy nghề, thắt chặt công tác tuyển sinh nhằm xác định đúng đối tượng có nhu cầu học nghề, có điều kiện để phát triển nghề sau khi học...

2.2.2. Thực trạng xác định nhu cầu đào tạo nghề

2.2.2.1. Xác định nhu cầu học nghề của người lao động

Năm 2010, thực hiện kế hoạch số 1245/KH-UBND ngày 19/5/2010 của UBND thị xã về việc điều tra, khảo sát và dự báo nhu cầu học nghề của LĐNT và nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn thị xã đến năm 2020. Theo đó, các địa phương đã tiến hành điều tra 23.594 hộ; Tổng số người được điều tra có nhu cầu và đã đăng ký học nghề là 5.843.

- Tổ chức khảo sát nhu cầu học nghề tại 21/21 xã, phường.
- Hình thức tổ chức điều tra khảo sát 21/21 xã, phường

Hằng năm, Ban chỉ đạo thực hiện Quyết định 1956 thị xã đã hướng dẫn các xã, phường tiến hành rà soát nhu cầu đào tạo nghề của LĐNT, nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp để xây dựng kế hoạch năm tiếp theo. Công tác điều tra khảo sát và dự báo nhu cầu dạy nghề đối với LĐNT trong năm năm qua được thị xã chỉ đạo, triển khai thực hiện cơ bản tốt. Các lớp dạy nghề cơ bản đáp ứng được nguyện vọng học nghề của LĐNT cũng như định hướng phát triển kinh tế xã hội ở địa phương và nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp.

Bảng 2.5: Nhu cầu đào tạo nghề của người lao động thị xã Đông Triều

STT	Nội dung	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
	Tổng số LĐNT được điều tra	125	
1	<i>Nhu cầu về ngành nghề cần học</i>	125	100
	Nông nghiệp	15	12
	Công nghiệp	30	24
	Tiểu thủ công nghiệp	40	32
	Thương mại, dịch vụ	35	28
	Ngành nghề khác	5	4
2	<i>Mục đích học nghề</i>	125	100
	Nâng cao kiến thức để phục vụ cho công việc hiện tại	35	28
	Có cơ hội tìm được việc làm tốt hơn	70	56
	Có chứng chỉ nghề để mở rộng sản xuất, kinh doanh	15	12
	Khác	5	4

(Nguồn kết quả điều tra bằng bảng hỏi của tác giả)

Từ số liệu điều tra bằng bảng hỏi trên đây cho thấy người lao động được điều tra trong độ tuổi, có đủ sức khỏe có mong muốn học nghề, với các lý do: Nâng cao kiến thức để phục vụ cho công việc hiện tại: 28%; Có cơ hội

tìm được việc làm tốt hơn: 56 %; Có chứng chỉ nghề để mở rộng sản xuất, kinh doanh: 12 % và lý do khác chiếm 4 %. Như vậy đa số người lao động luôn mong muốn được đào tạo nghề để tìm kiếm được việc làm ổn định và có thu nhập tốt hơn công việc hiện tại.

Về nhu cầu ngành nghề cần học: Nhóm nghề nông nghiệp chiếm 12 %; nhóm nghề công nghiệp có 24%; nhóm nghề Tiểu thủ công nghiệp 32 %; nhóm nghề Thương mại, dịch vụ 28 % và nhóm ngành nghề khác đều 4 %. Trong 125 người có nhu cầu học nghề, thì số người có nhu cầu về nhóm nghề tiểu thủ công nghiệp là cao nhất, tiếp sau đó là nhóm nghề thương mại dịch vụ, thấp nhất là nhóm nghề nông nghiệp, do những ngành nghề tiểu thủ công nghiệp dễ tìm việc làm với mức thu nhập ổn định, nhóm nghề công nghiệp cần đòi hỏi kỹ thuật cao do vậy nhu cầu ít hơn. Số liệu trên cho thấy sự phù hợp đối với sự phát triển kinh tế xã hội địa phương và định hướng phát triển đào tạo nghề của thị xã.

2.2.2.2. Xác định nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề của doanh nghiệp, các ngành kinh tế và thị trường lao động

Căn cứ kết quả khảo sát nhu cầu học nghề của LĐNT, nhu cầu lao động trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn và định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp giai đoạn 2010-2015 là 13.285 người, giai đoạn 2016-2018 là 3.388 người.

Bảng 2.6: Nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp năm 2018

STT	Ngành nghề tuyển dụng	Số lượng (người)	Trình độ chuyên môn			
			ĐH	CD	TC	SC
I	Lĩnh vực Công nghiệp	120				
1	Khai khoáng	120			15	110
II	Lĩnh vực Tiểu thủ công nghiệp	660				
1	Thủ công mỹ nghệ	405				405

STT	Ngành nghề tuyển dụng	Số lượng (người)	Trình độ chuyên môn			
			ĐH	CĐ	TC	SC
2	Sửa chữa điện công nghiệp	145				145
3	Đan lưới	40				40
4	Sản xuất gốm xây dựng	70				70
III	Lĩnh vực Dịch vụ	630				
1	Chế biến món ăn và phục vụ	30			5	25
2	May mặc, móc sợi, giày da	540				540
3	Kinh doanh	60				60
Tổng cộng:		1410			17	1390

(Nguồn: Phòng Lao động TB & XH thị xã Đông Triều)

Bảng 2.7: Nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp năm 2019

STT	Ngành nghề tuyển dụng	Số lượng (người)	Trình độ chuyên môn			
			ĐH	CĐ	TC	SC
I	Lĩnh vực Công nghiệp	115				
1	Sản xuất Gạch, ngói, xây dựng	115	10	12	5	88
II	Lĩnh vực Dịch vụ	234				
1	May mặc, móc sợi, giày da, bao bì	386	15	21	12	338
Tổng cộng:		501	25	33	17	436

(Nguồn: Phòng Lao động TB & XH thị xã Đông Triều)

Xác định được nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề của doanh nghiệp là khâu quan trọng để đạt hiệu quả cao trong công tác đào tạo nghề cho LĐNT, đảm bảo được lao động được đào tạo nghề có việc làm ổn định.

2.2.3. Thực trạng lập kế hoạch đào tạo nghề

2.2.3.1. Mục tiêu đào tạo nghề

- Mục tiêu chung

Nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề, tạo điều kiện cho LĐNT được tham gia học nghề với sự hỗ trợ của Nhà nước nhằm tạo nguồn lực có trình độ tay nghề, đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển kinh tế- Xã hội của địa phương, góp phần thực hiện có hiệu quả tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

- Mục tiêu cụ thể

- Mục tiêu chương trình đề ra coi công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược phát triển kinh tế- xã hội của địa phương, trong đó xác định giai đoạn 2010-2015 là 2.425 và giai đoạn 2016-2020 là 1.312 đào tạo nghề cho LĐNT.

- Đào tạo nghề cho LĐNT mỗi ở trình độ sơ cấp nghề, phục vụ nhu cầu tuyển dụng lao động tại các cơ sở kinh doanh, doanh nghiệp trên địa bàn thị xã hoặc tự tạo việc làm để phát triển kinh tế hộ gia đình;

- Đảm bảo tỷ lệ lao động phát huy được hiệu quả sau đào tạo đạt tối thiểu từ 80 % trở lên;

- Có ít nhất 40 % trở lên lao động là nữ được hỗ trợ học nghề trên tổng số người được hỗ trợ học nghề;

- Đối với các lớp đào tạo nghề nông nghiệp, đào tạo với tỷ lệ khoảng: 50% cho lao động ở các doanh nghiệp nông nghiệp; 20 % cho thành viên hợp tác xã; lao động thực hiện các dự án tái cơ cấu ngành nông nghiệp và 30 % cho an sinh xã hội.

2.2.3.2. Xác định ngành nghề đào tạo cho Lao động nông thôn

Trong những năm gần đây, cơ cấu kinh tế của thị xã phát triển mạnh theo hướng công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ du lịch, giảm dần tỷ lệ sản xuất nông nghiệp. Trên địa bàn thị xã có nhiều cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp: Bao gồm 11 doanh nghiệp nhà nước, 510 doanh nghiệp dân doanh, 01 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên đã góp phần tích cực vào việc đào tạo và bố trí việc làm ổn định, nâng cao đời sống cho hàng ngàn người dân trên địa bàn thị xã.

Do vậy để đạt kết quả cao trong hoạt động dạy nghề, Đông Triều chú trọng việc xác định ngành nghề đào tạo cho LĐNT.

Hàng năm Ủy ban nhân dân thị xã chỉ đạo các phòng ban chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức điều tra, khảo sát, rà soát nhu cầu học nghề của người lao động và nhu cầu sử dụng lao động của các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn để xây dựng kế hoạch đào tạo nghề, đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Sau khi tổng hợp kết quả rà soát, Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội xác định danh mục nghề đào tạo của nghề phi nông nghiệp; Phòng Kinh tế xác định danh mục nghề đào tạo của nghề nông nghiệp.

Thực hiện Quyết định số 1139/2017/QĐ-UBND ngày 17/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Ấn định danh mục trên gồm: 20 nghề phi nông nghiệp, 24 nghề nông nghiệp và nhóm các nghề khác.

Trên địa bàn thị xã Đông Triều chú trọng đào tạo những ngành nghề chủ yếu sau: Chế biến món ăn-phục vụ; nề hoàn thiện; sản xuất gốm xây dựng; Lái xe ô tô; đan lưới; chăn nuôi gia súc, gia cầm; trồng rau an toàn; trồng và chăm sóc cây ăn quả; trồng hoa thời vụ; kỹ thuật nuôi cá nước ngọt thương phẩm.

2.2.3.3. Lựa chọn phương thức đào tạo nghề cho Lao động nông thôn

Dạy nghề nói chung và dạy nghề cho LĐNT nói riêng cần có các hình thức dạy nghề phù hợp với các đối tượng, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Phương thức đào tạo hiện nay là tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp cho LĐNT theo đúng chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, danh sách giáo viên tham gia giảng dạy đã được phê duyệt, cấp chứng chỉ sơ cấp đối với người học theo đúng quy định. Đào tạo tập trung theo lớp học đến hết chương trình.

Hình thức đào tạo: Vận dụng linh hoạt giữa đào tạo chính quy và đào tạo thường xuyên, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho LĐNT tham gia đầy đủ các giờ giảng để phát huy đạt hiệu quả cao.

Địa điểm tổ chức: Tổ chức tại cơ sở đào tạo hoặc tại địa phương. Lựa chọn địa điểm tổ chức đào tạo phải phù hợp với điều kiện cụ thể của từng lớp và đáp ứng các yêu cầu về cơ sở vật chất để bố trí trang thiết bị thực hành cho các lớp đào tạo theo quy định.

Đối với các lớp đào tạo nghề nông nghiệp: đào tạo gắn với mùa vụ, chu kỳ sinh trưởng của cây trồng, vật nuôi và gắn với sản xuất sản phẩm Chương trình “ Mỗi xã phường một sản phẩm tỉnh Quảng Ninh”.

Căn cứ vào kế hoạch cụ thể từng năm học, lãnh đạo các cơ sở ĐTN chỉ đạo các phòng liên quan thực hiện các hoạt động dạy và học, đồng thời từng năm có báo cáo rà soát đánh giá mức độ phù hợp giữa hoạt động dạy nghề với mục tiêu, nội dung chương trình đã được phê duyệt.

Việc đổi mới và đa dạng hóa các phương pháp dạy học được các cơ sở ĐTN trên địa bàn xác định là nội dung trọng tâm bằng cách tiến hành cử giáo viên đi học, tập huấn về phương pháp dạy học mới, lớp quản lý hoạt động dạy nghề từ nguồn dự án của Tổng cục dạy nghề. Sau đó các Bộ môn tổ chức, ứng dụng các phương pháp dạy học tích cực trong quá trình lên lớp, biên soạn các giáo án giáo trình, thiết bị dạy nghề tự làm, sử dụng giáo án điện tử, kết hợp các chương trình học liệu phong phú để phục vụ công tác giảng dạy.

Trong đề cương chi tiết của mỗi môn học, mô đun và trong quy chế qui định thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp của các cơ sở ĐTN đều thể hiện rất rõ nét việc đánh giá quá trình; cụ thể trong quá trình học của người học nếu không được đánh giá định kỳ thì không đủ điều kiện kiểm tra kết thúc môn học, mô đun.

Hiện tại các cơ sở đào tạo đang áp dụng các phương pháp giảng dạy cho LĐNT như: phương pháp thuyết trình, phương pháp nêu vấn đề, phương pháp thảo luận nhóm... Các phương pháp dạy học đó đã giúp học viên chủ động hơn, tự tin hơn, phát triển năng lực tự học góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

2.2.3.4. Lựa chọn đội ngũ giáo viên dạy nghề

Đội ngũ giáo viên: Đảm bảo đủ điều kiện dạy nghề, được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh chấp thuận đủ điều kiện dạy nghề cho LĐNT.

Về kinh nghiệm công tác và tuổi tác: trên 70% số giảng viên trong các cơ sở ĐTN trong huyện là giảng viên trẻ, có trình độ học vấn tốt, nhanh nhạy với việc cập nhật kiến thức mới. Tuy nhiên do trẻ tuổi nên chưa có nhiều kinh nghiệm công tác, giảng dạy, đặc biệt là kiến thức thực tế.

Về trình độ chuyên môn: theo thống kê, hầu hết giáo viên ĐTN có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nghề giảng dạy, thường xuyên được tham gia các lớp tập huấn nâng cao nghiệp vụ do các đơn vị có chức năng tổ chức. Song, bên cạnh đó về kiến thức thực tiễn và khả năng truyền đạt ở nhiều giáo viên còn thiếu và chưa có kỹ năng nên ảnh hưởng nhiều đến chất lượng ĐTN cho LĐNT trên địa bàn.

Về cán bộ quản lý dạy nghề: Theo Quyết định 1956/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định bổ sung 1 cán bộ biên chế chuyên trách theo dõi về công tác dạy nghề cho Phòng Lao động – TBXH thị xã; Đối với cấp xã chỉ có một công chức thực hiện vụ của ngành Lao động – TBXH ở địa phương, nhưng phải đảm nhiệm quá nhiều công việc.

Đội ngũ cán bộ quản lý dạy nghề cấp xã vừa thiếu về số lượng và hạn chế về chuyên môn quản lý, không phải là cán bộ quản lý chuyên trách, đội ngũ này phải phụ trách nhiều lĩnh vực của ngành nên việc tập trung cho công tác quản lý nhà nước về dạy nghề còn hạn chế. Mặc dù đã được tham gia một số khóa tập huấn về nghiệp vụ quản lý dạy nghề, tuy nhiên năng lực quản lý vẫn chưa có sự chuyển biến rõ rệt. Do vậy đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc tham mưu cho thị xã xây dựng kế hoạch đào tạo; tổ chức điều tra, dự báo nhu cầu đào tạo và sử dụng lao động qua ĐTN; chỉ đạo, định hướng các cơ sở ĐTN; hướng dẫn các đơn vị ĐTN có sự liên kết với các đơn vị sử dụng lao động qua đào tạo...

Về cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy: Được đầu tư tương đối đầy đủ, phù hợp với các nhu cầu của một số nghề đòi hỏi phải có thiết bị và môi trường đặc biệt như: nghề chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản, nghề lái xe ô tô hạng B2, nghề đan lưới, nghề trồng nấm...

Số cơ sở tham gia đào tạo nghề cho LĐNT. Theo thống kê từ 2010 đến nay có 12 cơ sở dạy nghề tham gia dạy nghề cho LĐNT trên địa bàn thị xã bao gồm: Công ty Mai Hoàng; Trường Cao đẳng Nông nghiệp Đông Bắc; Trung tâm hỗ trợ Phát triển hợp tác xã & Đầu tư; Trung tâm Giới thiệu việc làm tỉnh Quảng Ninh; Trung tâm Khoa học kỹ thuật và sản xuất giống thủy sản Quảng Ninh; Trường Cao đẳng xây dựng; Trường Trung cấp xây dựng và công nghiệp Quảng Ninh; Công ty cổ phần Lạc Việt; Trung tâm Giới thiệu việc làm Liên đoàn lao động tỉnh Quảng Ninh, Công ty TNHH đào tạo nhân lực Hạ Long, Hợp tác xã Thương mại và Dịch vụ Hòa Thành, Trường Cao đẳng Than khoán sản Việt Nam.

Bảng 2.8: Đánh giá về người học của giáo viên dạy nghề

STT	Nội dung	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
01	Tổng số lao động được khảo sát	125		
02	Số người đã tham gia học nghề đánh giá về đội ngũ giáo viên ĐTN	125		
	a) Về thái độ giảng dạy		100	
	- Nhiệt tình, trách nhiệm	123	98.4	
	- Chưa nhiệt tình	2	1.6	
	b) Về trình độ chuyên môn		100	
	- Tốt	110	88	
	- Trung bình	15	12	
	- Kém	0	0	
	c) Về khả năng truyền đạt		100	
	- Dễ hiểu	98	78.4	
	- Trung bình	25	20	
	- Khó hiểu	2	1.6	

(Nguồn: Kết quả điều tra bằng bảng hỏi của tác giả)

Qua bảng trên ta thấy, người học đã nhận định, đánh giá hết sức khách quan về đội ngũ giáo viên đã tham gia công tác ĐTN trên địa bàn, người lao động đánh giá về giáo viên có 98.4 % là nhiệt tình, trách nhiệm, tuy nhiên vẫn còn 1.6 % đội ngũ giáo viên chưa nhiệt tình. Trình độ chuyên môn tốt của giáo viên đạt 88%; trung bình đạt 12 %; Khả năng truyền đạt dễ hiểu là 78.4 %, trung bình là 20 %; khó hiểu là 1.6 %. Đội ngũ giáo viên đã tham gia ĐTN đều có tinh thần trách nhiệm cao, tận tụy với công việc, nhiệt tình giải đáp và hướng dẫn học viên để đạt kết quả cao trong học tập. Đa số học viên cho rằng giáo viên tham gia ĐTN đều có trình độ tốt về lý thuyết, có khả năng truyền đạt kiến thức cho các đối tượng học viên. Song bên cạnh đó vẫn còn một bộ phận học viên cho rằng trình độ của giáo viên thực hành còn hạn chế, một số hướng dẫn khó hiểu, chưa có kỹ năng truyền tải kiến thức thực tiễn cho học viên. Như vậy đội ngũ giáo viên cần có sự thay đổi về thái độ và trình độ chuyên môn để giúp NLD thực hiện tốt công việc họ đang học, cũng là để công tác dạy nghề đạt hiệu quả cao hơn.

2.2.3.5. Kinh phí đào tạo nghề

Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện đào tạo nghề cho LĐNT được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn về ĐTN cho LĐNT và đào tạo trình độ sơ cấp:

- Chi hỗ trợ đào tạo nghề
- Chi hỗ trợ tiền ăn cho các đối tượng:

+ Người có công với cách mạng, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, dân tộc thiểu số, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, lao động nữ bị mất việc làm được hỗ trợ tiền ăn 30.000 đồng/người/ngày.

+ Đối tượng khác có hộ khẩu thường trú trên địa bàn được hỗ trợ 15.000 đồng/người/ngày

Hình thức hỗ trợ: hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng khi kết thúc khóa học.

- Hỗ trợ tiền tàu xe đi lại cho đối tượng

+ Người có công với cách mạng, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, dân tộc thiểu số, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, lao động nữ bị mất việc làm được hỗ trợ tiền đi lại với mức 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm học xa nơi cư trú từ 15km trở lên.

Ngoài ra còn chi cho các khoản sau:

- Chi tuyển sinh, khai giảng, bế giảng, cấp chứng chỉ nghề;
- Chi mua, in ấn tài liệu, giáo trình, học liệu học nghề;
- Chi trả thù lao giáo viên, người dạy nghề;
- Hỗ trợ nguyên, nhiên, vật liệu học nghề;
- Chi phí thuê thiết bị dạy nghề chuyên dụng hoặc vận chuyển thiết bị dạy nghề (đối với các lớp dạy nghề lưu động);
- Trích khấu hao tài sản cố định phục vụ lớp học nghề;
- Chi chỉnh sửa, biên soạn lại chương trình, giáo trình;
- Chi cho công tác quản lý lớp học.

Mức chi hỗ trợ cho mỗi loại ngành nghề đào tạo do UBND tỉnh quy định. Vì thế cho nên chi phí thực tế của mỗi lớp ĐTN bằng chi phí đã được xây dựng trong dự toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và việc xây dựng dự toán chi cho mỗi lớp ĐTN dựa trên số kinh phí được phân bổ cho đơn vị ĐTN thực hiện.

Kinh phí chi cho hoạt động đào tạo nghề trên địa bàn thị xã:

- Giai đoạn 2010 – 2015: tổng số kinh phí là 40.954.449.000 đồng, trong đó ngân sách tỉnh hỗ trợ là 37.454.449.000 đồng, ngân sách trích từ nguồn địa phương là 3.500.000.000 đồng
- Giai đoạn 2016-2018: tổng số kinh phí là 4.685.321.000đồng (ngân sách tỉnh).

Bảng 2.9: Tổng hợp kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề thị xã Đông Triều

TT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2010 - 2015	Giai đoạn 2016 - 2018	6 tháng năm 2019	Ước năm 2019	Dự kiến năm 2020
I	Công tác chỉ đạo, điều hành						
1	Tổng số kinh phí đã sử dụng	Tr.đ	40,954,449	4,685,321	586110	930,000	538,850
1.1	Chia theo nguồn kinh phí	Tr.đ					
	<i>Ngân sách tỉnh</i>	Tr.đ	37,454,449	4,685,321	586,110	930,000	538,850
	<i>Ngân sách Địa phương</i>	Tr.đ	3.500				
	<i>Các nguồn khác</i>	Tr.đ					
1.2	<i>Chia theo nội dung hoạt động</i>	Tr.đ					
	<i>Tuyên truyền, tư vấn học nghề</i>	Tr.đ	75	75	0	25	30
	<i>Điều tra, khảo sát, rà soát, cập nhật, xác định nhu cầu học nghề</i>	Tr.đ	238,5	105		30	30
	<i>Phát triển chương trình, giáo trình</i>	Tr.đ					

TT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2010 - 2015	Giai đoạn 2016 - 2018	6 tháng năm 2019	Ước năm 2019	Dự kiến năm 2020
1.2	<i>Phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý</i>	Tr.đ					
	<i>Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo nghề</i>	Tr.đ	31,335	2,025	0	0	0
	<i>Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng</i>	Tr.đ	5,744,369	2.452,645	586,110	930,000	538,850
	<i>Kinh phí thực hiện kiểm tra giám sát</i>	Tr.đ	61,580	27,676	0	0	6

(Nguồn: Phòng Lao động – TB & XH thị xã Đông Triều)

Bảng số liệu trên cho thấy, kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề là rất lớn, tuy nhiên chỉ tập trung chi tuyên truyền, điều tra khảo sát, đầu tư thiết bị, hỗ trợ đào tạo nghề, giám sát, chưa có kinh phí đầu tư cho phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phát triển chương trình vì Trung tâm dạy nghề của thị xã chưa đi vào hoạt động, giáo viên là của Trung tâm dạy nghề, các doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp đã đủ điều kiện giảng dạy và được chấp thuận của Sở Lao động – TB & XH tỉnh.

2.2.4. Thực trạng công tác tuyển sinh học nghề

Căn cứ kế hoạch hỗ trợ LĐNT học nghề đã được UBND thị xã phê duyệt, hàng năm, phòng Lao động – TB & XH và phòng Kinh tế lựa chọn cơ sở đào tạo nghề để tham mưu cho UBND thị xã thực hiện đặt hàng đào tạo.

Cơ sở đào tạo phát hành thông báo tuyển sinh, phối hợp với UBND xã, phường để rà soát lại các đối tượng đã đăng ký học nghề khi khảo sát lập kế hoạch, cơ sở đào tạo có thể tuyển sinh bổ sung các đối tượng ngoài danh sách đã đăng ký nếu không triệu tập đủ số học sinh.

Đối tượng tuyển sinh như sau:

LĐNT trong độ tuổi lao động, có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học. Trong đó ưu tiên đào tạo nghề cho các đối tượng là người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, hộ nghèo, cận nghèo, dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người bị thu hồi đất, lao động nữ mất việc làm, ngư dân.

Công tác tuyển sinh đảm bảo điều kiện sau:

- Đúng đối tượng theo quy định, đúng nguyện vọng người học nghề;
- Mỗi lớp tối đa 35 học viên. Riêng lớp người dân tộc thiểu số ít người, người khuyết tật tối đa không quá 20 học viên/lớp.

Để tổ chức tuyển sinh, cơ sở đào tạo phải có khả năng giải quyết việc làm sau đào tạo (tại doanh nghiệp hoặc người lao động phải có khả năng tự tạo việc làm tại chỗ). Không tổ chức đào tạo khi không dự báo được nơi làm việc, mức thu nhập sau đào tạo của người lao động. Ưu tiên tổ chức các lớp

theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp, các lớp gắn với phát triển kinh tế hộ gia đình, phù hợp với chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phát triển KTXH của địa phương gắn với nhu cầu tuyển dụng của lao động trong doanh nghiệp. Tổng số học viên được tuyển sinh từ khi triển khai Đề án đến nay là 3283 học viên.

2.2.5. Tổ chức thực hiện

UBND thị xã đã ban hành Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 25/5/2010 về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án đào tạo nghề cho LĐNT giai đoạn 2011-2015 và đến năm 2020. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện Quyết định số 1956/QĐ- TTg, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban Chỉ đạo. Hàng năm, UBND thị xã xây dựng kế hoạch chung của toàn thị xã và chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể. UBND các xã, phường căn cứ vào kế hoạch đào tạo nghề của thị xã, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đưa công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm vào Chương trình công tác hàng năm của đơn vị.

Hàng năm, Ban chỉ đạo thực hiện Quyết định 1956 thị xã đã hướng dẫn các xã, phường tiến hành rà soát nhu cầu đào tạo nghề của LĐNT, nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp để xây dựng kế hoạch năm tiếp theo. Công tác điều tra khảo sát và dự báo nhu cầu dạy nghề đối với LĐNT trong năm năm qua được thị xã chỉ đạo, triển khai thực hiện cơ bản tốt. Các lớp dạy nghề cơ bản đáp ứng được nguyện vọng học nghề của LĐNT cũng như định hướng phát triển kinh tế xã hội ở địa phương và nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp.

Phân công việc cụ thể cho các cơ quan, đơn vị như sau:

*** Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Tham mưu UBND thị xã hướng dẫn tổ chức thực hiện cuộc điều tra, khảo sát bao gồm: Xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát, hướng dẫn nghiệp vụ điều tra, chuẩn bị mẫu phiếu điều tra, khảo sát, biểu mẫu báo cáo, tài liệu hướng dẫn để phục vụ cho cuộc điều tra, khảo sát, kiểm tra nghiệp vụ phiếu điều tra, khảo sát và nhập thông tin tổng hợp số liệu báo cáo kết quả thực hiện.

- Phối hợp với phòng Kinh tế hướng dẫn UBND các xã, phường điều tra khảo sát nhu cầu học nghề cho LĐNT, kiểm tra phiếu và tổng hợp số liệu báo cáo kết quả thực hiện. Tham mưu UBND thị xã báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trình UBND Tỉnh phê duyệt theo đúng thời gian quy định.

- Chủ trì thẩm định hồ sơ mở lớp nghề phi nông nghiệp, lập tờ trình gửi UBND thị xã để UBND thị xã ký hợp đồng đặt hàng đào tạo. Thẩm định nghiệm thu lớp học nghề phi nông nghiệp. Tham mưu cho UBND thị xã làm thủ tục thanh lý hợp đồng đặt hàng đào tạo đối với các lớp nghề phi nông nghiệp và thực hiện quyết toán theo quy định tài chính hiện hành.

- Tổ chức nghiệm thu; tham mưu UBND thị xã quyết toán kinh phí các lớp đào tạo nghề phi nông nghiệp theo quy định.

- Tham mưu UBND thị xã xây dựng Kế hoạch tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm.

- Tham mưu UBND thị xã phân khai kinh phí kiểm tra, giám sát theo phân khai của Tỉnh; trực tiếp kiểm tra, giám sát các lớp học nghề phi nông nghiệp đảm bảo thời gian đào tạo, số lượng, chất lượng và quyết toán theo quy định.

- Báo cáo kết quả triển khai thực hiện kế hoạch và đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong công tác dạy nghề cho LĐNT trên địa bàn thị xã trình Ủy ban nhân dân thị xã xem xét quyết định.

*** Phòng Kinh tế**

- Phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn UBND các xã, phường rà soát nhu cầu học nghề của người lao động đã đăng ký học nghề LĐNT năm và hướng dẫn UBND các xã, phường điều tra khảo sát nhu cầu học nghề cho LĐNT; tham mưu UBND thị xã báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình UBND Tỉnh phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban liên quan khảo sát, xác định nhu cầu sử dụng lao động trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ hàng năm và kế hoạch giai đoạn 2018-2020 và những năm tiếp theo.

- Trên cơ sở kết quả khảo sát của UBND các xã, phường xây dựng kế hoạch dạy nghề nông nghiệp, tổng hợp nhu cầu lao động trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ của các doanh nghiệp gửi phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

- Xây dựng kế hoạch, dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện dạy nghề nông nghiệp trên địa bàn thị xã gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thị xã; Tham mưu cho UBND thị xã trong tổ chức giao nhiệm vụ cho các cơ sở đào tạo trực thuộc, đặt hàng đào tạo đối với các cơ sở đào tạo khác về đào tạo nghề nông nghiệp.

- Chủ trì thẩm định hồ sơ mở lớp nghề nông nghiệp, lập tờ trình gửi UBND thị xã để UBND thị xã ký hợp đồng đặt hàng đào tạo (đối với những hồ sơ mở lớp do cơ sở khác lập). Thẩm định nghiệm thu lớp học nghề nông nghiệp. Tham mưu cho UBND thị xã làm thủ tục thanh lý hợp đồng đặt hàng đào tạo đối với các lớp nghề nông nghiệp và thực hiện quyết toán theo quy định tài chính hiện hành.

- Tổ chức nghiệm thu, thanh lý; tham mưu UBND thị xã quyết toán kinh phí các lớp đào tạo nghề nông nghiệp theo quy định.

- Phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan có liên quan kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn thị xã. Trực tiếp thực hiện và chịu trách nhiệm về việc kiểm tra, giám sát việc tổ chức dạy nghề nông nghiệp và thanh quyết toán theo quy định.

- Cung cấp thông tin về định hướng, các quy hoạch sản xuất, quy hoạch xây dựng nông thôn mới của thị xã và hướng dẫn các xã xác định danh mục nghề đào tạo, nhu cầu học nghề nông nghiệp của LĐNT trên địa bàn thị xã;

- Chủ trì xác định danh mục nghề đào tạo và nhu cầu học nghề nông nghiệp của LĐNT trên địa bàn thị xã, gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thị xã;

- Báo cáo kết quả triển khai thực hiện kế hoạch, đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong công tác dạy nghề nông nghiệp cho LĐNT trên địa bàn thị xã, gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thị xã xét quyết định.

*** Phòng Tài chính - Kế hoạch**

- Theo dõi nguồn kinh phí của Tỉnh cấp, phân khai kinh phí cho các cơ quan chuyên môn được phân công thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch.

- Phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thị xã thẩm định hồ sơ mở các lớp đào tạo nghề phi nông nghiệp, Phối hợp với Phòng Kinh tế thị xã thẩm định hồ sơ mở các lớp đào tạo nghề nông nghiệp.

- Tham mưu cho UBND thị xã thanh quyết toán các lớp học theo quy định tài chính hiện hành.

- Phối hợp với cơ quan chức năng liên quan thẩm định, kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện các lớp đào tạo nghề cho LĐNT trên địa bàn.

*** Phòng Văn hóa – Thông tin và Trung tâm Truyền thông- Văn hóa**

- Phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, phòng Kinh tế tổ chức thực hiện chuyên mục tuyên truyền về đào tạo nghề cho LĐNT trên các phương tiện thông tin thị xã; cung cấp thông tin về các cơ sở dạy nghề có đủ điều kiện, các nghề đào tạo, các mô hình dạy nghề gắn với việc làm có hiệu quả LĐNT biết và lựa chọn.

- Chỉ đạo Đài truyền thanh các xã, phường thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về các chính sách và tình hình thực hiện các hoạt động của Đề án.

- Định kỳ 6 tháng, cả năm báo cáo tình hình thực hiện trách nhiệm theo các nội dung trên và đề xuất, khen thưởng các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong thực hiện Đề án gửi phòng Lao động, Thương binh và Xã hội tổng hợp, trình UBND thị xã quyết định.

*** Ủy ban nhân dân các xã, phường**

- Phổ biến tuyên truyền các chính sách, quy định về dạy nghề cho LĐNT; cung cấp các thông tin về quy hoạch phát triển - xã hội của địa phương, các thông tin về nghề đào tạo, điều kiện của nghề học, địa chỉ nơi làm việc sau khi học; cơ sở đủ điều kiện tham gia dạy nghề cho LĐNT biết, tuyên truyền, tư vấn cho LĐNT lựa chọn nghề học phù hợp.

- Thống kê số LĐNT có nhu cầu thực tế cần học nghề trên địa bàn, nhu cầu tuyển dụng lao động trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

- Tuyên truyền, tư vấn cho LĐNT lựa chọn nghề học phù hợp; xây dựng kế hoạch dạy nghề cho LĐNT gửi phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, phòng Kinh tế thị xã theo quy định.

- Xác nhận vào đơn xin học nghề của người lao động và chịu trách nhiệm về đối tượng đã xác nhận đảm bảo đúng theo Quy định tại Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án dạy nghề cho LĐNT đến năm 2020 cũng như các điều kiện để làm việc theo nghề đăng ký học.

- Phối hợp với các cơ sở đào tạo nghề được giao mở lớp tuyển sinh lao động đủ điều kiện học nghề khi có người thay đổi bổ sung.

- Tạo điều kiện cho người học nghề tiếp cận với các nguồn vốn tín dụng tại địa phương theo quy định. Giúp người lao động tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoặc giải quyết việc làm sau học nghề.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc dạy nghề cho LĐNT trên địa bàn.

- Mở sổ theo dõi lập danh sách, thống kê số người đã học nghề, số người có việc làm theo từng hình thức, số hộ thoát nghèo, số hộ trở thành hộ khá, số người chuyển sang làm công nghiệp, dịch vụ sau khi học nghề trên địa bàn.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức đoàn thể của xã, phường, thôn, khu tham gia vào việc tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm cho LĐNT và giám sát các lớp dạy nghề trên địa bàn và định kỳ báo cáo theo quy định

*** *Đối với cơ sở dạy nghề tham gia dạy nghề cho LĐNT***

- Khi tiến hành mở lớp, nếu có sự thay đổi về người học, lịch học, thời khóa biểu thì cơ sở dạy nghề phải có văn bản báo các: Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội (*đối với lớp nghề phi nông nghiệp*), Phòng Kinh tế (*đối với lớp nghề nông nghiệp*) trước 7 ngày tính từ khi khai giảng (*người vào học sau phải dạy bù kiến thức bị thiếu do vào học muộn*) và phải được chấp thuận bằng văn bản mới được thay đổi.

- Phối hợp với UBND các xã, phường có lớp tuyển sinh lao động đủ điều kiện, khi có người thay đổi phải bổ sung.

- Tổ chức dạy nghề cho LĐNT theo đúng chương trình đào tạo, kế hoạch dạy nghề đó được phê duyệt. Tổ chức kiểm tra, công nhận tốt nghiệp, cấp chứng chỉ đối với người học nghề theo quy định của chương trình dạy nghề.

- Lập các biểu mẫu sổ sách quản lý dạy và học đối với lớp dạy nghề cho LĐNT đúng hệ thống biểu mẫu theo quy định.

- Cơ sở dạy nghề phải công khai kế hoạch tổ chức lớp học theo hợp đồng đó ký kết để UBND các xã, phường phối hợp giám sát việc thực hiện của cơ sở dạy nghề; thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng đào tạo nghề ký với cơ quan thực hiện được giao nhiệm vụ tổ chức dạy nghề cho LĐNT.

- Sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả. Tổng hợp và lưu giữ hồ sơ, chứng từ thu, chi, thanh quyết toán theo quy định hiện hành, chịu trách nhiệm về tính pháp lý của chứng từ đó.

- Phối hợp với UBND các xã, phường có lớp học theo dõi, thống kê tình trạng việc làm, thu nhập của LĐNT do cơ sở đào tạo sau học nghề. Báo cáo tình hình, kết quả tổ chức dạy nghề cho LĐNT theo quy định.

*** *Trách nhiệm của người Lao động nông thôn tham gia học nghề***

- Tìm hiểu để nắm được chính sách, quy định về dạy nghề cho LĐNT, tên các nghề đào tạo, điều kiện của nghề học, địa chỉ nơi làm việc sau khi học, các cơ sở đủ điều kiện tham gia dạy nghề cho LĐNT trên địa bàn để lựa chọn nghề học, cơ sở dạy nghề phù hợp với điều kiện của bản thân.

- Khai đúng, đầy đủ các thông tin về bản thân, đối tượng, nhu cầu về nghề học đó lựa chọn khi làm đơn đăng ký học nghề có xác nhận của UBND xã, phường.

- Tham gia đầy đủ các buổi học, chấp hành các quy định của lớp học, của cơ sở dạy nghề; cung cấp trung thực, đầy đủ thông tin về tình trạng việc làm, thu nhập sau học nghề cho UBND các xã, phường nơi cư trú để tổng hợp báo cáo theo quy định.

2.2.6. Thực trạng việc đánh giá kết quả đào tạo

Trong những năm qua, các cấp uỷ Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thị xã đã luôn dành sự quan tâm đặc biệt đến công tác đào tạo nghề cho LĐNT. Đa số người lao động được tham gia học nghề đều có môi trường học tập thuận lợi, có ý thức phấn đấu trong học tập để áp dụng vào công việc sau khi được tuyển vào làm việc tại các doanh nghiệp. Công tác tuyên truyền về đào tạo nghề cho LĐNT theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho LĐNT đến năm 2020” được đẩy mạnh. Vì vậy, công tác đào tạo nghề cho LĐNT từng bước nâng cao, về nhận thức cho người dân và tăng cường ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành về lĩnh vực đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động. Kế hoạch đào tạo nghề cho LĐNT của thị xã từ năm 2011 - 2015 bình quân mỗi năm sẽ dạy nghề từ 450 đến 490 lao động. Số lao động được giải quyết việc làm hàng năm bình quân đạt từ 2.500 - 2.700 lao động/năm. UBND thị xã đã chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện tốt các chỉ tiêu về lao động, đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lực lượng lao động trên địa bàn thị xã; thông qua đó đã đáp ứng được cơ bản về nguồn Cung - Cầu lao động cho các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thị xã và trong Tỉnh, góp phần quan trọng cho việc đẩy mạnh và phát triển các lĩnh vực kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội của thị xã.

Công tác tổ chức lớp ở xã, phường cơ bản đúng kế hoạch, đúng đối tượng và nghề học đăng ký phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế của địa phương, gia đình. Thời gian dạy và kế hoạch giảng dạy đảm bảo theo quy

định, việc tổ chức lớp học nghiêm túc và có sự kiểm tra, giám sát thường xuyên. Chất lượng học viên được đào tạo nghề đảm bảo yêu cầu, một số nghề phát huy tốt như nghề chế biến nấu ăn và phục vụ, gồm... Tuy nhiên do đặc thù của vùng nông thôn sản xuất theo mùa vụ nên có một số học viên chưa sắp xếp được thời gian và bố trí công việc gia đình hợp lý để tham gia học tập đầy đủ theo lịch; việc lựa chọn ngành nghề ở một số địa phương còn mang tính phong trào nên hiệu quả sau đào tạo còn hạn chế.

Bảng 2.10: Đánh giá của người học nghề đối với chương trình đào tạo nghề

STT	Nội dung	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng số lao động được phỏng vấn về nội dung đánh giá chương trình, giáo trình ĐTN	125	100
2	Số người đã tham gia học nghề	125	100
3	Đáp ứng được nhu cầu của thị trường LĐ	70	56
4	Phù hợp với nhu cầu và xu thế phát triển	45	36
5	Chưa phù hợp cần bổ sung thêm	10	8

(Nguồn: Kết quả điều tra bằng bảng hỏi của tác giả)

Qua số liệu phỏng vấn từ người lao động đã tham gia học nghề cho thấy, số người đánh giá chương trình, giáo trình của các cơ sở ĐTN cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động, đồng thời phù hợp với nhu cầu của người học và xu thế phát triển của xã hội nói chung và thị trường lao động nói riêng. Điều đó chứng tỏ các chương trình được xây dựng đã phù hợp với mục tiêu đào tạo của từng cơ sở, cũng như gắn bó với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, nhu cầu học tập của người học và thị trường lao động trong thị xã cũng như trong khu vực. Chương trình đã xây dựng dựa trên cơ sở đào tạo theo mô đun. Đồng thời xây dựng cơ chế tổ chức biên soạn, thẩm định và phê duyệt giáo trình. Hàng năm, các chương trình đào tạo được điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, luôn đổi

mới về khoa học công nghệ, trang thiết bị máy móc phù hợp nhu cầu phát triển của xã hội.

Tuy nhiên bên cạnh đó, vẫn còn 8% số người được phỏng vấn đã tham gia học nghề cho rằng chương trình, giáo trình của cơ sở ĐTN chưa phù hợp, chưa bám sát vào nhu cầu thực tế của người học cũng như thị trường lao động. Họ cho rằng chương trình đào tạo chủ yếu dựa trên kế hoạch có sẵn, chưa linh hoạt, chưa gắn đào tạo với việc làm sau ĐTN... Đây là bài toán khó cần được các cơ sở ĐTN và các ngành chức năng tìm lời giải đáp.

2.2.7. Tiêu chí việc làm sau đào tạo nghề

Được sự chỉ đạo của các cấp, không mở lớp đào tạo khi chưa có khả năng tạo việc làm cho lao động, do vậy các học viên khi học xong đều có công ăn việc làm ổn định, có khả năng thực hiện được kỹ năng nghề theo mục tiêu chương trình đã được phê duyệt.

Đối với LĐNT lĩnh vực nông nghiệp thì sau khi học nghề, các học viên gắn với hoạt động sản xuất nông nghiệp hiện có, nhờ có thêm kiến thức và kỹ năng nên hiệu quả sản xuất đã được nâng lên. Tại địa phương có một số công ty trồng rau an toàn, sau khi học viên tốt nghiệp sẽ được vào làm việc tại công ty với mức thu nhập từ 4 – 7 triệu đồng/tháng.

Đối với LĐNT lĩnh vực phi nông nghiệp thì sau khi học nghề, các học viên được các doanh nghiệp tạo việc làm, một số ngành dịch vụ có thể nhận công việc về làm tạo thu nhập.

Kết quả cho thấy, tổng số LĐNT có việc làm sau học nghề từ khi triển khai Đề án là 3547/3547 người.

2.3. Kết quả đào tạo nghề cho Lao động nông thôn trên địa bàn thị xã Đông Triều

Bảng 2.11: Thống kê số liệu về đào tạo nghề cho LĐNT

TT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2010 - 2015	Giai đoạn 2016 - 2018	Năm 2019
I	Công tác chỉ đạo, điều hành				

TT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2010 - 2015	Giai đoạn 2016 - 2018	Năm 2019
1	Số đoàn kiểm tra, giám sát về đào tạo nghề cho LĐNT	Đoàn			
2	Công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề cho LĐNT				
	<i>Số tin, bài tuyên truyền</i>	<i>Tin, bài</i>	<i>105</i>	<i>63</i>	<i>21</i>
	<i>Số người được tuyên truyền, tư vấn học nghề</i>	<i>Người</i>	<i>2900</i>	<i>619</i>	<i>216</i>
3	Tổng số LĐNT được tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp	<i>Người</i>	<i>2420</i>	<i>863</i>	<i>264</i>
	<i>Số LĐNT được tuyển sinh đào tạo dưới 3 tháng</i>	<i>Người</i>	<i>2420</i>	<i>863</i>	<i>264</i>
4	Tổng số LĐNT được hỗ trợ đào tạo sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng theo chính sách quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg	<i>Người</i>	<i>2420</i>	<i>863</i>	<i>264</i>
4.1	Chia theo lĩnh vực	<i>Người</i>			
	<i>Nông nghiệp</i>	<i>Người</i>	<i>905</i>	<i>415</i>	<i>68</i>
	<i>Phi nông nghiệp</i>	<i>Người</i>	<i>1515</i>	<i>448</i>	<i>196</i>
4.2	Chia theo đối tượng	<i>Người</i>			
	<i>Lao động nữ</i>	<i>Người</i>	<i>1695</i>	<i>625</i>	<i>106</i>
	<i>Người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng</i>	<i>Người</i>	<i>10</i>	<i>02</i>	<i>-</i>
	<i>Người dân tộc thiểu số</i>	<i>Người</i>	<i>24</i>	<i>58</i>	<i>27</i>
	<i>Người thuộc hộ nghèo</i>	<i>Người</i>	<i>17</i>	<i>3</i>	<i>-</i>
	<i>Người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất canh tác, đất kinh doanh</i>	<i>Người</i>	<i>86</i>	<i>2</i>	<i>-</i>
	<i>Người khuyết tật</i>	<i>Người</i>	<i>6</i>	<i>1</i>	<i>-</i>
	<i>Người thuộc hộ cận nghèo</i>	<i>Người</i>	<i>36</i>	<i>8</i>	<i>-</i>
	<i>LĐNT khác</i>	<i>Người</i>	<i>2241</i>	<i>789</i>	<i>237</i>
5	Tổng số kinh phí đã sử dụng	Tr.đ	40.954,449	4.685.321	930,000
6	Tổng số LĐNT có việc làm sau học nghề	Người	2420	863	264
6.1	Chia theo lĩnh vực	Người			
	<i>Nông nghiệp</i>	<i>Người</i>	<i>905</i>	<i>415</i>	<i>70</i>
	<i>Phi nông nghiệp</i>	<i>Người</i>	<i>1515</i>	<i>448</i>	<i>194</i>

TT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2010 - 2015	Giai đoạn 2016 - 2018	Năm 2019
6.2	<i>Chia theo loại hình công việc</i>	Người			
	<i>LDNT được doanh nghiệp tuyển dụng vào làm việc theo hợp đồng lao động</i>	Người	866	112	94
	<i>LDNT được doanh nghiệp nhận ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm</i>	Người	340	103	
	<i>LDNT tiếp tục làm nghề cũ nhưng nâng suất lao động, thu nhập tăng lên</i>	Người	1127	648	70
	<i>LDNT thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ/nhóm sản xuất</i>	Người	87	0	0
7	Số hộ gia đình có người tham gia học nghề được thoát nghèo	Người	17	0	0
8	Số hộ gia đình có người tham gia học nghề trở thành hộ có thu nhập khá	Người	483	0	0

(Nguồn: Phòng Lao động – TB & XH thị xã Đông Triều)

Những kết quả trên đây đã chứng tỏ Đề án 1956 đã phát huy tác dụng đối với công tác ĐTN trên địa bàn toàn thị xã, cụ thể như sau:

** Hoạt động tuyên truyền về dạy nghề*

Hàng năm, các hoạt động tuyên truyền về các chủ trương, chính sách của Đảng, của Nhà nước về công tác dạy nghề cho LDNT được triển khai thường xuyên. Qua 10 năm các hoạt động tuyên truyền được triển khai rộng rãi, hình thức đa dạng như trên đài truyền thanh các xã, phường, bài báo, trên các kênh mạng xã hội, các Nghị quyết, Chương trình hành động của cấp ủy, chính quyền các cấp; Thông qua các hội nghị truyền thông hàng năm do các ngành chức năng của thị xã tổ chức. Qua đó làm chuyển biến nhận thức của người lao động về việc học nghề, tạo cho người lao động nhận thấy tác dụng của công tác học nghề trong giai đoạn mới. Số người được tư vấn, tuyên truyền đạt trên 3.500 người. Qua số liệu trên ta thấy được sự quan tâm của chính quyền các cấp đến hoạt động đào tạo nghề.

Nội dung tuyên truyền: tầm quan trọng của phát triển dạy nghề, của việc học nghề đối với công cuộc CNH – HĐH nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới; các chính sách, chế độ đối với người lao động tham gia học nghề và sau học nghề; trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp, của doanh nghiệp và của toàn xã hội đối với việc phát triển dạy nghề.

** Hoạt động điều tra khảo sát, lập kế hoạch dạy nghề hàng năm*

Hàng năm, ngoài chương trình điều tra khảo sát nhu cầu học nghề của LĐNT theo chỉ đạo của BCD tỉnh, BCD thị xã cũng đã xây dựng kế hoạch tổng hợp nhu cầu học nghề của người lao động trên địa bàn thông qua số liệu đăng ký học nghề của các xã, phường được thực hiện khảo sát ngay đầu năm; từ cơ sở số liệu đó BCD của thị xã báo cáo về BCD tỉnh, UBND thị xã và hỗ trợ các đơn vị tham gia dạy nghề có thông tin và xây dựng kế hoạch đào tạo cho phù hợp, đúng nghề mà người lao động cần.

Từ năm 2010 đến nay, kinh phí dành cho khảo sát nhu cầu học nghề là 343.500.000 đồng đã giúp cho việc điều tra nhu cầu thực tế về học nghề đã được triển khai thực hiện khá hiệu quả. Thông qua đó đã cung cấp số liệu để thị xã và các cơ sở ĐTN xây dựng được kế hoạch ĐTN hàng năm.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo từ tỉnh, thị xã đến cơ sở được thực hiện thường xuyên; Công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ tham gia công tác quản lý nhà nước về dạy nghề cấp huyện, cấp xã đã được sở Lao động – TB&XH tỉnh quan tâm, hàng năm đều tổ chức các lớp tập cho cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về dạy nghề.

Công tác giám sát, kiểm tra việc dạy nghề đối với các cơ sở tham gia dạy nghề cho LĐNT trên địa bàn thị xã luôn được quan tâm thực hiện với 97 cuộc như: theo dõi kiểm tra khai giảng lớp học, kiểm tra lịch học và kiểm tra đột xuất trong quá trình dạy nghề, theo dõi việc tổ chức thi và cấp chứng chỉ nghề đối với học viên.

Tuy nhiên, công tác kiểm tra, giám sát còn nhiều hạn chế; số lượng và thời gian tập huấn về nghiệp vụ quản lý nhà nước đối với công tác dạy nghề còn quá ít so với nhu cầu, mới chỉ dừng lại ở mức tập huấn thời gian ngắn, cán bộ làm công tác quản lý chủ yếu phải tự tham khảo tài liệu qua nhiều kênh thông tin. Người làm công tác quản lý nhà nước về dạy nghề cho cán bộ cấp xã là kiêm nhiệm do phải đảm nhiệm nhiều công việc chuyên môn khác nên ít có thời gian cho công tác quản lý nhà nước về dạy nghề.

Từ khi triển khai Đề án cho đến nay, thị xã Đông Triều đã đào tạo nghề cho LĐNT giai đoạn 2010 - 2019 là 3547 lao động, trong đó: Đào tạo nghề ngành phi nông nghiệp là 66 lớp, 2185 đối tượng; Đào tạo nghề ngành nông nghiệp là 40 lớp, 1362 đối tượng, thể hiện ở bảng số liệu sau:

2.4. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn thị xã Đông Triều

2.4.1. Ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội ở địa phương

Thị xã Đông Triều có 21 đơn vị hành chính trực thuộc gồm 6 phường và 15 xã. Đông Triều là cửa ngõ phía tây của tỉnh Quảng Ninh, có Quốc lộ 18A chạy qua đã mang lại những lợi thế quan trọng trong việc giao lưu kinh tế với các khu vực trong và ngoài tỉnh thông qua hệ thống giao thông đường bộ và đường thủy, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Đông Triều vừa có đồi núi, vừa có đồng bằng ven sông, phía bắc và tây bắc là vùng đồi núi thuộc cánh cung Đông Triều, phía nam là vùng đồng bằng ven sông; Khí hậu mang đậm nét của khu vực trung du - miền núi với địa hình chủ yếu là đồi, gò thấp, nền nhiệt trung bình là 230C, độ ẩm không khí trung bình đạt 82%, lượng mưa trung bình đạt 2.168mm/năm. Với vị trí của mình Đông Triều có điều kiện để phát huy tiềm năng đất đai cũng như các nguồn lực khác cho sự phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn.

Ngành công nghiệp và xây dựng chiếm 63,5% giá trị sản xuất của thị xã Đông Triều và góp phần rất lớn vào tốc độ tăng trưởng kinh tế gần đây của Thị xã. Động lực của tốc độ tăng trưởng này chính là sự phát triển của các tiểu ngành khai thác than, nhiệt điện và ngành nghề gốm sứ, vật liệu xây dựng.

Ngành dịch vụ chiếm 27,3% tổng giá trị sản xuất của nền kinh tế và đang phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây với tốc độ tăng trưởng hàng năm là 16%. Tốc độ tăng trưởng của ngành dịch vụ chủ yếu có được từ hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng và vật liệu khai thác mỏ. Công tác giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại được thực hiện nghiêm túc, tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân và người dân đến giao dịch tại trung tâm hành chính công thị xã.

Hoạt động du lịch có bước tiến quan trọng, đạt hiệu quả thiết thực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của thị xã. Thị xã chú trọng phát triển du lịch ngành tâm linh và du lịch làng quê, vì vậy LĐNT có nhu cầu đào tạo nghề tăng và nâng cao chất lượng lao động tại địa phương.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, được sự quan tâm của cả hệ thống chính trị thị xã, các dự án nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất tập trung đã được triển khai, đã mang lại những hiệu quả rõ rệt về kinh tế - xã hội.

Điều kiện tự nhiên thuận lợi, cùng sự quan tâm của các cấp và sự phát triển của CNH-HĐH đã thu hút các nhà đầu tư, tạo điều kiện cho kinh tế xã hội địa phương phát triển, ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường lao động, đặc biệt là công tác đào tạo nghề cho LĐNT.

2.4.2. Ảnh hưởng của mạng lưới cơ sở dạy nghề (cơ sở vật chất đào tạo nghề)

Một trong những điều kiện quan trọng trong việc phát triển đào tạo nghề và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT là cơ sở vật chất. Cơ sở vật chất, trang thiết bị tốt sẽ cho phép mở rộng ngành nghề, hình thức đào tạo, nâng cao chất lượng và thu hút người học.

Tại thị xã Đông Triều, từ khi triển khai Đề án có 12 cơ sở dạy nghề tham gia dạy nghề cho LĐNT trên địa bàn thị xã bao gồm: Công ty Mai Hoàng; Trường Cao đẳng Nông nghiệp Đông Bắc; Trung tâm hỗ trợ Phát triển hợp tác xã & Đầu tư; Trung tâm Giới thiệu việc làm tỉnh Quảng Ninh; Trung tâm Khoa học kỹ thuật và sản xuất giống thủy sản Quảng Ninh; Trường Cao đẳng xây dựng; Trường Trung cấp xây dựng và công nghiệp Quảng Ninh; Công ty cổ phần Lạc Việt; Trung tâm Giới thiệu việc làm Liên đoàn lao động tỉnh Quảng Ninh, Công ty TNHH đào tạo nhân lực Hạ Long, Hợp tác xã Thương mại và Dịch vụ Hòa Thành, Trường Cao đẳng Than khoán sản Việt Nam.

Hoạt động của các lớp học chủ yếu diễn ra tại các cơ sở của xã, phường và các doanh nghiệp.

Việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đã giúp các cơ sở dạy nghề mở rộng được quy mô và nâng cao được chất lượng ĐTN cho người lao động; người lao động có điều kiện để nâng cao kỹ năng thực hành hành nghề; chất lượng lao động đã dần đáp ứng được yêu cầu sản xuất thực tiễn của các DN và cơ sở sản xuất kinh doanh.

Từ năm 2011 kinh phí được hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề từ nguồn vốn của Đề án 1956/QĐ-TTg, Trung tâm dạy nghề của thị xã đã được đầu tư xây dựng mới cơ sở vật chất và trang thiết bị đồng bộ với tổng số tiền là 36.860 triệu đồng. Tuy nhiên cho đến thời điểm hiện tại, Trung tâm dạy nghề sát nhập với Trung tâm Giáo dục thường xuyên thị xã thành Trung tâm Nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên của thị xã, chưa áp dụng dạy nghề cho LĐNT tại trung tâm, vì vậy cơ sở vật chất của các lớp học ĐTN cho LĐNT chưa được đồng bộ nên cũng ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT.

Nhìn chung các cơ sở dạy nghề cơ bản đảm bảo được chất lượng, tuy nhiên trong quá trình thực hiện hồ sơ sổ sách giáo án, theo dõi chi phí nguyên vật liệu thực hành, thực hiện thời khoá biểu, theo dõi thực hiện chương trình đào tạo, theo dõi đối tượng, việc cử giáo viên đủ điều kiện dạy nghề lên lớp của các cơ sở dạy nghề có cơ sở còn hạn chế.

2.4.3. Ảnh hưởng của quản lý nhà nước về đào tạo nghề

Thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 05/11/2012 của Ban Bí thư khóa XI “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dạy nghề cho LĐNT” (sau đây gọi tắt là Chỉ thị số 19-CT/TW); trong những năm qua, các cấp uỷ Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thị xã đã luôn dành sự quan tâm đặc biệt đến công tác đào tạo nghề cho LĐNT. Đại đa số người lao động được tham gia học nghề đều có môi trường học tập thuận lợi, có ý thức phấn đấu trong học tập để áp dụng vào công việc sau khi

được tuyển vào làm việc tại các doanh nghiệp. Công tác tuyên truyền về đào tạo nghề cho LĐNT theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho LĐNT đến năm 2020” được đẩy mạnh. Vì vậy, công tác đào tạo nghề cho LĐNT từng bước nâng cao, về nhận thức cho người dân và tăng cường ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành về lĩnh vực đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động. UBND thị xã đã chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện tốt các chỉ tiêu về lao động, đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lực lượng lao động trên địa bàn thị xã; thông qua đó đã đáp ứng được cơ bản về nguồn Cung - Cầu lao động cho các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thị xã và trong Tỉnh, góp phần quan trọng cho việc đẩy mạnh và phát triển các lĩnh vực kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội của thị xã. Với sự quan tâm đó, công tác đào tạo nghề nông thôn đã phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng, đây là một trong những yếu tố then chốt giúp đạt hiệu quả cao.

2.4.4. Ảnh hưởng của chính sách của nhà nước và địa phương về đào tạo nghề cho LĐNT

Đảng và Nhà nước ta coi phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những yếu tố có tính chất quyết định để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Nghị quyết Đại hội X của Đảng xác định: Tăng nhanh quy mô đào tạo cao đẳng nghề, trung cấp nghề cho các khu công nghiệp, các vùng kinh tế động lực và cho xuất khẩu lao động; tạo chuyển biến căn bản về chất lượng dạy nghề tiếp cận với trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới. Chính phủ đã triển khai chương trình đào tạo nghề cho LĐNT, gọi tắt là Đề án 1956, điều này đã góp phần đẩy mạnh công tác đào tạo nghề ở các địa phương trong cả nước.

Trong quá trình thực hiện, được sự quan tâm giúp đỡ của Sở lao động TB&XH tỉnh. Đặc biệt, chính sách hỗ trợ chi phí đào tạo nghề cho LĐNT, giáo dục định hướng cho cho lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao

động, nhất là LĐNT người nghèo, người cận nghèo có nhu cầu học nghề, có cơ hội được học nghề và tìm việc làm ổn định đời sống.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy, nhu cầu học nghề của LĐNT rất lớn, trong khi đó nguồn ngân sách Trung Ương cấp và ngân sách tỉnh hỗ trợ hàng năm chưa đáp ứng đủ nhu cầu học nghề của LĐNT. Nguồn kinh phí này được phân bổ cho hoạt động đào tạo và hoạt động phục vụ liên quan đến đào tạo nghề (bồi dưỡng giáo viên, xây dựng chương trình...) Đối với lao động không thuộc diện hỗ trợ, do điều kiện kinh tế khó khăn vì vậy chủ yếu họ chưa có nhu cầu học nghề từ các lớp học như vậy.

2.5. Đánh giá thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn thị xã Đông Triều

2.5.1 Kết quả đạt được

Nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, vị trí của công tác phát triển đào tạo, dạy nghề từng bước được nâng lên. Bước đầu các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị đã xác định phát triển đào tạo, dạy nghề là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, là mục tiêu cơ bản trong chiến lược phát triển KTXH. Ngành Lao động – TB&XH tích cực tham mưu cho cấp ủy, chính quyền, phát huy khá tốt việc liên kết, phối hợp với các lực lượng xã hội cùng tham gia phát triển ĐTN.

Điều tra nhu cầu học nghề của LĐNT và nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo của các cơ sở sản xuất - kinh doanh - dịch vụ, đã tạo cơ hội cho các doanh nghiệp đang có nhu cầu tuyển dụng lao động qua đào tạo. Qua đó người lao động có thể lựa chọn ngành nghề phù hợp để tham gia học nghề.

Chính sách về dạy nghề được đổi mới, đặc biệt ưu đãi đối với nhóm lao động thuộc hộ nghèo, hộ gia đình người có công với cách mạng, hộ bị thu hồi đất canh tác... đã khuyến khích được nhiều người lao động tham gia học nghề để tìm việc làm, tự tạo việc làm, ổn định đời sống và an sinh xã hội, tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo hằng năm, góp phần cho doanh nghiệp tuyển dụng lao động có đủ trình độ để đáp ứng yêu cầu sản xuất mà không cần phải bỏ kinh

phí để đào tạo. Đồng thời thông qua chương trình thu thập thông tin thị trường cung - cầu, điều tra thực trạng lao động, nhu cầu học nghề và tìm việc làm của người lao động giúp cho cấp uỷ, chính quyền các cấp có chính sách đúng đắn trong việc hoạch định chính sách đào tạo ngu thành viên Ban chỉ đạo các cấp chưa được rõ nét, thụ động, chủ yếu là do cơ quan được giao chủ trì tham mưu, giúp việc thực hiện.

Việc tổ chức các nghề đào tạo và hình thức mở lớp dạy nghề được linh hoạt, đa dạng hơn đã đáp ứng được nhu cầu của người lao động và phù hợp với đặc thù theo mùa vụ của LĐNT.

Số lượng chương trình, tài liệu ĐTN tăng cơ bản so với giai đoạn trước. Chất lượng các chương trình, tài liệu dạy nghề được nâng lên giúp cải thiện chất đào tạo, dần đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh.

Đội ngũ cán bộ công chức xã được đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ qua đó nâng cao kỹ năng quản lý, đáp ứng được các tiêu chí, tiêu chuẩn của cán bộ công chức cấp xã.

Công tác ĐTN cho LĐNT đã góp phần không nhỏ vào tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả lao động; người lao động đã qua ĐTN có cơ hội tăng thu nhập và cải thiện đời sống vật chất và tinh thần; người lao động và mỗi doanh nghiệp đã đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế chung toàn thị xã.

2.5.2. Những hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm nổi bật nói trên công tác đào tạo nghề trong những năm qua còn một số tồn tại sau cần được khắc phục

Thứ nhất, về kế hoạch triển khai chính sách:

Việc lập kế hoạch ĐNT cho LĐNT vẫn chưa sát với điều kiện của thị xã và nhu cầu học nghề của người lao động. Không dự báo được tình trạng lao động tham gia học nghề, không theo hết khóa học vẫn còn diễn ra; việc phân bổ kinh phí thực hiện ĐTN cho LĐNT đôi lúc còn muộn, nên việc tổ

chức đào tạo vào thời điểm không thuận lợi cho lao động tham gia học nghề(vào thời điểm mùa vụ)...

Việc hướng dẫn triển khai các chính sách của Trung ương và của tỉnh trên địa bàn thị xã chưa kịp thời, chưa đảm bảo đầy đủ nội dung hướng dẫn.

Chất lượng và nội dung tập huấn có lúc, có nơi còn sơ sài, chưa kịp thời và hiệu quả như mong muốn.

Việc xây dựng các chỉ tiêu và tổ chức đào tạo nghề còn chạy theo số lượng, chưa thực sự chú trọng đến chất lượng giải quyết việc làm sau đào tạo.

Thứ hai, về chỉ đạo triển khai chính sách:

Công tác tuyên truyền và tư vấn nghề nghiệp: bên cạnh những kết quả đạt được công tác tuyên truyền tại một số nơi chưa thường xuyên, sâu rộng; đến nay vẫn còn một bộ phận LĐNT chưa nắm biết cụ thể về các chính sách hỗ trợ dạy nghề theo Quyết định 1956. Công tác tư vấn học nghề, việc làm cho LĐNT còn mang tính hình thức; chưa cung cấp kịp thời cho LĐNT những thông tin cần thiết: như thông tin về các nghề mà doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng, mức lương tối thiểu doanh nghiệp trả, thông tin về quy hoạch nông thôn mới, quy hoạch sản xuất

- Truyền thông cơ sở: mặc dù thị xã đã đa dạng hóa các hình thức truyền thông nhưng nội dung truyền thông còn sơ sài, thông tin hạn chế và lặp đi lặp lại và chưa phù hợp với đặc điểm từng đơn vị.

- Trong tổ chức thực thi kế hoạch, một số bộ phận cán bộ và giáo viên chưa đủ trình độ tay nghề khi giảng dạy và truyền đạt kinh nghiệm, dẫn đến một số nghề chưa đáp ứng được nhu cầu thị trường, chất lượng đào tạo điều kiện gắn kết giữa doanh nghiệp với cơ sở dạy nghề hạn chế.

Thông qua công tác ĐTN, lực lượng LĐ- Các công cụ kiểm soát thực hiện chính sách còn nhiều hạn chế, chưa ứng dụng công nghệ thông tin vào kiểm soát việc thực hiện các chỉ tiêu, kinh phí, đầu vào, đầu ra của người học nghề; đặc biệt là theo dõi, quản lý được số người tìm kiếm được việc làm sau học nghề.

- Do chương trình dạy nghề ngắn hạn nên những kiến thức người lao động nắm được vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động ở các khu công nghiệp. Cùng với đó, người lao động vẫn chưa mặn mà với việc chuyển đổi nghề, đặc biệt là các hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm nhỏ lẻ.

Việc tổ chức đào tạo cho nông dân chưa linh hoạt, chưa phù hợp với đặc điểm của LĐNT thường là lao động chính trong hộ, rất khó có thể tạm dừng công việc để đi học. Chưa có nhiều sự đa dạng các mô hình đào tạo nghề phù hợp với đặc điểm của LĐNT. Chưa huy động được đội ngũ chuyên gia nông nghiệp, nghệ nhân, các NT đã được trang bị những kiến thức cơ bản về lý thuyết, kỹ năng thực hành, thái độ và tác phong làm việc theo công nghiệp đối với nghề mà người lao động cần học. Sau ĐTN người lao động có việc làm bằng nhiều hình thức như tự tạo được việc làm, được giới thiệu việc làm mới hoặc tiếp tục thực hiện những công việc trước học nghề.

2.5.3. Nguyên nhân của những hạn chế:

- Về bộ máy triển khai chính sách: Quy chế hoạt động và chức năng của Ban chỉ đạo cấp huyện và cấp xã chỉ mang tính hình thức, dù nhiệm vụ đã được phân công cụ thể nhưng trách nhiệm chưa cao, chưa sát với chức năng nhiệm vụ của từng thành viên. Từ đó vai trò của từng viện nghiên cứu và các hội nghề nghiệp tham gia quá trình đào tạo làm cho kiến thức đào tạo nghèo nàn, chưa phù hợp với thực tế và chưa đưa được công nghệ mới vào trong đào tạo. Công tác tư vấn nghề nghiệp cũng chưa tốt. Người nông dân thiếu thông tin về nghề nghiệp, về định hướng phát triển kinh tế, xã hội, về cơ hội việc làm. Từ đó, dẫn đến việc lựa chọn ngành nghề đào tạo theo cảm tính, sau khi tốt nghiệp không ứng dụng kiến thức, kỹ năng được học vào hoạt động nghề nghiệp của mình.

- Kinh phí bố trí cho điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề, cũng như kinh phí để tư vấn học nghề cho LĐNT còn hạn chế; Nguồn kinh phí đầu tư còn hạn hẹp, do đó chưa đáp ứng được nguyện vọng học nghề của 3 nhóm đối tượng. Nguồn vốn để hỗ trợ chi phí cho LĐNT học nghề chủ yếu thực hiện

được là do ngân sách Trung ương hỗ trợ, ngân sách tỉnh còn hạn chế; Do kinh phí kiểm tra, giám sát còn hạn chế nên hàng năm công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý còn chưa thường xuyên, chưa toàn diện.

- Công tác phối hợp giữa các ngành, đơn vị, đoàn thể chưa chủ động, còn phụ thuộc nhiều vào sự chỉ đạo của tỉnh và thị xã.

- Còn tồn tại quan điểm, nhìn nhận chưa thực sự chuẩn xác về công tác đào tạo nghề; vẫn còn tư tưởng thụ động, ỷ lại, coi đây là công tác xã hội, là nhiệm vụ của Nhà nước. Cần có sự đổi mới tư duy về công tác dạy nghề.

- Còn một bộ phận lao động địa phương chưa nhiệt tình ủng hộ tham gia học nghề, chưa hiểu đầy đủ về chính sách hỗ trợ và lợi ích của việc học nghề, chưa chủ động, tích cực tham gia học nghề.

- Khả năng tiếp thu kiến thức, nắm bắt kỹ năng nghề của một số LĐNT còn hạn chế. Nguyên nhân là do trình độ học vấn của một bộ phận LĐNT tham gia học nghề còn rất thấp, lứa tuổi tham gia học nghề một lớp không đồng đều.

- Cán bộ quản lý ĐTN tại cấp xã chưa đủ về số lượng, còn yếu về năng lực quản lý nhất là am hiểu chính sách ĐTN và những quy định thực thi chính sách.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH TRONG THỜI GIAN TỚI

3.1. Quan điểm và mục tiêu đào tạo nghề cho Lao động nông thôn trên địa bàn thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

3.1.1. Quan điểm

Đảng và Nhà nước ta coi phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những yếu tố có tính chất quyết định để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Nghị quyết Đại hội X của Đảng xác định: Tăng nhanh quy mô đào tạo cao đẳng nghề, trung cấp nghề cho các khu công nghiệp, các vùng kinh tế động lực và cho xuất khẩu lao động; tạo chuyển biến căn bản về chất lượng dạy nghề tiếp cận với trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới. Kết luận của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2, khoá VIII, nêu rõ: Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, kể cả những nghề thuộc lĩnh vực công nghệ cao; chú trọng xây dựng một số trường dạy nghề đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế. Tăng nhanh quy mô công nhân và cán bộ kỹ thuật lành nghề ở những lĩnh vực công nghệ cao, tiếp nhận trình độ tiên tiến thế giới.

Vì vậy, công tác đào tạo nghề cho LĐNT trên địa bàn thị xã Đông Triều từng bước nâng cao về nhận thức cho người dân và tăng cường ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành về lĩnh vực đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động. Kế hoạch đào tạo nghề cho LĐNT của thị xã từ năm 2011 - 2015 bình quân mỗi năm sẽ dạy nghề từ 450 đến 490 lao động. Số lao động được giải quyết việc làm hàng năm bình quân đạt từ 2.500 - 2.700 lao động/năm. UBND thị xã đã chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện tốt các chỉ tiêu về lao động, đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lực lượng lao động

trên địa bàn thị xã; thông qua đó đã đáp ứng được cơ bản về nguồn Cung - Cầu lao động cho các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thị xã và trong Tỉnh, góp phần quan trọng cho việc đẩy mạnh và phát triển các lĩnh vực kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội của thị xã.

Quan điểm cụ thể như sau:

- Đào tạo nghề cho LĐNT là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, của các cấp, các ngành và xã hội nhằm nâng cao chất lượng LĐNT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Nhà nước tăng cường đầu tư để phát triển đào tạo nghề cho LĐNT, có chính sách bảo đảm thực hiện công bằng xã hội về cơ hội học nghề đối với mọi LĐNT, khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia đào tạo nghề cho LĐNT;

- Học nghề là quyền lợi và nghiệp vụ của LĐNT nhằm tạo việc làm, chuyển nghề, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống;

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, tạo sự chuyển biến sâu sắc về mặt chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng; nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức xã đủ tiêu chuẩn, chức danh cán bộ, công chức, đủ trình độ, bản lĩnh lãnh đạo, quản lý và thành thạo chuyên môn, nghiệp vụ trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội ở xã phục vụ cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

- Thực hiện đào tạo theo nhu cầu học nghề của LĐNT, nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và yêu cầu của thị trường lao động; gắn đào tạo nghề với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, đáp ứng nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp và giảm nghèo bền vững;

- Đổi mới và phát triển đào tạo nghề cho LĐNT theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo. Tạo điều kiện thuận lợi để LĐNT tham gia các chương trình đào tạo phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế đáp ứng yêu cầu hội nhập và từng bước tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới. Cơ sở tham gia đào tạo nghề phải có đủ điều kiện, được hoạt động giáo

dục nghề nghiệp; không tổ chức đào tạo nghề khi chưa dự báo được nơi làm việc và mức thu nhập của người lao động sau khi học

- Bảo đảm thực hiện công bằng xã hội về cơ hội học nghề đối với LĐNT. Nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề, nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập cho LĐNT;

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong LĐNT, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và Chương trình Xây dựng nông thôn mới;

- Khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia đào tạo nghề cho LĐNT.

3.1.2. Mục tiêu

Mục tiêu chương trình đề ra coi công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược phát triển kinh tế- xã hội của địa phương, trong đó xác định giai đoạn 2010-2015 là 2.425 và giai đoạn 2016-2020 là 1.312 đào tạo nghề cho LĐNT; giai đoạn 2020-2023 là 600 người được đào tạo nghề.

- + Dự kiến kế hoạch năm 2020 đào tạo 05 lớp với 172 người, trong đó phi nông nghiệp 04 lớp; nông nghiệp 01 lớp. Tổng dự kiến kinh phí là 604.850.000đ.

- + Từ năm 2021-2023 là 15 lớp, 525 người, trong đó nghề phi nông nghiệp là 10 lớp, nông nghiệp 05 lớp. Tổng dự kiến kinh phí là 1,8 tỷ đồng.

- Đào tạo nghề cho LĐNT mỗi ở trình độ sơ cấp nghề, phục vụ nhu cầu tuyển dụng lao động tại các cơ sở kinh doanh, doanh nghiệp trên địa bàn thị xã hoặc tự tạo việc làm để phát triển kinh tế hộ gia đình;

- Đảm bảo tỷ lệ lao động phát huy được hiệu quả sau đào tạo đạt tối thiểu từ 80 % trở lên;

- Có ít nhất 40 % trở lên lao động là nữ được hỗ trợ học nghề trên tổng số người được hỗ trợ học nghề;

- Đối với các lớp đào tạo nghề nông nghiệp, đào tạo với tỷ lệ khoảng: 50% cho lao động ở các doanh nghiệp nông nghiệp; 20 % cho thành viên hợp tác xã; lao động thực hiện các dự án tái cơ cấu ngành nông nghiệp và 30 % cho an sinh xã hội.

3.2. Một số giải pháp tăng cường đào tạo nghề cho Lao động nông thôn trên địa bàn thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

3.2.1. Giải pháp tuyên truyền chính sách đào tạo nghề cho LĐNT

Tuyên truyền, tư vấn về học nghề và việc làm đối với người lao động là hoạt động đầu tiên trong nhóm các hoạt động của Đề án và có vai trò hết sức quan trọng để nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và xã hội về dạy nghề nói chung và dạy nghề nông nghiệp cho người lao động nói riêng, góp phần tăng năng suất lao động, tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo, nâng cao mức sống và chất lượng lao động. Để tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm đối với người lao động thị xã cần tích cực triển khai các hoạt động sau:

- Tập huấn cho cán bộ Phòng ban chuyên môn thực hiện công tác dạy nghề về công tác tư vấn học nghề cho người lao động.

- Tổ chức Hội nghị giao ban giữa các cơ quan có liên quan để chia sẻ kinh nghiệm, thống nhất kế hoạch tuyên truyền, tư vấn học nghề cho người lao động.

- Tuyên truyền các chủ trương, chính sách, hoạt động đào tạo nghề trên các phương tiện thông tin đại chúng, giới thiệu mô hình đào tạo mới, cách làm hay cho đồng đạo các cơ quan, đơn vị, cán bộ giảng dạy và học viên.

- Đa dạng hơn công tác tuyên truyền, như: tuyên truyền trực tiếp (face to face), tuyên truyền qua kênh thông tin, như: hội thi tìm hiểu, hội nghị, hội thảo, niêm yết chính sách tại các khu vực công cộng qua hệ thống tranh pa nô, áp phích tuyên truyền cổ động và qua các mô hình thí điểm trình diễn, tổ chức hội nghị để trao đổi và biểu dương các điển hình tiên tiến làm sao cho mọi đối tượng được nghe, được xem, được thử từ đó chuyển biến tích cực hơn trong tư duy, nhận thức của người dân, đặc biệt là các đối tượng được hưởng chính sách.

3.2.2. Tổ chức thực hiện kế hoạch

- Điều tra khảo sát thông tin thị trường lao động, dự báo nhu cầu và thí điểm các mô hình dạy nghề cho người lao động.

+ Điều tra khảo sát nhu cầu học nghề của người lao động và dự báo nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề của các doanh nghiệp và năng lực đào tạo của các cơ sở đào tạo cho người lao động là hoạt động hết sức quan trọng, là cơ sở để triển khai thực hiện Đề án đào tạo nghề cho người lao động có hiệu quả, xây dựng kế hoạch dạy nghề hàng năm đảm bảo mục tiêu, yêu cầu của đề án.

+ Hướng dẫn, hỗ trợ và tập huấn nghiệp vụ điều tra đồng thời thiết kế phần mềm nhập tin cho các địa phương, xây dựng hệ thống biểu mẫu đầu ra và mô hình dự báo nhu cầu dạy nghề cho người lao động.

+ Việc tổ chức dạy nghề thực hiện theo cơ chế cộng đồng trách nhiệm giữa các bên có liên quan: cơ quan quản lý nhà nước cấp kinh phí đào tạo từ nguồn kinh phí đào tạo nghề cho người lao động được phân bổ, doanh nghiệp nhận học viên vào thực tập, tham gia xây dựng chương trình và đánh giá kết quả đào tạo, tiếp nhận lao động sau khi đào tạo vào làm vào làm việc, doanh nghiệp tổ chức đào tạo theo nhu cầu sử dụng.

+ Phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ nông nghiệp, doanh nghiệp sản xuất chế biến và thương mại nông sản tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ thuật cho nông dân trên thực tế đồng ruộng, gắn kết việc đào tạo với thực tế sản xuất tại địa phương, từng loại hình sản xuất và nhu cầu sản phẩm nông nghiệp của doanh nghiệp nhằm phát huy hiệu quả đào tạo.

- Thời gian đào tạo cần linh hoạt, tập trung vào đào tạo ngắn hạn, tránh thời vụ thu hoạch hay tăng gia sản xuất.

3.2.3. Hoàn thiện nội dung, chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, đổi mới phương pháp đào tạo, nâng cao trình độ năng lực đội ngũ cán bộ, giáo viên

+ Hiện nay, nhu cầu học nghề của bộ phận LĐNT bao gồm nhiều đối tượng, nhiều lứa tuổi khác nhau với mong muốn được học những ngành nghề

sau này có cơ hội tìm kiếm việc làm với mức thu nhập cao. Để có thể thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo nghề cho LĐNT, cần phải tích cực rà soát, tìm hiểu nhu cầu đối tượng, và lứa tuổi có mong muốn học nghề, đồng thời cần phải nắm bắt rõ nhu cầu tuyển dụng lao động của doanh nghiệp trong địa bàn và các vùng lân cận, từ đó lên chiến lược nhằm mở rộng và phát triển các hình thức và ngành nghề đào tạo đáp ứng được những nhu cầu trên. Nội dung đào tạo cần phải thay đổi để phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội. Có như vậy mới tạo sự tin tưởng và thu hút được lực lượng LĐNT đến học nghề, góp phần vào giải quyết vấn đề đào tạo nghề cho LĐNT.

+ Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, nâng chất giáo viên, cải tiến phương pháp giảng dạy nhất là dạy thực hành. Tăng cường trao đổi giữa giáo viên với người học, giữa người học với nhau, để hình thành nên mối quan hệ nhiều chiều, tạo tính chủ động, sáng tạo, tự tin và khả năng quyết tâm rèn luyện của người học; Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ giảng dạy giỏi về chuyên môn, thạo kỹ năng thực hành, nhanh nhạy nắm bắt nhu cầu của xã hội, mạnh dạn mời những nhà quản lý, cán bộ có trình độ chuyên môn, thợ lành nghề...

+ Tiến hành điều tra, khảo sát, đánh giá đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề để có kế hoạch đào tạo và tuyển dụng đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng và cơ cấu nghề đào tạo.

+ Đổi mới căn bản phương pháp giảng dạy, thực hành theo phương pháp tiên tiến của các nước trong khu vực; Tăng thời gian thực hành, thực tập, giảm thời gian học lý thuyết để không ngừng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người học; Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hiện đại trang thiết bị phục vụ dạy học, nghiên cứu khoa học, ứng dụng mạnh công nghệ vào giảng dạy; Tăng cường quản lý chất lượng đào tạo, đổi mới hình thức kiểm tra, đánh giá, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên kết quản lý chất lượng đào tạo với các đơn vị liên kết. phục vụ cho giảng dạy, học tập, từng bước tiếp cận với công

nghệ, kỹ thuật tiên tiến, hiện đại, sát hợp với yêu cầu thực tế sản xuất của thị trường lao động.

3.2.4. Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị:

- Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, theo dõi của ngành Lao động, Thương binh và Xã hội để tham mưu cho Chủ tịch UBND thị xã nhắc nhở, phê bình, làm rõ trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu các đơn vị thành viên Ban chỉ đạo chưa tập trung vào chỉ đạo triển khai theo chức trách, nhiệm vụ được phân công.

- Xây dựng quy chế phối hợp giữa các đơn vị, các tổ chức đoàn thể thị xã như: Trung tâm truyền thông văn hóa, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Thị đoàn trong làm (trong đó có xuất khẩu lao động) đến các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân, đặc biệt là lao động trẻ để chính sách này nhân dân hiểu rõ, thấy được lợi ích của việc học nghề, tự giác đăng ký học nghề.

- Tăng cường sự phối hợp giữa chính quyền cấp xã và các cơ sở đào tạo nghề: Thực hiện nghiêm các quy định của Nhà nước về chính sách, đặc biệt là khâu phối hợp tuyển sinh, mở lớp, việc quản lý lớp học, phối hợp đẩy mạnh các hoạt động thực hành nghề, công tác kiểm tra giám sát của các đoàn thể. . . nhằm tăng tính công khai, minh bạch, hiệu lực hiệu quả của chính sách từ đó nâng cao sự đồng thuận, ủng hộ của nhân dân.

3.2.5. Giải pháp đối với từng nhóm đối tượng LĐNT

- *Đối với nhóm lao động thuần nông*

+ Đào tạo, huấn luyện cho người nông dân phát triển các ngành nghề đặc trưng của địa phương như: trồng rau cao cấp, rau chất lượng với công nghệ sạch. Chăn nuôi theo phương pháp và quy mô công nghiệp.

+ Đào tạo nghề cho người nông dân thông qua các dự án phát triển việc làm, xóa đói giảm nghèo của địa phương

- *Đối với nhóm lao động chuyển đổi nghề*

Đối với nhóm lao động này, cần phải định hướng ngành nghề tạo cho địa phương, xác định được nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp địa phương để có kế hoạch thực hiện đào tạo cho nông dân.

3.2.6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động đào tạo nghề cho Lao động nông thôn.

- Với đặc trưng của đề án đào tạo nghề cho LĐNT là có nguồn kinh phí riêng đầu tư cho cơ sở dạy nghề, ưu đãi cho giáo viên và cho người học nghề thì công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dạy nghề dành riêng cho LĐNT là rất cần thiết. Cần tập trung vào các vấn đề sau:

- + Xây dựng tiêu chí kiểm tra, giám sát, đánh giá đề án đào tạo nghề cho LĐNT của thị xã dựa trên sự hướng dẫn của tỉnh;
- + Xây dựng phương pháp thu thập và xử lý thông tin, xây dựng phần mềm quản lý đề án cấp thị xã;
- + Hoàn thành hoạt động điều tra, khảo sát, tổng hợp số liệu làm cơ sở xây dựng đề án đào tạo nghề cho LĐNT ở cấp huyện, xã;
- + Rà soát lại mạng lưới cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn;
- + Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện đề án ở các cấp hàng năm, giữa kỳ, cuối kỳ;
- + Báo cáo, tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, nội dung đề án; tình hình quản lý và sử dụng ngân sách của đề án;
- + Kiểm tra giám sát về các đối tượng được hưởng lợi ích từ đề án, trong đó chú ý đến lợi ích của cán bộ giáo viên và lợi ích của học viên;
- + Thường xuyên cập nhật những tồn tại, vướng mắc, yếu kém của cơ sở dạy nghề và bất cập, khó khăn của người học, những quy trình, chính sách không phù hợp để kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

3.3. Một số khuyến nghị, đề xuất

3.3.1. Đối với Chính phủ

Thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp cho người lao động là công việc còn rất mới, phức tạp và liên quan đến nhiều vấn đề nhưng nó có ý nghĩa to lớn là giảm sức ép về lao động trong sản xuất nông nghiệp, nâng cao trình độ người lao động trong sản xuất nông nghiệp, thúc đẩy áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất góp phần tăng năng xuất lao động, tăng thu nhập cho người lao động. Do vậy, cần có sự lãnh đạo thường xuyên, liên tục của Đảng và chính quyền các cấp; sự phối kết hợp giữa các ban ngành, đoàn thể nhằm tạo sự thống nhất cao trong quá trình thực thi chính sách. Qua những kết quả tích cực bước đầu cần tiếp tục có những biện pháp rút ra bài học kinh nghiệm ở mỗi vùng, mỗi địa phương để có những thay đổi bổ sung về Đề án cho phù hợp nhằm khuyến khích phát triển các cơ sở doanh nghiệp nghề nông nghiệp. Đề công tác đào tạo nghề đạt hiệu quả Chính phủ cần:

- Có chính sách ưu đãi đối với giáo viên dạy nghề như về tiền lương, nhà ở, các quyền lợi khác... để thu hút người có năng lực làm giáo viên dạy nghề;
- Phê duyệt ngân sách và ưu tiên giải ngân cho các chương trình đào tạo nghề gắn với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình nông thôn mới;
- Tiếp thu ý kiến, kinh nghiệm của các địa phương, các ngành và tiến hành tổng hợp để điều chỉnh tăng mức hỗ trợ cho người học nghề (kinh phí đào tạo, tiền ăn, tiền đi lại), một số mức chi không còn phù hợp; hơn nữa một số mức hỗ trợ thực tế còn thấp, chưa khuyến khích được lao động ở nông thôn tích cực tham gia học nghề; có cơ chế vay vốn thích hợp để tạo điều kiện cho LĐNT sau khi học nghề được vay vốn tạo việc làm bằng nghề đã học nhằm tạo động lực thu hút, khuyến khích LĐNT học nghề; nâng cao mức hỗ trợ cho giáo viên tham gia dạy nghề; điều chỉnh cho phép LĐNT có thể tham gia học nhiều ngành nghề nông nghiệp phù hợp.

- Điều chỉnh nội dung các chính sách khác có liên quan đến công tác đào tạo nghề cho LĐNT cho phù hợp với đặc điểm tình hình như chính sách hỗ trợ sản xuất sau học nghề như hỗ trợ vốn, đất đai, hỗ trợ thiết bị, công nghệ,...

3.3.2. Đối với Tổng cục Dạy nghề- Bộ Lao động Thương binh và Xã hội

- Cần cụ thể hoá các Nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước về công tác dạy nghề nói chung và công tác dạy nghề cho LĐNT nói riêng , nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về đào tạo nguồn nhân lực cho sự nghiệp CNH-HĐH.

- Tăng mức đầu tư kinh phí từ Chương trình mục tiêu Quốc gia (Đề án ĐTN cho LĐNT theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Chính phủ) để đầu tư cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng dạy nghề cho LĐNT; Thường xuyên mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ các cấp nhằm nâng cao trình độ quản lý và ĐTN đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội;

- Xây dựng trung tâm dữ liệu quốc gia về dạy nghề, để giáo viên có điều kiện thuận lợi trong việc tìm tài liệu tham khảo, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát chất lượng đào tạo nghề, giao đơn vị trực thuộc có năng lực và kinh nghiệm làm đầu mối, thống nhất trong công tác chỉ đạo đào tạo nghề nông nghiệp cho LĐNT.

3.3.3. Đối với tỉnh Quảng Ninh

- Cần tăng cường hơn nữa sự quan tâm của các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương, các lực lượng giáo dục, các tổ chức đoàn thể đối với công tác ĐTN cho LĐNT nhằm tạo ra sự chuyển biến rộng khắp trong toàn tỉnh.

Sở LĐ – TBXH và Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn tỉnh căn cứ vào chức năng quyền hạn của mình, tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát tất cả các hoạt động của các cơ sở dạy nghề trong tỉnh; tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền; chỉ đạo tổ chức các hội thi giáo viên dạy nghề giỏi cấp cơ sở và cấp tỉnh...; Hàng năm giao kế hoạch sớm, theo nhu cầu mà các cơ sở

dạy nghề đề xuất; Tổ chức tổng kết đánh giá xếp loại nghiêm túc tất cả các hoạt động của các cơ sở dạy nghề trong tỉnh.

- Nâng cao chất lượng công tác thông tin, truyền thông. Tập hợp các điển hình, các mô hình dạy nghề có hiệu quả, để xây dựng thành các sổ làm cẩm nang về dạy nghề; phối hợp với các cơ quan báo, đài ở địa phương phổ biến, nhân rộng để nông dân tham khảo, học tập.

- Tư vấn, hướng dẫn người nông dân cách thức tổ chức sản xuất, kinh doanh, bảo đảm “đầu ra” sản phẩm; có chính sách cụ thể để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư vào khu vực nông thôn;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các cơ quan chức năng, các địa phương, các tổ chức khác được giao nhiệm vụ dạy nghề nông nghiệp cho LĐNT, đảm bảo thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao trong Đề án./.

KẾT LUẬN

Với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, các cấp ủy Đảng, chính quyền của tỉnh và thị xã, công tác đào tạo nghề, đặc biệt cho lao động nông thôn đã có những bước tiến rõ rệt nhưng dường như vẫn là chưa đủ để đáp ứng yêu cầu của công tác giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và đặc biệt là yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho công cuộc công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước. Quá trình triển khai công tác đào tạo nghề thời gian qua còn bộc lộ những tồn tại khiếm khuyết, đặc biệt liên quan đến các cơ chế, chính sách về dạy nghề. Tiến trình xã hội hóa công tác đào tạo nghề còn chậm, chưa thực sự huy động được mọi thành phần tham gia. Bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại những quan điểm, nhìn nhận chưa thực sự phù hợp về công tác đào tạo nghề, vẫn còn tư tưởng thụ động, ý lại của một bộ phận người dân trong xã hội. Đó là những nguyên nhân dẫn đến hiện trạng nhiều lao động nông thôn vẫn còn chưa qua đào tạo nghề. Trong thời gian tới, dưới áp lực của hội nhập kinh tế quốc tế, quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá sẽ cũng diễn ra mạnh mẽ. Nhu cầu về lực lượng lao động có tay nghề cao, kỹ năng giỏi sẽ ngày càng lớn. Do đó, việc triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn và tiến hành chuẩn hóa hệ thống đào tạo nghề, hoàn thiện và phát triển hệ thống đào tạo nghề với những mô hình dạy nghề phù hợp.

Qua 10 năm triển khai và tổ chức thực hiện Đề án ĐTN cho LĐNT trên địa bàn thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, công tác ĐTN của thị xã đã có những chuyển biến tích cực, tỷ lệ người lao động đã qua đào tạo được nâng lên, trình độ tay nghề của người lao động đã được cải thiện, nguồn nhân lực trong thị xã từng bước đáp ứng được yêu cầu và đòi hỏi của thực tiễn sản xuất và đời sống. Song bên cạnh đó, công tác ĐTN cho LĐNT vẫn còn một số tồn tại, bất cập chính đó là chất lượng đào tạo chưa hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu của thị trường, có cơ sở đào tạo chưa đáp ứng được nhu cầu ngành nghề

của người học, mới chủ yếu đào tạo theo kế hoạch phân bổ kinh phí theo Đề án 1956...

Với mong muốn hoàn thiện công tác ĐTN cho LĐNT thị xã Đông Triều, Luận văn đã trình bày một số vấn đề, đi sâu nghiên cứu cơ sở lý luận về công tác ĐTN cho LĐNT, đánh giá thực trạng công tác ĐTN cho LĐNT thị xã Đông Triều trên cơ sở đó tôi kiến nghị, đề xuất một số giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại hạn chế để công tác ĐTN cho LĐNT trên địa bàn thị xã được hoàn thiện hơn.

Với sự giúp đỡ của các thầy cô giáo trường Đại học Lao động – Xã hội, sự hỗ trợ của các cơ quan đơn vị trên địa bàn thị xã, sự nỗ lực của bản thân và đặc biệt là sự hướng dẫn tận tình của PGS.TS. Nguyễn Quang Hồng, luận văn cơ bản đã hoàn thành mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu. Tuy nhiên, luận văn thạc sĩ là một đề tài của cá nhân tác giả, khó có thể giải quyết được tất cả các vấn đề có liên quan đến các tiêu chí hoàn thiện công tác ĐTN cho LĐNT thị xã Đông Triều. Luận văn này đã gợi mở một số vấn đề có liên quan và giải quyết những vấn đề trong khả năng của tác giả. Do những hạn chế về kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn cũng như thời gian nghiên cứu nên bài luận văn cũng không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Rất mong sự đóng góp ý kiến của các thầy cô và các bạn.

Em xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2009), Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho LĐNT đến năm 2020”;

2. Chính phủ (2009), *Quyết định số 971/QĐ-TTg* ngày 01/7/2015 Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho LĐNT đến 2020.

3. Nguyễn Tiếp (2011), *Giáo trình Nguồn nhân lực*, NXB Lao động Xã hội. Hà Nội

4. Nguyễn Tiến Dũng, bài viết “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong thời kỳ hội nhập quốc tế”, đăng trên Website của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

5. Nguyễn Văn Đại, (2010), *Luận án tiến sĩ “Đào tạo nghề lao động nông thôn vùng Đồng bằng sông Hồng trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá”*, Hà Nội.

6. Nguyễn Thị Hằng và Phí Thị Thơm (2009). *Giải quyết việc làm cho lao động nông nghiệp trong quá trình đô thị hoá*. Hà Nội. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia

7. Phạm Văn Luyện, *Tổng Cục dạy nghề - Bộ Lao động – TB&XH*, bài viết “Dạy nghề cho lao động nông thôn – mục tiêu và chính sách”, đăng trên Website của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

8. Quốc hội (2012), *Bộ Luật Lao động*, Quốc hội ngày 18/6/2012. Hà Nội.

9. Quốc hội (2014), *Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014* số 74/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 27/11/2014 tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIII.

10. Quốc hội (2006), *Luật dạy nghề* số 76/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2006 tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XI.

11. Trần Xuân Cầu và PGS.TS Mai Quốc Chánh (2008), *Giáo trình kinh tế nguồn nhân lực*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

12. Lê Thanh Hà, chủ biên (2009), *Giáo trình quản trị nhân lực II*, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội.

13. (Tập thể tác giả, do Trần Hồng Hải chủ biên. Giáo trình Luật Lao động của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh-Nhà xuất bản Hồng Đức-Hội Luật gia Việt Nam, trang 10).TP Hồ Chí Minh

14. Tăng Minh Lộc, Phó Cục trưởng Cục Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, bài viết “ Thực trạng đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn: điều chỉnh lại cơ cấu lao động, cách dạy nghề”, đăng trên Báo Nông nghiệp Việt Nam.

15. UBND Tỉnh Quảng Ninh (2017), Hướng dẫn Liên ngành số 828/LN/LĐTĐTBXH-NNPTNT-NV-TC-KHĐT của Sở Lao động TBXH, Nông nghiệp và PTNT, Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và đầu tư. Quảng Ninh.

16. UBND thị xã Đông Triều (2017), Báo cáo phát triển kinh tế xã hội. Đông Triều, Quảng Ninh.

17. UBND thị xã Đông Triều (2017), Báo cáo kết quả 5 năm thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 05/11/2012 của Ban Bí thư khoá XI. Đông Triều, Quảng Ninh.

18. UBND thị xã Đông Triều (2018), Báo cáo phát triển kinh tế xã hội. Đông Triều, Quảng Ninh.

19. UBND thị xã Đông Triều (2019), Báo cáo 10 năm thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn thị xã Đông Triều, Quảng Ninh.

Các Website:

1. Cổng thông tin điện tử Quảng Ninh

<http://www.quangninh.gov.vn>

2. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

<http://www.molisa.gov.vn>

3. Báo Quảng Ninh

<http://baoquangninh.com.vn>

DANH MỤC NGHỀ ĐÀO TẠO LAO ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH

STT	Tên nghề	Thực hiện chương trình đào tạo		Mức chi phí đào tạo tối đa (1000 đồng/người/khóa)	Mức hỗ trợ tối đa cho từng đối tượng (1000 đồng/người/khóa)				
		Tổng số tiết, giờ/ khóa học	Số ngày đào tạo tối thiểu		Người khuyết tật	Người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo; người thuộc hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn	Người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất, phụ nữ bị mất việc làm, ngư dân	Người thuộc hộ cận nghèo	Người học là phụ nữ, LĐNT khác
I	Nghề phi nông nghiệp								
1	Nghiệp vụ Bàn - Bar - Buồng	320	44	1.930	1.930	1.930	1.930	1.930	1.930
2	Chê biến món ăn và phục vụ	420	58	2.390	2.390	2.390	2.390	2.390	2.000
3	Nề hoàn thiện	400	53	1.920	1.920	1.920	1.920	1.920	1.920
4	Sản xuất gôm xây dựng	420	57	1.930	1.930	1.930	1.930	1.930	1.930
5	Điện dân dụng	323	60	1.950	1.950	1.950	1.950	1.950	1.950
6	Sửa chữa điện lạnh	450	62	2.110	2.110	2.110	2.110	2.110	2.000
7	Hàn	376	65	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.000
8	Điện nước nông thôn	420	60	2.290	2.290	2.290	2.290	2.290	2.000
9	Máy công nghiệp	440	60	2.800	2.800	2.800	2.800	2.500	2.000
10	Thêu thố cầm	320	45	1.820	1.820	1.820	1.820	1.820	1.820
11	Gia công và thiết kế sản phẩm mộc	340	46	2.350	2.350	2.350	2.350	2.350	2.000
12	Lắp đặt đường ống nước	420	65	2.340	2.340	2.340	2.340	2.340	2.000

STT	Tên nghề	Thực hiện chương trình đào tạo		Mức chi phí đào tạo tối đa (1000 đồng/người/khóa)	Mức hỗ trợ tối đa cho từng đối tượng (1000 đồng/người/khóa)				
		Tổng số tiết, giờ/ khóa học	Số ngày đào tạo tối thiểu		Người khuyết tật	Người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo; người thuộc hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn	Người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất, phụ nữ bị mất việc làm, ngư dân	Người thuộc hộ cận nghèo	Người học là phụ nữ, LĐNT khác
27	Kỹ thuật trồng nấm	320	44	3.000	3.000	3.000	3.000	2.500	2.000
28	Kỹ thuật tạo dáng và chăm sóc cây cảnh	480	63	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.000
29	Trồng ba kích	320	44	3.000	3.000	3.000	3.000	2.500	2.000
30	Kỹ thuật trồng lúa năng suất cao	480	64	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.000
31	Kỹ thuật trồng dong riềng	320	44	3.000	3.000	3.000	3.000	2.500	2.000
32	Trồng rau an toàn	440	60	2.870	2.870	2.870	2.870	2.500	2.000
33	Trồng và chăm sóc cây ăn quả	320	44	3.000	3.000	3.000	3.000	2.500	2.000
34	Trồng hoa thời vụ	300	41	3.040	3.040	3.040	3.000	2.500	2.000
35	Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt thương phẩm	440	61	2.470	2.470	2.470	2.470	2.470	2.000
36	Kỹ thuật nuôi giáp xác thương phẩm	440	61	2.540	2.540	2.540	2.540	2.500	2.000
37	Kỹ thuật nuôi cá biển thương phẩm	440	61	2.490	2.490	2.490	2.490	2.490	2.000
38	Nuôi cá lồng bè trên biển	440	58	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.000
39	Kỹ thuật nuôi nhuyễn thể thương phẩm	440	61	2.440	2.440	2.440	2.440	2.440	2.000
40	Kỹ thuật nuôi tôm thẻ chân trắng	440	61	2.540	2.540	2.540	2.540	2.500	2.000
41	Ưong, nuôi ngao, tu hài	440	58	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.000

STT	Tên nghề	Thực hiện chương trình đào tạo		Mức chi phí đào tạo tối đa (1000 đồng/người/khóa)	Mức hỗ trợ tối đa cho từng đối tượng (1000 đồng/người/khóa)				
		Tổng số tiết, giờ/ khóa học	Số ngày đào tạo tối thiểu		Người khuyết tật	Người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo; người thuộc hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn	Người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất, phụ nữ bị mất việc làm, ngư dân	Người thuộc hộ cận nghèo	Người học là phụ nữ, LĐNT khác
42	Sản xuất nông lâm kết hợp	440	60	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.000
43	Khuyến nông lâm	440	60	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.000
44	Sản xuất, kinh doanh giống cây lâm nghiệp	440	61	3.000	3.000	3.000	3.000	2.500	2.000
III	Nhóm các nghề khác	320-440	45-60	2.400	2.400	2.400	2.400	2.400	2.000

(Quyết định số 1139/2017/QĐ-UBND ngày 17/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.)

Nguồn: UBND tỉnh Quảng Ninh

Kết quả đào tạo nghề cho LĐNT thị xã Đông Triều 2010-2019

STT	Các lớp nghề	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
		Số lớp	Số người	Số lớp	Số người	Số lớp	Số người	Số lớp	Số người	Số lớp	Số người	Số lớp	Số người	Số lớp	Số người	Số lớp	Số người	Số lớp	Số người	Số lớp	Số người
I. Nghề phi nông nghiệp: 66 lớp, 2185 đối tượng																					
1	Sản xuất gốm xây dựng	7	209	3	105	4	140	8	275	3	95	2	65			2	65	1	30		
2	Móc chỉ, móc sợi	1	30	5	174	4	140														
3	Chế biến món ăn phục vụ							2	70	4	125	2	65	2	70	1	33	1	30	2	67
4	Đan lưới													2	70	1	34				
5	Lái xe ô tô hạng B2															1	34	2	62	2	64
6	Lái xe ô tô hạng C																	1	33	2	65
7	Nề hoàn thiện											1	35								
	CỘNG:	8	239	8	279	8	280	10	345	7	220	5	165	4	140	5	166	5	155	6	196
II. Nghề Nông nghiệp: 40 lớp, 1362 đối tượng																					
1	Trồng hoa thời vụ									1	33	1	35							1	34
2	Nuôi trồng thủy sản	1	30																		
3	Chăn nuôi gia,			2	70	3	105	4	140	2	65	2	69	1	35	1	30	1	34	1	34

STT	Các lớp nghề	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
		Số lớp	Số người	Số lớp	Số người	Số lớp	Số người	Số lớp	Số người	Số lớp	Số người	Số lớp	Số người	Số lớp	Số người	Số lớp	Số người	Số lớp	Số người	Số lớp	Số người
	súc gia cầm																				
4	Trồng rau an toàn			1	35									2	69	2	67	1	33		
5	Nuôi ghép cá nước ngọt thương phẩm			2	67	2	70			1	34	2	70	2	69	1	30	1	35		
6	Trồng và chăm sóc cây ăn quả			1	34	1	35														
	CỘNG:	1	30	6	206	6	210	4	140	4	132	5	174	5	173	4	127	3	102	2	68
	TỔNG CỘNG:	9	269	14	485	14	490	14	485	11	352	10	339	9	313	9	293	8	257	8	264

